STT	Name Vi	UOM
1	ANIOS R444 chai 1L- Dung dịch làm sáng bóng dụng cụ kim loại (Anios/Pháp)	chai
2	ACETON chai 500ml	chai
3	Acid Acetic Glacial 5% chai 500ml	chai
4	ALFASEPT CHG BODY WASH 50ML- Dung dịch tắm sát khuẩn (Lavitec/VN)	chai
5	ANIOSGEL 85NPC chai 500ml- Dung dịch sát khuẩn tay nhanh chứa cồn (Anios/Pháp)	chai
6	<inactive>Aniospray 29 1 Litre- DD Phun Khử Trùng Các Bề Mặt 1 Lít,Chai (ANIOS,France)	chai
7	<inactive>Cidex* Opa Solution 5 Litre,Can (Johnson,Japan)	chai
8	CIDEZYME™ XTRA Can 3.8L, Dung Dịch Tẩy Rửa Đa Enzyme (Johnson/USA)	chai
9	Ethanol (ALCOOL) 70% chai 60mL	chai
10	<inactive>Dermanios Scrub Chlohexidine 1 Litre- DD Rửa Tay Diệt Khuẩn 1 Lít,Chai (ANIOS,France)	chai
11	Hydrogen Peroxide (OXY GIÀ) 3% dung dịch dùng ngoài chai 60mL	chai
12	MICROSHIELD 2% Chlorhexidine 500ml- Dung dịch rửa tay sát khuẩn (Johnson/Úc)	chai
13	<inactive>POVIDINE 10% chai 500ml - Dung Dịch Sát Khuẩn Dùng Ngoài	chai
14	PRESEPT TAB 2.5G- Viên Khử Khuẩn, Hộp 100 Viên (Johnson/Ireland)	viên
15	STERANIOS 2% can 5L- Dung Dịch Khử Nhiễm Và Khử Trùng Lạnh Dụng Cụ (Anios/Pháp)	chai
16	SURFA' SAFE Premium chai 750mll- Dung Dịch Phun Khử Trùng Nhanh Bề Mặt (Anios/Pháp)	chai
17	SURFANIOS Premium can 5L- Dung Dịch Tẩy Rửa, Khử Khuẩn Sàn Nhà Và Bề Mặt (Anios/Pháp)	chai
18	ANIOSAFE MANUCLEAR NPC HF can 5L- Dung dịch rửa tay thường quy (Anios/Pháp)	chai
19	ANIOSAFE MANUCLEAR NPC HF 500ml- Dung Dịch Rửa Tay Thường Quy (Anios/Pháp)	chai
20	DERMANIOS Scrub Chlorhexidine 4% chai 500ml - Dung Dịch Rửa Tay Phẫu Thuật (Anios/Pháp)	chai
21	Boston Simplus Multi-Action Solution 105ml	chai
22	Boston Rewetting Drops 10ml	chai
23	<inactive>LIFO-SCRUB chai 100ml- Dung Dịch Sát Khuẩn Thường Quy Và Phẫu Thuật (B.Braun/Đức)	chai
24	ANIOSYME SYNERGY 5 CAN 5L- Dung Dịch Tẩy Rửa Dụng Cụ Đa Enzyme (Anios/Pháp)	chai
25	<inactive>Gel rửa tay diệt khuẩn Purell 700ml	items
26	<inactive>Gel rửa tay diệt khuẩn Purell TFX 1200ml	chai
27	Ethanol (ALCOOL) 70% chai 1L	chai
28	Ethanol (ALCOOL) 90% chai 1L	chai
29	PRONTOSAN chai 350ml- Dung dịch sát khuẩn vết thương - REF: 400403 (B.Braun/Đức)	chai
30	Dung dịch Monsel 8ml (Premier USA) 9045055	lọ
31	Formalin đệm trung tính 10% can 5L	hộp
32	LUGOL 3% CHAI 500ML	chai
33	<inactive>PRONTOSAN GEL "West" 30ml- Gel Làm Mềm Vết Thương- REF: 400595 (B.Braun/Đức)	chai
34	SANOSIL S010 can 5L- Dung dịch phun sương khử khuẩn bề mặt (Lavitec/VN)	chai
35	PLUM 4694 chai 500ml- Dung dịch rửa mắt khẩn cấp (Plum/Đan Mạch)	chai
36	ALFASEPT 500ml- Dung Dịch Sát Khuẩn Tay Nhanh Chứa Cồn (Lavitec/VN)	chai
37	ANIOSYME X3 CAN 5L- Dung dịch khử khuẩn, tẩy rửa dụng cụ đa enzyme (Anios/Pháp)	chai
38	ANIOSYME X3 chai 1L- Dung dịch khử khuẩn, tẩy rửa dụng cụ đa enzyme (Anios/Pháp)	chai
39	CIDEX OPA can 3.78L (Ortho-Phthalaldehyde)- Dung Dịch Khử Khuẩn Mức Độ Cao (ASP/USA)	chai
40	ANIOSYME SYNERGY 5 chai 1L- Dung Dịch Tẩy Rửa Dụng Cụ Đa Enzyme (Anios/Pháp)	chai
41	<inactive>ETHANOL tinh luyện 70% chai 1 lít, Chai	chai
42	SURFANIOS Premium CHAI 1L- Dung Dịch Tẩy Rửa, Khử Khuẩn Sàn Nhà Và Bề Mặt (Anios/Pháp)	chai
43	<inactive>Dung dịch Formalin đệm trung tính 10%,Thùng 4 chai 3.8 lít,Mỹ, Chai	chai

44	<inactive>CHLORHEXIDINE 4% ALFASEP CLEANSER 4 500ML	chai
45	<inactive>SẮT (III) SULFATE HYDRATE 10G- Chất cầm máu sử dụng sau sinh thiết cổ tử cung	lọ
46	<inactive>Vít xương mắt cá Ø4.5mm x Dài 25mm 001-0009-025 (KG),Cái (,)	items
47	<inactive>Vít xương xốp Ø6.5mm x Dài 80mm 001-0011-080 (KG),Cái (,)	items
48	Vít xương xốp, đk 4,0mm, dài 40mm, ren toàn thân/ 001-0007-040 (KG),Cái (,)	items
49	Certofix TRIO V720- Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng- REF: 4163214 (B.Braun/Đức)	items
50	ESPOCAN 27G x 5''- Bộ gây tủy sống và ngoài màng cứng phối hợp- REF: 4556674 (B.Braun)	bộ
51	<inactive>Bộ Ống Thở Kéo Giãn 2m, Túi DT Khí 2 Lít, Ống Nối Dài 1,5m/ 2154,Bộ (INTERSURGICAL,UK)	bộ
52	Bộ Thông Mở Thận Ra Da 10FR-14Fr/ NEP-1030-J-K,Bộ (Amecath,France)	items
53	Bộ Thông Mở Thận Ra Da 14Fr/ NEP-1430-J-K,Bộ (Amecath,France)	items
54	Wallace Kim Chọc Ối 21G 120mm- REF: 12021 (CooperSurgical/Nhật Bản)	cái
55	Đầu Nối Thẳng, 7.0 - 10.0/ 7.0 - 10.0/ 88177,Cái (VYGON,France)	items
56	<inactive>Dây Hút Đàm Có Van Kiểm Soát 14Fr/ (UNOMEDICAL)	items
57	<inactive>Dây Hút Đàm Có Van Kiểm Soát 6Fr,Cái (UNOMEDICAL,Denmark)	items
58	Dây hút đàm nhớt có van số 10 (Greetmed/TQ)	items
59	<inactive>Dây Hút Đàm Không Có Van Kiểm Soát 8Fr,Cái (UNOMEDICAL,Denmark)	items
60	Dây nối bơm tiêm điện 140cm- REF: 9500065, Hộp 25 cái (B.Braun/Đức)	items
61	<inactive>Dây Nối Bơm Tiêm Điện 150cm (ORG. Perfusor Tubing) / 8722935,Cái (B.BRAUN,Germany)	items
62	Dây Nối Bơm Tiêm Điện 75cm- REF: 9500057, Hộp 50 Cái (B.Braun/Đức)	items
63	DISCOFIX 100cm, Khóa 3 chia có dây nối 100cm- REF: 4098080 (B.Braun/Thụy Điển)	items
64	DISCOFIX 25cm, Khóa 3 chia có dây nối 25cm- REF: 4098218 (B.Braun/Thụy Điển)	items
65	Dây nối oxy 2.1m- REF: 1174003 (Intersurgical/U.K)	items
66	Dây oxy 2 nhánh cho người lớn size L (Greetmed/TQ)	items
67	Dây Oxy 2 nhánh cho trẻ em- REF: 1163000 (Intersurgical/U.K)	items
68	<inactive>DÂY OXY HAI NHÁNH SƠ SINH	items
69	Dây oxy 2 nhánh cho sơ sinh- REF: 1164000 (Intersurgical/Anh)	items
70	Dây Silicon Màu Vàng Dùng Làm Dấu Niệu Quản Trong Phẫu Thuật/ B1095030,Sợi (BBRAUN,Germany)	items
71	INTRAFIX SAFESET LL 180CM, TYPE I.S- Bộ dây truyền dịch an toàn có đầu khóa dịch tự động- REF: 4063	bộ
72	<inactive>INTRAFIX PRIMELINE 180CM, BỘ DÂY TRUYỀN DỊCH DÙNG BƠM- REF: 4062181 (B.BRAUN/E	items
73	<inactive>Dây Truyền Dịch Tránh Ánh Sáng/ 4022009,Bộ (B.BRAUN,Germany)	items
74	SANGOFIX- Bộ dây truyền máu- REF: 4034228 (B.Braun/Đức)	items
75	<inactive>Khóa 3 Ngã Không Dây/ 4095111,Cái (B.BRAUN,Germany)	items
76	BD Vacutainer Safety-Lok 23G, Kim bướm SLBCS lấy máu chân không- REF: 367283 (B.D/USA)	items
77	Smooze Long- Dụng cụ bơm tinh trùng- REF: #4225L (Gynétics/Bỉ)	cái
78	Kim Bướm Venofix A G23/ 4056353 Luer Lock C/C 30Cm ,Cái (B.BRAUN,Germany)	items
79	<inactive>Kim Bướm Venofix A G25/ 4056370 Luer Lock C/C 30Cm,Cái (B.BRAUN,Germany)	items
80	<inactive>Kim Chọc Dò, Gây Tê Tủy Sống Spinocan G20/ 4509900,Cái (B.BRAUN,Malaysia)	items
81	SPINOCAN G22 x 3 1/2", Kim gây tê tủy sống- REF: 4507908-10, Hộp 25 cái (B.Braun/Đức)	items
82	SPINOCAN G25 x 3 1/2", Kim chọc dò gây tê tủy sống- REF: 4505905-10, Hộp 25 cái (B.Braun/Đức)	items
83	SPINOCAN G27 X 3 1/2", Kim chọc dò gây tê tủy sống- REF: 4503902-10, Hộp 25 cái (B.Braun/Đức)	items
84	Ống silicone 5 x 8mm, Mét (VN)	m
85	Kim Luồn 16G/ Terumo,Cái (TERUMO)	items
86	VASOFIX SAFETY FEP 18G 1.75" 1.3 X 45MM, KIM LUỒN TĨNH MẠCH AN TOÀN CÓ CỔNG- REF: 426813(	items
87	VASOFIX SAFETY FEP 20G 1.75" 1.3 X 45MM, KIM LUỒN TĨNH MẠCH AN TOÀN CÓ CỔNG- REF: 426811	items

88	VASOFIX SAFETY FEB 22G 1" 0.9 X 25MM, KIM LUỒN TĨNH MẠCH AN TOÀN CÓ CỔNG- REF: 4268091S-	items
89	INTROCAN SAFETY 3 PUR 20G 1.1X32MM-AP, KIM LUỒN AN TOÀN- REF: 4251130-03 (B.BRAUN)	items
90	INTROCAN SAFETY WINGED FEP 22G 0.9 X 25MM, KIM LUỒN AN TOÀN- REF: 4254511-03 (B.BRAUN/M	items
91	INTROCAN SAFETY WINGED FEP 24G 0.7 X 19MM, KIM LUỒN AN TOÀN (TRẺ EM)- REF: 4254503-03 (B.E	items
92	Ống silicone 4 x 6mm, Mét (VN)	m
93	MINI SPIKE V, BỘ LỌC ĐỊNH LƯỢNG - REF: 4550579 (B.BRAUN / ĐỨC)	items
94	STERICAN G18 X 1 1/2" 1.2 X 40MM, KIM TIÊM VÔ TRÙNG- REF: 4665120 (B.BRAUN/ĐỨC)	items
95	STERICAN G20 X 1 1/2" 0.90 X 40MM, KIM TIÊM VÔ TRÙNG- REF: 4657519, HỘP 100 CÁI (B.BRAUN/MA	items
96	STERICAN G22 X 1 1/2" 0.70 X 40MM, KIM TIÊM VÔ TRÙNG- REF: 4660021, HỘP 100 CÁI (B.BRAUN/MA	items
97	STERICAN 23G X 1" 0.60 X 25MM, KIM TIÊM VÔ TRÙNG- REF: 4657667, HỘP 100 CÁI	items
98	STERICAN 25G X 1" 0.50 X 25MM, KIM TIÊM VÔ TRÙNG- REF: 9186158, HỘP 100 CÁI (B.BRAUN/MALAY	items
99	ChorionSet 20G x 220mm- Kim sinh thiết gai nhau, kim đôi- - REF: PBUT2022 (MDL S.r.l/Ý)	bộ
100	Kim sinh thiết Bard Magnum 18G x 25CM- REF: MN1825 ,Cái (Bard Magnum,USA)	cái
101	Ống dẫn silicone, phụ kiện bộ mở dạ dày qua da (Beijing ZKSK/TQ)	cái
102	NOVOFINE 31G X 6MM, KIM BÚT INSULIN, HỘP 100 CÁI (NORDISK/USA)	items
103	Ống cho ăn có vạch số/X-ray số 6- REF: 197 0620 1 (Bicakcilar/Thổ Nhĩ Kỳ)	items
104	Ống cho ăn có vạch số/X-ray số 8- REF: 1197 0820 1 (Bicakcilar/Thổ Nhĩ Kỳ)	items
105	ARGYLE ỐNG CHO ĂN CÓ NẮP SỐ 6- REF: FD 6050 (COVIDIEN/USA)	items
106	ARGYLE ỐNG CHO ĂN CÓ NẮP SỐ 8- REF: FD 8050 (COVIDIEN/USA)	items
107	PEZZER SỐ 18, ỐNG THÔNG TÚI MẬT (GREETMED/TQ)	items
108	PEZZER SỐ 20, ỐNG THÔNG TÚI MẬT (GREETMED/TQ)	items
109	PEZZER SỐ 16, ỐNG THÔNG TÚI MẬT (GREETMED/TQ)	items
110	PREMICATH 28G (1Fr) có nòng và ống thông IV 24G- Catheter tĩnh mạch ngoại biên sơ sinh- REF: 1261.2	cái
111	Ống Dẫn Lưu Phổi Có Nòng 8FR/ 62508,Cái (VYGON,France)	items
112	ỐNG DẪN LƯU PHỔI KHÔNG NÒNG SỐ 32- REF: 18032011 (BICAKCILAR/THỔ NHĨ KỲ)	items
113	ỐNG HÚT DỊCH PHẪU THUẬT ARGYLE YANKUER- REF: 8888502005 (COVIDIEN/USA)	items
114	ỐNG HÚT THAI IPAS EASYGRIP SỐ 7- REF: SR7 (WOMANCARE GLOBAL/USA)	items
115	Ống hút thai Ipas Easygrip số 8- REF: SR8 (Womancare Global/USA)	items
116	Ống Penrose- Ống dẫn lưu mao dẫn (VN)	items
117	ỐNG THÔNG CHỮ T SỐ 14 (GREETMED/TQ)	items
118	ỐNG THÔNG CHỮ T SỐ 16 (GREETMED/TQ)	items
119	ỐNG THÔNG CHỮ T SỐ 18 (GREETMED/TQ)	items
120	ỐNG THÔNG CHỮ T SỐ 20 (GREETMED/TQ)	items
121	TERUMO AGANI 18G x 1 1/2" 38mm- Kim tiêm vô trùng (Terumo/Nhật)	cái
122	Ống Thông Tiểu 1 Nhánh 10,Cái (Thompson,Taiwan)	items
123	<inactive>Ống Thông Tiểu 1 Nhánh 12,Cái	items
124	Ống thông tiểu 1 nhánh số 14 (Ningbo Greatcare/TQ)	items
125	Ống thông tiểu 2 nhánh số 10- REF: 11106 (Covidien/UK)	items
126	Ống thông tiểu 2 nhánh số 12- REF: 26127 (Covidien/UK)	items
127	<inactive>ỐNG THÔNG TIỂU 2 NHÁNH SỐ 14- REF: 26147 (COVIDIEN/UK)	items
128	Ống thông tiểu 2 nhánh số 16- REF: 26167 (Covidien/UK)	items
129	Ống thông tiểu 2 nhánh số 18- REF: 26187 (Covidien/UK)	items
130	Ống thông tiểu 2 nhánh số 20- REF: 26207 (Covidien/UK)	items
131	Ống thông tiểu 2 nhánh số 22- REF: 26227 (Covidien/UK)	items

132	Ống Thông Tiểu 2 Nhánh CH24/ 26247,Tube (COVIDIEN,UK)	items
133	Ống Thông Tiểu 2 Nhánh CH26/ 26267,Tube (COVIDIEN,UK)	items
134	Ống thông tiểu 2 nhánh số 8- REF: 11086 (Covidien/UK)	items
135	Opsite 45 X 55cm-Transparent Dermal Film,Cái (SMITH & NEPHEW,UK)	items
136	<inactive>Perifix 421 Complete Bộ Gây Tê Ngoài Màng Cứng,REF: 4514211,Bộ (B.BRAUN,Germany)	bộ
137	Perifix ONE 421 Complete Set- Bộ Gây Tê Ngoài Màng Cứng- REF: 4514211C (B.Braun/Đức)	bộ
138	Sonde Chống Xuất Huyết Dạ Dày (sonde blackmore),Cái (RUSCH,Germany)	items
139	Thông mở thận ra da 9Fr/34cm/ RE-410950,Cái (UROTECH,Germany)	items
140	Introcan Safety Winged-FEP 18G- REF: 4254554-03 (B.Braun/Malaysia)	cái
141	Thông mở thận ra da dạng khóa đuôi heo 9Fr/ 34cm/ RP-410950-FI,Cái (UROTECH,Germany)	items
142	Thông Niệu quản chụp hệ niệu ngược dòng, đầu tận mở, có nòng bên trong 6Fr/70cm/ UK-540670,Cái (	items
143	Vygon Bộ Nối Ba Khóa 3 Ngã Có Dây Nối 100cm/ 582713,Bộ (VYGON,France)	items
144	Vygon Bộ Nối Ba Khóa 3 Ngã/ 582793,Bộ (VYGON,France)	items
145	Vygon Bộ Nối Catheter Động Mạch Đùi 18G 4Fr/ 115.12,Bộ (VYGON,France)	items
146	Vygon Catheter Động Mạch G20 8Cm/ 115.090,Cái (VYGON,France)	items
147	Vygon Catheter Động Mạch Quay 20G, 4cm/ 115.094,Cái (VYGON,France)	items
148	Vygon Catheter Động Mạch Quay 20G, 6cm/ 115.096,Cái (VYGON,France)	items
149	NUTRILINE 2Fr / 24G- Catheter tĩnh mạch ngoại biên 2 nòng cho trẻ sơ sinh- REF: 1252.30 (Vygon/Pháp	items
150	PREMICATH 1Fr/28G CÓ KIM- Catheter tĩnh mạch ngoại biên cho trẻ sơ sinh- REF: 1261.20 (Vygon/Phá	items
151	Catheter TĨNH MẠCH RỐN cho trẻ sơ sinh số 3.5Fr- REF: 270.03 (Vygon/Pháp)	items
152	Catheter TĨNH MẠCH RỐN cho trẻ sơ sinh số 5Fr- REF: 270.05 (Vygon/Pháp)	items
153	Catheter TĨNH MẠCH RỐN cho trẻ sơ sinh số 4Fr- REF: 270.04 (Vygon/Pháp)	items
154	Dây silicon 6x9 ,m	m
155	Comforsoft số 16, Ống thông dạ dày 2 nhánh- REF: BGST16NS (Symphon/Đài Loan)	items
156	Comforsoft số 18, Ống thông dạ dày 2 nhánh- REF: BGST18NS (Symphon/Đài Loan)	items
157	Comforsoft số 12, Ống thông dạ dày 2 nhánh- REF: BGST12NS (Symphon/Đài Loan)	items
158	Comforsoft số 14, Ống thông dạ dày 2 nhánh- REF: BGST14NS (Symphon/Đài Loan)	items
159	<inactive>Ống dẫn lưu phổi không nòng số 24- REF: 18024011 (Bicakcilar/Thổ Nhĩ Kỳ)	items
160	Ống dẫn lưu phổi không nòng số 20- REF: 18020011 (Bicakcilar/Thổ Nhĩ Kỳ)	items
161	ARGYLE KANGAROO™ ỐNG THÔNG DẠ DÀY SỐ 14- REF: 8884711519 (COVIDIEN/THÁI LAN)	items
162	Intrapur Inline- Bộ dây truyền thuốc điều trị ung thư- REF: 4099842N (B.Braun/Đức)	items
163	Ống hút thai Ipas Easygrip số 5- REF: SR5 (Womancare Global/USA)	cái
164	Ống hút thai Ipas Easygrip số 6- REF: SR6 (Womancare Global/USA)	cái
165	Kim sinh thiết Bard Magnum 18G x 10cm- REF: MN1810	cái
166	Ống thông tiểu 2 nhánh số 30 (Greetmed/TQ)	items
167	Ống dẫn lưu màng phổi CÓ TROCAR số 18- REF: C62518A (Glocic/Bỉ)	cái
168	Ống thông Chữ T CH 24	cái
169	Dây truyền dịch Intrafix SafeSet 180cm, tránh UV - REF: 4063131 (BBraun / Germany)	cái
170	<inactive>Kim dùng cho đường tiêm truyền cấy dưới da 22G (Cytocan)	cái
171	Ống thông niệu quản có đầu (Well Lead Med/TQ)	cái
172	Mở khí quản 1 nòng có bóng Soft seal số 7.5mm (Portex)	cái
173	Hệ thống hút đàm kín sử dụng 72h số 14Fr- REF: 3720001 (Intersurgical/Anh)	items
174	Bộ Van PEEP 2 - 10 cm H2O (Rescu 7 - Infant) (Galemed Taiwan)	bộ
175	Ống Silicone chịu nhiệt 2 x 4mm, Cuộn 100m (Ngọc Mỹ/VN)	

176	<inactive>Kim lấy máu đốc trong cỡ 22G (BD Singapore), REF/ 301747, Cái	cái
177	Dây hút đàm nhớt có van số 6 (Greetmed/TQ)	cái
178	BD NEXIVA™ 20GA- Bộ kim luồn an toàn kín, Hộp 20 cái- REF: 383517 (B.D/USA)	items
179	BD NEXIVA™ 22GA- Bộ kim luồn an toàn kín, Hộp 20 cái- REF: 383532 (B.D/USA)	items
180	<inactive>BD NEXIVA 24G/Bộ kim luồn an toàn kín/Becton Dickinson-USA,bộ (20 bộ/hộp)	items
181	<inactive>BD NEXIVA 18G/Bộ kim luồn an toàn kín/Becton Dickinson-USA,bộ (20 bộ/hộp)	items
182	Bơm tiêm khí máu động mạch 1ml, không kim- REF: 4041E (Smiths Medical/USA)	cái
183	<inactive>Perifix One 451 Bộ gây tê ngoài màng cứng/ 4514513C, Bộ	bộ
184	Ống thông dạ dày số 12	cái
185	<inactive>Dây hút đàm UNOMEDICAL có kiểm soát số 14, Cái	cái
186	Chạc ba dịch truyền BD Connecta™- Khóa 3 chia không dây- REF: 394600 (B.D/USA)	cái
187	<inactive>Hệ Thống Hút Đàm Kín Size 16 Fr/ 36029182,Bộ (UNOMEDICAL,UK)	cái
188	Bộ thông tiểu- REF: PA-KIT-01A (Thời Thanh Bình/VN)	bộ
189	BD Connecta Plus 10 cm, Khóa 3 chia có dây nối- REF: 394995 (B.D/USA)	cái
190	Dây hút đàm nhớt có van số 14 (Greetmed/TQ)	cái
191	Ống thông tiểu 2 nhánh số 14, Hộp 10 cái (Wellead/TQ)	cái
192	Kim bướm truyền tĩnh mạch 23G / 25G x 3/4" (Vinahankook/VN)	cái
193	Dây hút đàm nhớt có van số 8 (Greetmed/TQ)	cái
194	<inactive>PREMICATH 1FR/28G KHÔNG KIM- Catheter tĩnh mạch ngoại biên cho trẻ sơ sinh- REF: 1261	cái
195	Kim tiêm Insulin Novofine 32G, 0.25 x 4 mm (Novo Nordisk,USA)	items
196	<inactive>KHÓA 3 NGÃ CÓ DÂY 25CM (GREETMED / TQ)	cái
197	Bộ điều kinh 1 van KARMAN (gồm ống hút số 4 và số 5) - SG Medical/VN	bộ
198	Ống hút điều kinh Karman số 6 (Nam Phụng/VN)	cái
199	Ống hút điều kinh Karman số 7 (Nam Phụng/VN)	cái
200	Ống hút điều kinh Karman số 8 (Nam Phụng/VN)	cái
201	<inactive>Băng Cá Nhân Trẻ Em,Cái (TIGERPLAST,Thailand)	miếng
202	Băng Thun 3 MÓC 10.2cm x 5.5m (QM/VN)	cuộn
203	Băng thun 4 MÓC 15cm x 5.5m (QM/VN)	cuộn
204	Băng thun DẠNG LƯỚI size 4 (2.4cm x 25m)- REF: 421-004 (Bastos/Bồ Đào Nha)	cuộn
205	Băng thun DẠNG LƯỚI size 8 (6.3cm x 25m)- REF: 421-008 (Bastos/Bồ Đào Nha)	m
206	Micropore 2.5cm x 9.14m- Băng keo giấy- REF: 1530-1 (3M/USA)	cuộn
207	Optiskin 100 x 90mm- Băng có gạc vô trùng bán thấm, Hộp 50 miếng (Urgo/Pháp)	miếng
208	Optiskin 150 x 90mm- Băng có gạc vô trùng bán thấm, Hộp 50 miếng (Urgo/Pháp)	miếng
209	Optiskin 200 x 90mm- Băng có gạc vô trùng bán thấm (Urgo/Pháp)	miếng
210	Optiskin 250 x 90mm- Băng có gạc vô trùng bán thấm (Urgo/Pháp)	miếng
211	Optiskin FILM 53 x 80mm- Băng dán trong suốt tiệt trùng, Hộp 50 miếng (Urgo/Pháp)	miếng
212	Optiskin 53 x 80mm- Băng có gạc vô trùng bán thấm, Hộp 50 miếng (Urgo/Pháp)	miếng
213	Optiskin FILM 73 x 80mm- Băng dán trong suốt tiệt trùng, Hộp 50 miếng (Urgo/Pháp)	miếng
214	Optiskin FILM 90 x 120mm- Băng dán trong suốt tiệt trùng, Hộp 50 miếng (Urgo/Pháp)	miếng
215	URGO TRANSPARENT- Băng Cá Nhân Trong Suốt, Hộp 100 Miếng (Urgo/Thái Lan)	miếng
216	<inactive>Urgo Băng Gạc Lippido-Colloid Thấm Hút Urgotul Absorb 10 x 12 cm,Miếng (Urgo ,France)	miếng
217	URGOSTERILE 200 x 90mm- Băng gạc vô trùng (Urgo/Thái Lan)	items
218	URGOSTERILE 70 x 50mm- Băng gạc vô trùng (Urgo/Thái Lan)	items
219	<inactive>Urgo Băng Keo Lụa Urgosyval 2.5 Cm x 5 M (Không Hộp),Cuộn (Urgo ,Thailand)	items

220	URGOSYVAL 2.5cm x 9.1m- Băng keo lụa, Hộp 12 cuộn (Urgo/Thái Lan)	items
221	URGOSYVAL 5CM X 5M- BĂNG KEO LỤA (URGO/THÁI LAN)	items
222	ALTOCAST 4 inch (10cm x 3.6m)- Băng Bó Bột Sợi Thủy Tinh (Altochem/Hàn Quốc)	items
223	ALTOCAST 5 inch (12.5cm x 3.6m)- Băng Bó Bột Sợi Thủy Tinh (Altochem/Hàn Quốc)	items
224	ALTOCAST 3 inch (7.5cm x 3.6m)- Băng Bó Bột Sợi Thủy Tinh (Altochem/Hàn Quốc)	items
225	Băng cố định khớp vai PHẢI H1 size S/M/L/XL/XXL (ORBE/VN)	items
226	Băng cố định khớp vai TRÁI H1 size S/M/L/XL/XXL (ORBE/VN)	items
227	Băng thun ổn định cổ chân size S/M (ORBE/VN)	items
228	BĂNG THUN KHUỶU TAY (ORBE/VN)	items
229	TEGADERM™ CHG 10cm x 12cm- Băng cố định catheter tích hợp Chlorhexidine Gluconate- REF: 1658R	miếng
230	Băng Thun Conforming 4m x 10cm- REF: 412-006 (Bastos/Bồ Đào Nha)	items
231	Băng Thun Conforming 4m x 6cm- REF: 412-003 (Bastos/Bồ Đào Nha)	items
232	Băng Thun Conforming 4m x 8cm- REF: 412-005 (Bastos/Bồ Đào Nha)	items
233	DERMABOND HVD INTL 0.5ml- Keo dán da- REF AHV12 (Ethicon/USA)	tuýp
234	Gạc KHÔNG TIỆT TRÙNG 5 x 5cm x 12 lớp, Gói 50 miếng (Bảo Thạch/VN)	bịch
235	Gạc lót đốc kim tiệt trùng 3cm x 4cm x 4 lớp, Gói (Bảo Thạch/VN)	bịch
236	Gạc Tẩm Cồn 4 x 4cm, Hộp 50 Miếng	miếng
237	Gạc Tiệt Trùng CÓ CẢN QUANG 10x10cmx12 lớp, Gói 5 Miếng (Bảo Thạch/VN)	bịch
238	Gạc Tiệt Trùng 10x10Cmx12 lớp, Gói 5 Miếng (Bảo Thạch/VN)	bịch
239	Gạc Tiệt Trùng CÓ CẢN QUANG 20x20cmx12 lớp, Gói 5 Miếng (Bảo Thạch/VN)	bịch
240	Gạc Tiệt Trùng 5x5cmx12 lớp, Gói 5 Miếng (Bảo Thạch/VN)	gói
241	Gạc tiệt trùng 5 x 6.5cm x 12 Lớp, Gói 10 miếng (Bảo Thạch/VN)	bịch
242	Gạc tiệt trùng 7cm x 8cm x 6 lớp, Vải Không Dệt, Gói 3 miếng (Bảo Thạch/VN)	bịch
243	Gói Gạc Rốn TĐ2 Tiệt Trùng, Chăm Sóc Rốn Sơ Sinh (Bảo Thạch/VN)	bịch
244	Gòn viên tiệt trùng (Bảo Thạch/VN)	bịch
245	Histoacryl 0.5ml, Keo dán mô có enbucrilate- REF: 1050044 (B.Braun/Đức)	tuýp
246	Hollister Bột Hút Ẩm Chống Loét/ 7906 (KG),Chai (Hollister,USA)	chai
247	MÀNG PHẪU THUẬT 28 X 30CM- REF: KH20	items
248	Bộ chăm sóc y tế - rửa da phẫu thuật- REF: PA-KIT-14 (Thời Thanh Bình/VN)	bộ
249	MEROCEL 8cm- Gạc Cầm Máu Mũi- REF: 440402 (Medtronic/USA)	items
250	Que gòn tiệt trùng / PHỤ KHOA, ĐẦU TO (Bảo Thạch/VN)	que
251	Que xét nghiệm tiệt trùng dài 15cm, vệ sinh rốn (GÓI), 5 que/gói (Bảo Thạch/VN)	gói
252	SPONGOSTAN Standard 7x5x1cm, Miếng xốp cầm máu tự tiêu- REF: MS0002 (Ethicon/USA)	items
253	Stockinette 6'' 15cm x 25m (Bastos/Bồ Đào Nha)	items
254	SURGICEL 10 x 20cm, Vật liệu cầm máu tự tiêu- REF: W1912 (Ethicon/USA)	items
255	URGO ALGOPLAQUE FILM 10 x 10cm- Băng dán có gạc vô trùng, Hộp 16 miếng (Urgo/Pháp)	miếng
256	SANYRÈNE URGO 20ML- DUNG DỊCH XỊT CHỐNG LOÉT DO TÌ ĐÈ (URGO/PHÁP)	chai
257	URGOTUL 10 x 10cm- Gạc lưới, Hộp 10 miếng (Urgo/Thái Lan)	miếng
258	URGOTUL 15 X 20Cm (10Pcs/Box) ,Cái (Urgo/Thailand)	miếng
259	URGOTUL 5 x 5cm- Gạc lưới, Hộp 10 miếng (Urgo/Thái Lan)	miếng
260	<inactive>Urgo Gạc Lưới Urgotul SSD 10X12Cm (10Pcs/Box) ,Cái (Urgo ,Thailand)	miếng
261	URGOBAND 10cm x 4.5m- Băng thun co giãn (Urgo/Thái Lan)	items
262	URGOBAND 15cm x 4.5m- Băng thun co giãn (Urgo/Thái Lan)	items
263	URGOBAND 7.5cm x 4.5m- Băng thun 2 móc co giãn (Urgo/Thái Lan)	items

264	URGOCREPE 10cm x 4.5m- Băng keo thun co giãn (Urgo/Thái Lan)	items
265	URGOCREPE 6cm x 4.5m- Băng keo thun co giãn (Urgo/Thái Lan)	items
266	URGOCREPE 8cm x 4.5m- Băng keo thun co giãn (Urgo/Thái Lan)	items
267	URGODERM 10cm x 10m- Băng cuộn co giãn không dệt (Urgo/Thái Lan)	items
268	<inactive>Urgopore 2.5Cm X 5 M,Cuộn (Urgo ,Thailand)	items
269	UrgoSorb Silver 10 x 10cm- Băng gạc thấm hút chứa Alginate Bạc (Urgo/Pháp)	miếng
270	Vải cuộn không dệt 0.5m x 100m (Thời Thanh Bình/VN)	cuộn
271	Bộ sát trùng da và thông tiểu- REF: PA-KIT-01 (Thời Thanh Bình/VN)	bộ
272	Túi ủ ấm sơ sinh, kích thước 36 x 52cm- Code: VD-15	cái
273	THERASORB 10 x 20cm Algi Plus Hydrophilic- Băng Gạc Xốp Tiệt Trùng (Won Biogen/Hàn Quốc)	miếng
274	Coban™ Băng thun tự dính 5cm x 4.5m (màu nâu)- REF: 1582 (3M/USA)	cuộn
275	Coban™ Băng thun tự dính 10cm x 4.5m (màu nâu)- REF: 1584 (3M/USA)	cuộn
276	Stockinette 2'' 5cm x 25m (Bastos/Bồ Đào Nha)	m
277	Bộ khăn phẫu thuật MẮT- REF: PA-MA-01CB (Thời Thanh Bình/VN)	bộ
278	ALTOSPLINT™ 6in x 30in (15cm x 75cm)- Nẹp bột sợi thủy tinh (Altochem/Hàn Quốc)	miếng
279	VẢI CUỘN KHÔNG DỆT 0.8M X 200M (THỜI THANH BÌNH/VN)	cuộn
280	Bộ cắt chỉ- REF: K0020 (Viên Phát/VN)	items
281	Bộ khăn gây tê ngoài màng cứng- REF: K1019 (Viên Phát/VN)	items
282	Bông bó bột 2.7m x 7.5cm- REF: 420-102 (Bastos/Bồ Đào Nha)	items
283	Bông Bó Bột 2.7m x 10cm- REF: 420-103 (Bastos/Bồ Đào Nha)	items
284	Bông bó bột 2.7m x 15cm- REF: 420-104 (Bastos/Bồ Đào Nha)	items
285	Băng thun gối H1 size L/XL (ORBE/VN)	cái
286	Băng thun ổn định cổ chân size L/XL (ORBE/VN)	cái
287	<inactive>URGOSTERILE 100 X 70MM- BĂNG GẠC VÔ TRÙNG (URGO/THÁI LAN)	cái
288	URGOSTERILE 150 x 100mm- Băng gạc vô trùng (Urgo/Thái Lan)	cái
289	Stockinette 6'' (15Cm x 25M), 1 unit	m
290	Stockinette 4'' 10cm x 25m (Bastos/Bồ Đào Nha)	m
291	Stockinette 3'' 7cm x 25m (Bastos/Bồ Đào Nha)	m
292	Băng Thun 1 MÓC 5.06cm x 5.5m (QM/VN)	cuộn
293	Gạc dẫn lưu tiệt trùng 1cm x 10cm x 4 lớp (Bảo Thạch/VN)	cuộn
294	<inactive>Băng EUROSUTURE 6mm x 75 mm (EUROFARM - ITALIA) Hộp 50 miếng	miếng
295	Băng thun gối H1 size S/M (ORBE/VN)	cái
296	Băng thun 2 móc (Viêt Nam)	cuộn
297	ADVASIL CONFORM 10CM X 15CM, MIẾNG DÁN SILICONE NGĂN NGỪA VÀ HỖ TRỢ ĐIỀU TRỊ SẸO LỒI (	items
298	Băng thun DẠNG LƯỚI size 6 (5.5cm x 25m)- REF: 421-006 (Bastos/Bồ Đào Nha)	Unit
299	<inactive>Băng Renocare (Thin) 10x10cm (HD14EN01)	miếng
300	Mepilex Border Sacrum 16x20	miếng
301	<inactive>Mepilex border Ag 12.5cmx 12.5cm 395010	miếng
302	<inactive>Nẹp bột sợi thủy tinh Altosplint 10cmx38cm (4inx 15in)	cái
303	TUBIFAST 2-Way Stretch 1m Yellow- Băng ống cố định- REF: 2483 (Molnlycke/Thụy Điển)	cuộn
304	THERASORB ALGI PLUS HYDROPHILIC 10CM X 10CM- BĂNG GẠC XỐP TIỆT TRÙNG CHỐNG DÍNH VẾT	miếng
305	<inactive>Bộ áo chống dịch NS1001 - Vien phat	items
306	<inactive>Băng bó bột thạch cao Duk-in cast 7.5 x 2.7m	cuộn
307	CARTOON PLASTER- Băng cá nhân trẻ em (Greetmed/TQ)	miếng

308	Gạc dẫn lưu tiệt trùng CÓ CẢN QUANG 2cm x 20cm x 6 lớp, Gói 5 miếng (Bảo Thạch/VN)	miếng
309	ALTOCAST 2 inch (5cm X 3.6m)- Băng Bó Bột Sợi Thủy Tinh (Altochem/Hàn Quốc)	cuộn
310	Bộ khăn phẫu thuật lấy sỏi qua da (có 3 áo và phụ kiện)- REF: PA-TN-03AA (Thời Thanh Bình/VN)	items
311	Bộ khăn phẫu thuật phụ khoa (có khăn phủ mayo)- REF: PA-PS-03D (Thời Thanh Bình/VN)	items
312	Bộ khăn phẫu thuật sản (SANH MỔ)- REF: PA-PS-01D (Thời Thanh Bình/VN)	items
313	Tấm chắn bảo hộ, Cái	cái
314	Tấm che mặt có gọng kính, Cái	cái
315	<inactive>Bộ quần áo phẫu thuật-phòng dịch, BBH/X-APU-Thiện Trí, Bộ	items
316	<inactive>Áo Gown Không Tiệt Trùng basic L,60 cái/thùng-NG8002 ,Cái	cái
317	Bộ trang phục phòng dịch 4 món,BBH/7X-DM, cái	cái
318	Bộ đồ bảo hộ y tế 4 món	cái
319	<inactive>Bộ chống dịch cấp 4 ND.S7DCL4, cái	cái
320	Bộ đồ bảo hộ y tế 7 món màu Xanh/trắng, Cái	cái
321	<inactive>Gạc 5cm x 6.5cm-12 lớp, Gói/5 bịch*2 miếng, gói	gói
322	<inactive>Gạc tiệt trùng 10cm x 10cm -8 lớp ĐTT, Gói/ 10 miếng, Gói	gói
323	Optiskin 100 x 70mm- Băng có gạc vô trùng bán thấm, Hộp 50 miếng (Urgo/Pháp)	miếng
324	<inactive>Granulox (Oxy tại chỗ 12ml), GX006,Molnlycke-Thụy Điển,Chai	chai
325	GRANUDACYN 250ml- Dung dịch rửa vết thương- REF: 360100 (Molnlycke/Thụy Điển)	chai
326	MEPILEX BORDER 7.5cm x 7.5cm- Băng dán vết thương tiết dịch- REF: 295200 (Molnlycke/Thụy Điển)	miếng
327	<inactive>Urgotul Ag Silver 10cm x 12cm, hộp 16 miếng, Miếng	miếng
328	Bột bó Dust-In Cast 6 inch (Băng chỉnh hình 15cm x 2.7m)- Hàn Quốc	cuộn
329	<inactive>Foam dán vết thương kháng khuẩn Mepilex Ag 17.5x17.5cm,ATH00736/287321,Hộp 5 miếng	miếng
330	<inactive>Foam dán vết thương kháng khuẩn Mepilex Ag 10x10cm,ATH00770/287110,Hộp 5 miếng, Mi	miếng
331	Granudacyn GEL 50g- Gel làm sạch vết thương- REF: 360107 (Molnlycke/Thụy Điển)	chai
332	GẠC TIỆT TRÙNG 20CM x 20CM x 4 LỚP, GÓI 5 MIẾNG (Bảo Thạch/VN)	gói
333	Màng phẫu thuật Ioban™ 35 cm x 35 cm- REF: 6640EZ (3M/USA)	miếng
334	Màng phẫu thuật Ioban™ 60 cm x 45 cm- REF: 6650EZ (3M/USA)	miếng
335	Gạc ép sọ não 1cm x 8cm x 4 lớp (TT-CQ), Gói 20 miếng	bịch
336	Gạc ép sọ não 2cm x 8cm x 4 lớp (TT-CQ), Gói 20 miếng	bịch
337	BỘ KIT MIẾNG XỐP PHỦ VẾT THƯƠNG BẰNG HÚT ÁP LỰC ÂM, SIZE S	bộ
338	BỘT BÓ DUST-IN CAST 4 INCH (BĂNG CHỈNH HÌNH 10CM X 2.7M)- HÀN QUỐC	cuộn
339	Bột bó Dust-in Cast 3 INCH (Băng chỉnh hình 7.5cm x 2.7m)- Hàn Quốc	cuộn
340	Celsite ST305H SM SET PUR 8.5 F IV (Ref : 04433556){ Buồng tiêm cố định đặt lâu dài dưới da}	bộ
341	Khớp háng bán phần không xi măng EXACTA HaX-Pore, Bộ (Permedica S.p.A/Ý)- TVT	bộ
342	Vít chốt neo cố định dây chằng chéo PULLUP (S.B.M. SAS/Pháp)- IDS Med	cái
343	ĐINH CHỐT CẲNG CHÂN TITAN, CÁC CỠ- KỲ PHONG	cái
344	Đinh K dk 2.0mm dài 150mm vơi 1 đầu nhọn 95-233.20	cái
345	Vít khóa 3.5 các cỡ Aplus-ABC, Cái	cái
346	Vít vỏ 3.5 các cỡ Aplus-ABC, Cái	cái
347	Vít khóa 2.4 các cỡ Aplus	cái
348	Nẹp DCS 7 lỗ Ky phong	cái
349	Vít DHS ky phong	cái
350	Vít vỏ đường kính 4.5mm Ky Phong	cái
351	Vít khóa 3.5 Jiangsu	cái

352	VÍT VỎ 3.5mm (các cỡ)- KỲ PHONG	cái
353	Vít xốp 4.0 Jiangsu	cái
354	Vít vỏ 3.5mm, titan, tiA16V4, 750.3360xx,Khuê Việt-Đức	cái
355	Vít xốp khóa 3.5mm, titan, TiA16V4, 750.3339xx, Khuê Việt-Đức	cái
356	VERSATEX 15 x 10cm, Lưới thoát vị phẳng đơn sợi- REF: VTX1510X3 (Covidien/Pháp)	cái
357	Khớp háng bán phần bipolar không xi măng, chuôi Actinia/EcoFit phủ HA đầu gần hoặc toàn phần	cái
358	Vít vỏ D 4,5 mm, các cỡ, titan TiAl6V4 Intercus Đức ref 750.3460xx	cái
359	Vít khóa D 4,5 mm, các cỡ, titan TiAl6V4 Intercus Đức ref 750.3440xx	cái
360	Nẹp DHS 135 độ gồm nẹp và vít DHS Ref 455	cái
361	Vít vỏ 4.5x20	cái
362	Vít tự tiêu cố định dây chằng chéo (Teknimed/Pháp)- Cao Minh	cái
363	Vít khóa D 2.0 các cỡ Titanium Locking Screws,Cái	cái
364	Vít vỏ D 2.0 các cỡ Titanium Self Tapping Screws,cái	cái
365	Vít khóa 3.5mm,các cỡ Titan 750.3338xx, Khuê Việt-Đức, Cái	cái
366	Lưới điều trị thoát vị TEM1208GR, Sofradim-Pháp, Miếng	miếng
367	Vít khóa xương xốp D 3.5mm, đầu tròn ren, tự taro, titan, 7503339xx, Intercus, Khuê Việt -Đức, Cái	cái
368	Nẹp cố định ngoài kiểu Orthofix chỉnh hình người lớn,Aike-Trung quốc,An Pha, Bộ	bộ
369	Nẹp mini, phải/trái,các loại các cỡ-750510xxx, Intercus Khuê Việt-Đức, cái	cái
370	Vít vỏ D2.0mm, các cỡ ,titan-750320xxx, Intercus, Khuê Việt-Đức, cái	cái
371	Đinh Steimann một đầu nhọn đk 3.0,REF/ A100030503022, Aysam-Thổ Nhĩ Kỳ, Cái	cái
372	Đinh Steimann một đầu nhọn đk 5.0,REF/A100030505020, Aysam-Thổ Nhĩ Kỳ, Cái	cái
373	SỤN SILICONE NÂNG MŨI SOFTXIL A-4.5, C-55, D-20.8 REF: L45	cái
374	VẬT LIỆU CẤY GHÉP TÁI TẠO DA MEGADERM PLUS KT 1.5 X2MM, REF: MGD1	cái
375	BỘ KHỚP HÁNG TOÀN PHẦN KHÔNG XI MĂNG, ASM	bộ
376	NẸP KHOÁ ĐẦU TRÊN XƯƠNG CHÀY TRONG PHẢI 3 LỖ TITAN, REF: 900596043 ,INTERCUS - GERMANY	cái
377	NẸP KHOÁ ĐẦU TRÊN XƯƠNG CHÀY NGOÀI PHẢI 5 LỖ TITAN, REF: 900596235 ,INTERCUS - GERMANY,	cái
378	VÍT KHOÁ XƯƠNG CỨNG D 4.5MM, ĐẦU TRÒN REN, TỰ TARO TITAN, REF: 7503440xx ,INTERCUS - GER	cái
379	VÍT KHOÁ XƯƠNG CỨNG D 4.5 MM TỰ TARO, TITAN REF: 7503460xx , INTERCUS - GERMANY,KHUÊ VIỆ	cái
380	VÍT KHOÁ XƯƠNG XỐP D 5.5 MM, ĐẦU TRÒN REN, TỰ TARO, TITAN, REF: 7503560XX ,INTERCUS - GERM	cái
381	VÍT CỘT SỐNG LƯNG ĐƠN TRỤC MOMENTUS KÈM ỐC KHÓA TRONG, CÁI, (ARTFX / MỸ)	cái
382	VÍT CỘT SỐNG LƯNG ĐA TRỤC MOMENTUS KÈM ỐC KHÓA TRONG, CÁI, (ARTFX / MỸ)	cái
383	NẸP DỌC CỘT SỐNG LƯNG TRAITANFIX, BỘ, (ARTFX / MỸ)	bộ
384	NẸP NỐI NGANG CỘT SỐNG LƯNG MEJORFX, BỘ, (ARTFX / MỸ)	bộ
385	ĐĨA ĐỆM CỘT SỐNG LƯNG CONG INNOVFIX TLIF, BỘ, (ARTFX / MỸ)	bộ
386	MÔ XƯƠNG	cái
387	Khớp háng toàn phần không xi măng SL, X-Pore/Ceramic on Ceramic, Bộ, (Permedica / Italy)	bộ
388	Khớp gối toàn phần có xi măng GKS Prime Flex, Bộ, (Permedica / Italy)	bộ
389	NẸP KHÓA ĐẦU DƯỚI XƯƠNG MÁC TITAN, KỲ PHONG	cái
390	VÍT VỎ TITAN SIZE 3.5 , KỲ PHONG	cái
391	Khớp gối toàn phần loại bản lề - xoay, kết hợp chuôi dài có xi măng Endo Model M, Bộ (Waldemar Link /	bộ
392	NẸP KHÓA XƯƠNG ĐÒN TITAN (TRÁI / PHẢI), CÁC CỠ, KỲ PHONG	cái
393	VÍT KHÓA TITAN SIZE 2.7 (CÁC CỠ)- KỲ PHONG	cái
394	NẸP KHÓA ĐẦU DƯỚI XƯƠNG QUAY TITAN ĐA HƯỚNG, VÍT 2.7 (TRÁI/PHẢI, CÁC CỠ)- KỲ PHONG	cái
395	Khớp gối toàn phần có xi măng loại di động GKS MOBILE, Bộ (Permedica S.p.A/Ý)	bộ

396	NẸP TẠO HÌNH (các cỡ)- KỲ PHONG	cái
397	VÍT XỐP RỖNG 6.5mm (các cỡ)- KỲ PHONG	cái
398	Nẹp khóa ĐẦU TRÊN CẲNG CHÂN TITAN (Trái/Phải, các cỡ)- KỲ PHONG	cái
399	Vít KHÓA TITAN 5.0 (các cỡ)- KỲ PHONG	cái
400	Vít XỐP TITAN 6.5 (các cỡ)- KỲ PHONG	cái
401	Khớp háng bàn phần không xi măng BENCOX ID (Corentec/ Hàn Quốc)- Minh Khang	bộ
402	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng CERAMIC ON POLY- ASM	bộ
403	Đinh KRISCHNER có răng (các cỡ)- KỲ PHONG	cái
404	Nẹp bất động đùi (Jiangsu/TQ)- Hào Nam	cái
405	Nẹp khóa đầu dưới xương trụ titan (trái/phải, các cỡ)- Kỳ Phong	cái
406	Vít vỏ titan số 2.0 (các cỡ)- Kỳ Phong	cái
407	Vít chỉ khâu chóp xoay khớp vai FIXIT Threaded Anchor System- IDS Med	cái
408	POLYSITE ISP Mini 3000, Buồng tiêm cấy dưới da- REF: 3008 ISP (Perouse Medical/Pháp)	bộ
409	Vít neo Swivelock 4.75mm (Arthrex/Mỹ)	cái
410	Vít đính PEEK ReliaFix, rỗng (Hanzhou Rejoin/TQ)	cái
411	Neobone 10cc- Xương nhân tạo dạng hạt 2-4mm (Ceramed/Bồ Đào Nha)	hộp
412	Vít Vỏ Titan Size 2.7 (các cỡ) - KỲ PHONG	cái
413	Đinh xương chày các cỡ (Canwell Medical/TQ)- Phương Khánh	bộ
414	HANAROSTENT Stent đại tràng- Code: TLC-22-120-230 (M.I Tech/Hàn Quốc)	cái
415	Nẹp khóa xương mác titan II (trái/phải, các cỡ)- Jiangsu Ideal Med/TQ- Kỳ Phong	cái
416	Nẹp khóa CHỮ T bàn ngón tay titan (các cỡ) (Jiangsu Ideal Med/TQ)- Kỳ Phong	cái
417	Bộ nẹp khóa thân xương đòn các cỡ (Canwell Medical/TQ)- Phương Khánh	bộ
418	Bộ nẹp khóa bàn ngón tay, dài các cỡ (Canwell Medical/TQ)- Phương Khánh	bộ
419	BD Bơm tiêm 1ml, kim 26G x 1/2" (0.45 x 13mm)- REF: 301321 (BD/Singapore)	items
420	BƠM TIÊM 1ML, CÓ KIM 26G X 1/2", HỘP 100 CÁI	items
421	BD Bơm tiêm 10ml LUER LOCK, không kim- REF: 302149 (B.D/Singapore)	items
422	Bơm tiêm 10ml, có kim 23G x 1", Hộp 100 cái	items
423	BD BƠM TIÊM ĐIỆN 20ML LUER-LOCK, HỘP 50 CÁI- REF: 300141 (BD/SINGAPORE)	items
424	Bơm tiêm 20ml, có kim 23G x 1", Hộp 50 cái (Vinahankook/VN)	items
425	BD Bơm tiêm 3ml, kim 23G 1 TW (0.6mm x 25mm)- REF: 302110 (B.D/Singapore)	items
426	Bơm tiêm 3ml, có kim 23G x 1", Hộp 100 cái	items
427	BD Bơm tiêm 5ml LUER-LOCK, không kim- REF: 302135 (B.D/Singapore)	items
428	Bơm tiêm 5ml, có kim 23G x 1", Hộp 100 cái	items
429	Bơm tiêm 50ml ĐẦU TO, CHO ĂN	items
430	<inactive>Bơm tiêm 50 Ml Luer Lock/ B.D 300144,Cái (B.D,UK)	items
431	Bơm tiêm 50ml không kim, Hộp 25 cái	items
432	<inactive>Bơm tiêm 50Ml Original Perfusor/ 8728844F,Cái (B.BRAUN,Germany)	items
433	OMNICAN 100 IU 1ml- Bơm tiêm insulin- REF: 9151141S (B.Braun/Đức)	items
434	Que đè lưỡi GỖ, Hộp 100 cái (Lạc Việt/VN)	que
435	Que đè lưỡi NHỰA, Hộp 100 cái (Medicos/VN)	que
436	Cây Nòng Đặt Nội Khí Quản Số 10, OD 3.3mm- REF: 8080010 (Intersurgical/Anh)	que
437	Cây Nòng Đặt Nội Khí Quản Số 14, OD 4.7mm- REF: 8080014 (Intersurgical/Anh)	que
438	Cây Nòng Đặt Nội Khí Quản Số 6, OD 2mm- REF: 8080006 (Intersurgical/Anh)	que
439	Dây garo cao su lấy máu chân không- REF: 367203, Hộp (B.D/Singapore)	hộp

440	Dây Garo	items
441	Điện Cực Đo Tim Cho Trẻ Sơ Sinh/ 3M 2268-3 (gói 3 cái), (3M,Canada)	gói
442	Bơm tiêm 3ml KHÔNG KIM (Vikimco/VN)	cái
443	Dụng Cụ Cố Định Ống Dẫn Lưu Đứng Thẳng/ Hollister 9782 (KG),Cái (Hollister,USA)	items
444	Dụng Cụ Cố Định Ống Dẫn Lưu Nằm Ngang/ Hollister 9781 (KG),Cái (Hollister,USA)	items
445	Dụng Cụ Dùng Chuyển Mẫu Máu/ Luer Adapter REF/ 367290,Cái (BD,USA)	items
446	Dụng cụ giữ kim lấy máu, màu vàng- REF: 364879	items
447	Bơm tiêm 5ml KHÔNG KIM (Vikimco/VN)	cái
448	Bơm tiêm 10ml KHÔNG KIM (Vikimco/VN)	cái
449	Bơm tiêm 20ml KHÔNG KIM (Vikimco/VN)	cái
450	<inactive>Găng Tay Khám Không Bột Size M/ TopGlove,Đôi (TOPGLOVE,Malaysia)	pairs
451	<inactive>Găng Tay Khám Không Bột Size S/ TopGlove,Đôi (TOPGLOVE,Malaysia)	pairs
452	<inactive>Găng Tay Khám M,Đôi (TOPGLOVE,Malaysia)	pairs
453	<inactive>Găng Tay Khám S,Đôi (TOPGLOVE,Malaysia)	pairs
454	Cây nòng đặt nội khí quản số 6Fr (IdealCare/Malaysia)	que
455	<inactive>Găng Tay Phẫu Thuật 6,Đôi (Malaysia)	pairs
456	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng CÓ BỘT số 6.5	pairs
457	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng CÓ BỘT số 7.0	pairs
458	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng CÓ BỘT số 7.5	pairs
459	<inactive>Găng Tay Phẫu Thuật Không Bột Size 6.5,Đôi (Profeel,Malaysia)	pairs
460	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng KHÔNG BỘT số 7.0, Hộp 50 đôi (PA/Malaysia)	pairs
461	<inactive>Găng Tay Phẫu Thuật Không Bột Size 7.5,Đôi (Profeel / PA)	pairs
462	Cây nòng đặt nội khí quản số 10Fr (IdealCare/Malaysia)	que
463	Găng tay SẢN KHOA tiệt trùng (Nam Tín/VN)	items
464	Gel điện tim chai 250ml (Turkuaz/Thổ Nhĩ Kỳ)	chai
465	GEL SIÊU ÂM CAN 5L	chai
466	Cây nòng đặt nội khí quản số 14Fr (IdealCare/Malaysia)	que
467	Lọ đựng đàm vô trùng số 10 (Greetmed/TQ)	chai
468	Khẩu Trang Buộc Dây Dùng Trong Phẫu Thuật, Hộp 50 cái (Thời Thanh Bình/VN)	items
469	Khẩu Trang Đeo Tai, Hộp 50 cái (Thời Thanh Bình/VN)	items
470	Kính Bảo Vệ Mắt (3-P/VN)	items
471	<inactive>K-Y Jelly 82g,Tube (Johnson,France)	tuýp
472	LAB Lam Kính Mờ 7105, hộp 72 Cái (3-P,CHINA)	hộp
473	Lọ đựng mẫu phết tế bào âm đạo 100ml, Gói 24 cái (3-P/VN)	chai
474	Lọ nước tiểu không tiệt trùng, nắp màu vàng (VN)	chai
475	Mỏ Vịt Nhựa Sử Dụng 1 Lần Size M (Lạc Việt/VN)	items
476	Mỏ Vịt Nhựa Sử Dụng 1 Lần Size S (Lạc Việt/VN)	items
477	Nón Con Sâu, Gói 100 Cái (Thời Thanh Bình/VN)	items
478	Nút Chặn Kim Luồn/ 4238010,Cái (B.BRAUN,Germany)	items
479	TẤM LÓT THẤM HÚT 40 X 60CM, GÓI 20 CÁI (THỜI THANH BÌNH/VN)	items
480	<inactive>Tấm Trải Nylon Không Tiệt Trùng 80 x 140/ DPD288,Cái	items
481	Tạp dề nylon, Gói 20 cái (Thời Thanh Bình/VN)	cái
482	Thùng Đựng Kim Hủy 1.5 L	items
483	Thùng Đựng Kim Hủy 6.8 L	items

484	Túi Chứa Phân 57mm Sử Dụng Kẹp/ Hollister18103 (Dùng Với Đế) (KG),Cái (Hollister,USA)	items
485	Túi Chứa Phân 70mm Sử Dụng Kẹp/ Hollister 18104 (Dùng Với Đế) (KG),Cái (Hollister,USA)	items
486	Túi chườm nóng lạnh 3M- REF: 1570 (3M/USA)	items
487	Túi lấy mẫu nước tiểu cho nhi, thể tích 200ml (Ormed/TQ)	cái
488	Túi Nước Tiểu Vô Trùng 2 Lít	items
489	Bút đánh dấu phẫu thuật- REF: 2750 (Aspen Surgical/USA)	items
490	<inactive>Găng tay khám không bột size XS, Top glove	pairs
491	Clotest (Pylory Test)- Bộ Test Phát Hiện Nhanh H.Pylori, Hộp 20 test	items
492	Chỉ Thị Hóa Học Kiểm Tra Gói Hấp- REF: 504052600, Gói 250 test (Getinge/USA)	test
493	Lọ đựng đàm vô trùng số 12 (Unomedical/U.K)	items
494	Que gòn lấy mẫu bệnh phẩm trong ống nghiệm tiệt trùng (TQ)	items
495	Lam kính hiển vi trơn 7102 (Greetmed/TQ)	hộp
496	PENCAN 27G x 3 1/2" (0.4 x 88mm)- Kim gây tê tủy sống- REF: 4502052-13 (B.Braun/Đức)	items
497	Vòng đeo tay bệnh nhân người lớn MÀU TRẮNG, Cuộn 100 cái (Shenzhen/TQ)	cái
498	Vòng đeo tay bệnh nhân người lớn MÀU VÀNG, Cuộn 100 cái (Shenzhen/TQ)	cái
499	Vòng đeo tay bệnh nhân người lớn MÀU ĐỎ, Cuộn 100 cái (Shenzhen/TQ)	cái
500	Vòng đeo tay bệnh nhân trẻ em MÀU XANH, Cuộn 100 cái (Shenzhen/TQ)	cái
501	Vòng đeo tay bệnh nhân trẻ em MÀU HỒNG, Cuộn 100 cái (Shenzhen/TQ)	cái
502	Dụng cụ giữ kim, sử dụng nhiều lần- REF: 368872 (B.D/USA)	cái
503	<inactive>Khẩu trang N95 (3M 8210/9001)	cái
504	<inactive>Khẩu trang đeo tai BISOU (4 lớp cao cấp) / Ngọc Mỹ	cái
505	<inactive>Bơm tiêm Insulin 100UI,kim ngắn 1ml,cây (Hộp 100 cây) Becton Dickinson USA	items
506	Khẩu trang N95 Vflex™- REF: 9105 (3M/USA)	cái
507	GĂNG TAY KHÁM SẠCH CÓ BỘT SIZE S, HỘP 50 ĐÔI (DUY HÀNG/VN)	pairs
508	Găng Tay Khám Sạch Size M, Hộp 50 Đôi (Duy Hàng/VN)	pairs
509	Găng tay khám sạch size L, Hộp 50 đôi (Duy Hàng/VN)	pairs
510	Găng tay khám sạch HTC KHÔNG BỘT size S, Hộp 50 đôi (HTC Gloves/VN)	pairs
511	Găng tay khám sạch HTC KHÔNG BỘT size M, Hộp 50 đôi (HTC Gloves/VN)	pairs
512	Găng tay khám sạch VGlove KHÔNG BỘT size S, Hộp 50 đôi (Khải Hoàn/VN)	pairs
513	<inactive>Mỏ vịt MPV dùng một lần size M, Cái (Y tế Việt Nam)	cái
514	<inactive>Puitan 5.5'' Sterile Non-absorbent Mini-tip Polyester Swab(25-800 D 50),Puritan-Mỹ,50 cái/h	cái
515	<inactive>K-Y Jelly 50g,tube,Johnson-France	tuýp
516	Găng tay khám sạch VGLOVE KHÔNG BỘT size M, Hộp 50 đôi (Khải Hoàn/VN)	pairs
517	GĂNG TAY PHẪU THUẬT TIỆT TRÙNG KHÔNG BỘT SỐ 6.5, HỘP 50 ĐÔI (PA/MALAYSIA)	pairs
518	Kẹp dùng cho túi chứa phân 70mm,Hollister, Cái	cái
519	Flexima Uro Silk 12-55mm, Túi dẫn lưu đường mật- REF: 044913A (B.Braun/Pháp)	cái
520	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng VGlove/ MERUFA 6.5 có bột, Hộp 50 đôi,Việt Nam-Minh Trí, Đôi	pairs
521	<inactive>Khẩu trang y tế N95, Optimise-VN, Cái	cái
522	INTOUCH SLIDE số 6.5- Găng tay phẫu thuật tiệt trùng không bột, Hộp 50 đôi (Kossan/Malaysia)	pairs
523	Khẩu trang EFAS FFP2 tiệt trùng, Hộp 50 cái	cái
524	Bơm tiêm MPV ECO 1ml, Hộp 100 cái (MPV/VN)	cái
525	<inactive>Găng tay y tế có bột size M, Vglove, Hộp 50 đôi, Đôi	pairs
526	Khẩu trang TENAMYD FM-N95, hộp 20 cái-VN, Cái	cái
527	<inactive>Găng tay phẫu thuật có bột size 7 MERUFA, Đôi	pairs

528	<inactive>Dây hút đàm số 10,Greetmed,(Lọ đựng vô trùng số 10), Bộ	bộ
529	USTOPPER Nút chặn đuôi kim luồn có cổng bơm thuốc- REF: ISV-WUH000HB, Hộp 100 cái (USM Health	cái
530	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng KHÔNG BỘT số 6.5, Hộp 50 đôi (Great Glove/Malaysia)	pairs
531	GĂNG TAY PHẪU THUẬT TIỆT TRÙNG KHÔNG BỘT SỐ 7.5, HỘP 50 ĐÔI (GREAT GLOVE/MALAYSIA)	pairs
532	GĂNG TAY PHẪU THUẬT TIỆT TRÙNG KHÔNG BỘT SỐ 7.0, HỘP 50 ĐÔI (GREAT GLOVE/MALAYSIA)	pairs
533	Ống tiêm nước muối 0.9% Sodium Chloride 10ml BD- REF: 306575 (B.D/Tây Ban Nha)	cái
534	Ống tiêm nước muối 0.9% Sodium Chloride 5ml BD- REF: 306574 (B.D/Tây Ban Nha)	cái
535	Bơm tiêm điện 50ml LUER-LOCK, Hộp 20 cái- REF: SS50LE (TERUMO/Nhật)	cái
536	KIM CANNULA TIÊM VÙNG MẶT TIME MACHINE G23	cái
537	STAINLESS STEEL Baby Daisy Oct Rose Apr Crystal- Xỏ khuyên tai trẻ em- Code: 7582-6015-23	Đôi
538	Khăn em bé M- REF: 03D04 (Viên Phát/VN)	items
539	Váy sản phụ khoa, dùng 1 lần, Gói 5 cái (Thời Thanh Bình/VN)	items
540	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiệt khuẩn dụng cụ y tế Plasma, Hộp 200 miếng (Sterivic Medical/TQ)	cái
541	THÒNG LỌNG CẮT POLYP HÌNH TRÒN 30MM- REF: PTS-2323-30-A (ZHUJI/TQ)	cái
542	BỘ BẪY NƯỚC D-FEND PRO DÙNG CHO MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN GE- REF: M1182629 (GE HEALTH	cái
543	BỘ DÂY TƯỚI RỬA, KIỂM SOÁT DÒNG CHẢY, SỬ DỤNG 1 LẦN- REF: 031524-10 (KARL STORZ/ĐỨC)	bộ
544	Đai số 8 (Đai xương đòn) H1 size L (ORBE/VN)	items
545	Đai số 8 (Đai xương đòn) H1 size S/M (ORBE/VN)	items
546	Đai số 8 (Đai xương đòn) H1 sze XL (ORBE/VN)	items
547	Bộ xốp hút dịch bằng áp lực âm V.A.C. Granufoam CỠ TRUNG - REF: M8275052/10, Bộ (KCI/ Mỹ)	bộ
548	V-LOC™ 180 số 0 dài 30cm, kim tròn GS-21 dài 37mm, vòng kim 1/2c- REF: VLOCL0316 (Covidien/USA)	cái
549	NẠNG NHÔM NGƯỜI LỚN LUCASS C-925, CÁI	cái
550	Dụng cụ hoạt hóa huyết tương giàu tiểu cầu (PRP-PRF)- Model: MA-1 (Goodmorning Bio/Hàn Quốc)	cái
551	Nẹp cẳng tay PHẢI H4 size S-M-L-XL (ORBE/VN)	items
552	Nẹp ngón tay cái H1 (TAY TRÁI) size S-M-L (Orbe/VN)	items
553	Nẹp cẳng tay TRÁI H4 size S-M-L-XL (ORBE/VN)	items
554	Nẹp cánh tay PHẢI H3 size M/L (ORBE/VN)	items
555	Nẹp cánh tay TRÁI H3 size L (ORBE/VN)	items
556	Nẹp chống xoay NGẮN H1 size L- 724L (Orbe/VN)	items
557	Nẹp cổ cứng H1 size L (ORBE/VN)	items
558	Nẹp cổ cứng H1 size S / M (ORBE/VN)	items
559	Nẹp cổ cứng H1 size XS (ORBE/VN)	items
560	Nẹp cổ mềm Universal size L, 10cm (ORBE/VN)	items
561	Nẹp cổ mềm Universal size M, 8cm (ORBE/VN)	items
562	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio 90 độ (HMM Medical/USA)- IDS Med	cái
563	Dây bơm nước chạy bằng máy- REF: 5201-63 (Vimex sp.zoo/Ba Lan)- IDS Med	cái
564	Lưỡi bào xương (Endovison/Hàn Quốc)- IDS Med	cái
565	Nẹp cổ tay PHẢI H1 size L (ORBE/VN)	items
566	Nẹp cổ tay PHẢI H1 size M (ORBE/VN)	items
567	Nẹp cổ tay TRÁI H1 size L (ORBE/VN)	items
568	Nẹp cổ tay TRÁI H1 size M (ORBE/VN)	items
569	Đai thắt lưng cao cấp OLUMBA size M (ORBE/VN)	items
570	Nẹp GỐI H3 60cm size L (ORBE/VN)	items
571	Nẹp GỐI H3 60cm size M (ORBE/VN)	items

572	Túi treo tay cao cấp H2 size L (ORBE/VN)	items
573	Túi treo tay cao cấp H2 size M (ORBE/VN)	items
574	Túi treo tay cao cấp H2 Size S (ORBE/VN)	items
575	VỚ ĐÙI DUOMED MÀU DA SIZE L, HỞ NGÓN (MEDI/ĐỨC)	pairs
576	VỚ ĐÙI DUOMED MÀU DA SIZE M, HỞ NGÓN (MEDI/ĐỨC)	pairs
577	Sodium Hypochloride (HYPOSOL 3%) chai 500ml- Dung dịch bơm rửa tủy trong nha khoa (Pervest DenP	chai
578	Calcium Hydroxide Dạng Bột 10g- Vật liệu điều trị tủy trong nha khoa (Pervest DenPro/Ấn Độ)	lọ
579	CaviWipes 1- Giấy lau sát khuẩn bề mặt dùng trong nha khoa	hộp
580	Hi-CLEAN Spray Chai 550ml- Dầu tra tay khoan (NSK/Đài Loan)	chai
581	Lưới điều trị són tiểu không tự chủ 10 x 450mm DUZEY SVT (Thổ Nhĩ Kỳ)	miếng
582	Chỉ nha khoa Oral-B Essential Original, Cuộn (Ireland)	cuộn
583	Túi đựng bệnh phẩm nội soi- REF: XG-500 (MorSafe/Ấn Độ) - VDT	cái
584	Băng keo chỉ thị tiếp xúc 18mm x 55m- REF: 1322-18MM (3M/Canada)	cuộn
585	AESCULAP Kẹp Niêm Phong Cho Hộp Đựng Dụng Cụ Phẫu Thuật- REF: JG739 (B.Braun/Đức)	hộp
586	Băng che mắt chiếu vàng da cho trẻ sơ sinh N-A (30-38cm), Gói 20 cái (Farstar/TQ)	miếng (
587	Dụng cụ hoạt hóa huyết tương giàu tiểu cầu- Model: MA-1 (Goodmorning Bio/Hàn Quốc)	cái
588	Chổi Phết Tế Bào Âm Đạo Cytobrush (STERIL/Singapore)	items
589	POSE-JEL GÓI 5G- Dung dịch bôi trơn (Pose Healthcare/Thái Lan)	gói
590	Tay cầm bào mô + dây nối máy- REF: VR-0034/VR-1000 (Veol MedTech/Ấn Độ) - VDT	bộ
591	Giấy quỳ tím thử nước ối	items
592	Gói thử kiểm tra chất lượng lò tiệt khuẩn hơi nước, Hộp 30 gói- REF: 1233LF (3M/USA)	bịch
593	PartoSure TEST- Bộ xét nghiệm định tính PAMG-1, đánh giá nguy cơ sinh non (QIAGEN Sciences LLC/US	bộ
594	AmniSure ROM TEST- Bộ xét nghiệm định tính PAMG-1, phát hiện vỡ ối (QIAGEN Sciences LLC/USA)	bộ
595	Aesculap Nhãn Chỉ Thị Hiển Thị Dấu Tiệt Trùng- REF: JG744, Hộp 1000 cái (B.Braun/Đức)	hộp
596	Túi ép hấp tiệt trùng TYVEK 100mm x 70m (Cross Protection/Malaysia)	cuộn
597	Test Kiểm Soát Độ Kín Của Túi Ép/ SPS 35002574,Cái (3M,USA)	miếng (
598	Test Sinh Học (Thử Độ Tiệt Trùng Có Chứa Vi Sinh Vật)/ 3M 1292,Cái (3M,USA)	tuýp
599	<inactive>Tube CIT PLH 13X75 1.8 PLBL/BL(1.8 ml CITRAT)-(363080),Tube (BD,Singapore),Cái (BD,)	tuýp
600	Ống nghiệm BD CITRATE 3.2%, 1.8ml 13x75mm, NẮP XANH DƯƠNG- REF: 363080 (BD/USA)	tuýp
601	Ống nghiệm BD EDTA K2 PLH 4ml 13x75mm, NẮP MÀU TÍM- REF: 367861 (BD/USA)	tuýp
602	<inactive>Tube GLU PLH PLBL GR (2 ml/4ml NaF)-Tube	tuýp
603	Ống nghiệm BD LIHEP PLH LITHIUM HEPARIN 4ml 13x75mm, NẮP XANH LÁ- REF: 367884 (BD/USA)	tuýp
604	Ống nghiệm BD MICROTAINER EDTA K2 0.5ml, NẮP HỒNG TÍM- REF: 365974, Gói 50 ống (BD/USA)	tuýp
605	Ống nghiệm BD PLN PLH SERUM 4ml 13x75mm (chất chống đông máu), NẮP MÀU ĐỎ- REF: 367812 (B	tuýp
606	<inactive>AESCULAP STERILIT- Dầu bôi trơn bảo dưỡng dụng cụ, chai 300ml- REF: JG600 (B.Braun/Đức	chai
607	Kim chích cầm máu dạ dày dùng 1 lần GSN-26-23-180	items
608	Ngáng miệng có dây choàng dùng cho người lớn- REF: VDK-KD-B1 (Jiangsu/TQ, Minh Long)	items
609	Kềm sinh thiết DẠ DÀY (Radial Jaw™ 4) đường kính 2.2mm, dài 160cm- REF: M00513381 (Boston Scient	cái
610	Kềm sinh thiết ĐẠI TRÀNG (Radial Jaw™ 4) đường kính 2.2mm, dài 240cm- REF: M00513401 (Boston Sc	cái
611	Kim Chích Cầm Máu đk 2.3mm, dài 230 cm, dùng 1 lần, 23G, VDK-IN-23-230-2304-A	items
612	Ống nối dây máy thở cao tần, đa hướng, tiệt trùng- REF: AMB-11131501 (USM/VN)	items
613	Intersorb Plus™- Vôi Soda Dùng Trong Y Tế, Can 5L- Ref: 2179000 (Intersurgical/Anh)	items
614	<inactive>Bơm tiêm cản quang 2 nòng máy CT 190ml - Bayer (Đôi gồm 2 bộ) ZY6322	pairs
615	Kim lấy máu chân không hai đầu 22G x 1.5"- REF: 360211 (B.D/UK)	items

616	ARGYLE ỐNG CHO ĂN CÓ NẮP SỐ 10- REF: FD 10050 (COVIDIEN/USA)	items
617	Bộ lọc nước DELABIE - DE30050A/ DE30250	items
618	Lọ đựng phân, có muỗng (chất bảo quản F2M)	cái
619	Lọ đựng phân (có muổng) (không chất bảo quản)(bag=100pcs)	cái
620	Chỉ thị hóa học dùng cho máy rửa khử khuẩn- REF: 503864600, Gói 50 test (Getinge/USA)	items
621	Ống hút đàm nhớt có kiểm soát số 12- REF: STC1220 (Covidien/Thái Lan)	items
622	Ống nội khí quản không bóng chèn số 3.0 - EDT9336	items
623	<inactive>Ống nội khí quản không bóng chèn số 4.5 - EDT9345	items
624	ARGYLE ỐNG CHO ĂN CÓ NẮP SỐ 5- REF: FD 5050 (COVIDIEN/USA)	items
625	Ống hút đàm nhớt có kiểm soát số 14- REF: STC1420 (Covidien/Thái Lan)	items
626	<inactive>Kẹp cầm máu clip có vỏ, độ mở 11mm, dài 2300mm, dùng 1 lần, VDK-CD-11-230-P	items
627	QUE THỬ THAI	items
628	Gạc KHÔNG TIỆT TRÙNG 10 x 10cm x 8 lớp, Gói 100 miếng (Bảo Thạch/VN)	bịch
629	<inactive>Giấy thấm lấy mẫu xét nghiệm sàng lọc sơ sinh 10550110 Rev.AA	items
630	Bản cực âm (Loại Kép) trung tính người lớn, sử dụng 1 lần- REF: RS25/5, Gói 5 cái (Skintact/Áo)	items
631	Bộ catheter động mạch 18Ga x 8cm- REF: HP-X1822 (Biometrix/Israel)	items
632	Bông băng bảo vệ mắt, Gói 10 miếng (Bảo Thạch/VN)	items
633	Ống thông hậu môn số 20 (Greetmed/TQ)	items
634	Ống thông hậu môn số 22 (Greetmed/TQ)	items
635	Ống thông hậu môn số 24 (Greetmed/TQ)	items
636	Ống thông hậu môn số 26 (Greetmed/TQ)	items
637	Ống thông hậu môn số 28 (Greetmed/TQ)	items
638	Vòng tránh thai T380A	items
639	Ống cho ăn số 14 (Greetmed/TQ)	items
640	Ống thông dạ dày số 16 (Greetmed/TQ)	items
641	Ống thông dạ dày số 18 (Greetmed/TQ)	items
642	Kềm gắp dị vật dạng lưới. 25x55mm, 230cm, VDK-FG-25-230-C2	items
643	Kềm gắp dị vật răng chuột, d 2.3mm, 230cm, sử dụng 1 lần VDK-FG-23-230-A2	items
644	Kềm gắp dị vật răng cá sấu, đường kinh 2.3mm, dài 2300mm, sử dụng 1 lần VDK-FG-23-230-A1	items
645	Ống thông ổ bụng số 28 (Merufa/VN)	items
646	Dây hút dịch phẫu thuật có 2 đầu nối 8mm, dài 3.0m (Thời Thanh Bình/VN)	items
647	Bình dẫn lưu áp lực âm 400ml (Greetmed/TQ)	items
648	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm, tiệt trùng, KHÔNG GÁ (nắp màu đỏ)	items
649	Lọ đựng bệnh phẩm không gá (màu đỏ - không tiệt trùng - 100 cái / bịch)	items
650	Ống xông mũi sử dụng một lần	items
651	Ống xông họng sử dụng một lần	items
652	SKINTACT Điện Cực Dán Đo Điện Tim- REF: RT34, Hộp 500 cái (Leonhard Lang/Áo)	cái
653	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm, tiệt trùng, CÓ GÁ (nắp màu vàng)	cái
654	ANCHORFAST GUARD 5-10mm- Dụng cụ cố định nội khí quản- REF: 9800 (Hollister/USA)	cái
655	ART-LINE KIT- Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn người lớn, có dây nối phụ- REF: AF-T0002 (Biometrix/I	cái
656	Co chữ T tập cai máy thở (co nối chữ T, van chia sẵn oxy 40%, ống nối)- REF: 1040013 (Intersurgical/U.K	items
657	Dụng cụ khâu cắt nội soi đa năng 60mm Ethicon PSEE60A	items
658	Băng đạn xanh dương - dùng cho khâu cắt nội soi sử dụng pin 60mm Ethicon GST60B	items
659	ART-LINE 20GA x 4.5cm- Catheter động mạch quay đo huyết áp động mạch xâm lấn- REF: HP2000 (Bior	items

660	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng 75mm, chiều cao kim đóng từ 1.5-2.0mm - NTLC75 (Hà Nội)	items
661	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng 55mm , kim Titanium Alloy - SR75	items
662	Dụng cụ khâu nối tròn 21- 33mm, kim đóng từ 1mm-2.5mm, kim titanum alloy - CDH33A	items
663	LigaV Clip TITAN Kẹp Mạch Máu size ML, màu xanh lá- REF: 0301-01ML, Gói 6 cái (Grena/Anh)	gói
664	LigaV Clip TITAN Kẹp Mạch Máu size L, màu cam- REF: 0301-01L, Gói 6 cái (Grena/Anh)	gói
665	Trocar nội soi, nhựa, không dao 11mm B11LT	items
666	Dụng cụ giữ clip nội soi, 10mm, kẹp clip trung bình lớn LT300-EL314	items
667	Dụng cụ giữ clip nội soi, 10mm, kẹp clip lớn LT400-EL414	items
668	Túi nuôi ăn sử dụng cho máy Amika- REF: 7751743 (Fresenius Kabi/Đức)	bộ
669	<inactive>Pix'L cannula 0.5 x 40mm-25G - ref100769099	items
670	<inactive>Babyhaler	items
671	Kim sinh thiết Bard Magnum 18G x 20cm- REF: MN1820	items
672	Dụng cụ khâu cắt nội soi đa năng 60mm Ethicon PSEE60A OT3	items
673	Bộ ống với syringe Karl Storz ti2089	items
674	Dây dẫn bơm dung dịch dài 2200mm ti2070 (ti20-910)	items
675	Ống thông bàng quang, Luer/Lock, double lumen, 9CH, 400mm, ti20-092	items
676	UnoMeter™ 500ml- Bộ đo và đựng nước tiểu theo từng ml- REF: 25039742 (Observe Medical/Thụy Điển)	items
677	NẸP BÓNG CHÀY- Thanh nẹp cố định khớp ngón tay (Orbe/VN)	cái
678	Nẹp đệm NGẮN H1 size M- 734M (Orbe/VN)	cái
679	Nẹp đệm DÀI H2 size L- 735L (Orbe/VN)	cái
680	NẸP ISELIN- Thanh nẹp cố định khớp ngón tay (Orbe/VN)	cái
681	Nẹp chống xoay NGẮN H1 size M- 724M (Orbe/VN)	cái
682	Nẹp chống xoay DÀI H2 size M- 725M (Orbe/VN)	cái
683	Nẹp chống xoay DÀI H2 size L- 725L (Orbe/VN)	cái
684	Áo cột sống (155-165cm) size L- REF: 335L (Orbe/VN)	cái
685	Click'aV Clip POLYMER Kẹp Mạch Máu size ML, màu xanh lá- REF: 0301-03ML, Gói 6 cái (Grena/Anh)	cái
686	Click'aV Clip POLYMER Kẹp Mạch Máu size L, màu tím- REF: 0301-03L, Gói 6 cái (Grena/Anh)i	cái
687	Áo cột sống (155-165cm) size XL- REF: 335XL (Orbe/VN)	cái
688	Áo cột sống (155-165cm) size XXL- REF: 335XXL (Orbe/VN)	cái
689	Que nitrate bạc AgNO3 75%	que
690	Ống xông mũi thủy tinh	items
691	Ống xông họng thủy tinh	items
692	Kim kit ne 1.0mm/310mm 311031	cái
693	Kim kit ne đk 1.2mm 311231	cái
694	Kim kit ne đk 1,4mm 311431	cái
695	Kim kit ne đk 1.5mm 311531	cái
696	Kim kit ne đk 2.2mm 312231	cái
697	Kìm banh bột Henning 28cm 24.0114.28	cái
698	Kìm banh bột 23cm 24.0104.23	cái
699	Kéo cắt băng Lister 18cm g140324118	cái
700	chỉ thép cuộn đk 1.0/ 50cm 301005 OT 10	cái
701	Cây đặt thông tiểu khó	cái
702	Ống dẫn khí quản có lumen thông khí size 5.0mm- REF: 09-5917 (Sumi/Ba Lan)	cái
703	Kim kít-ne đk 2.0mm 312031	cái

704	Kim kít-ne đk 2.4mm 312431	cái
705	Vít xốp rỗng đk 7.3 - 7032, PP Kỳ Phong, Cái	cái
706	<inactive>Pigtail nephro catheter Ref 12Fr 537035/ 540017	cái
707	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản loại 7 vòng cao su ref:M00542251	items
708	Vòng thắt cho HX- 20- 1 MAJ-254 (10 CÁI / HỘP)	cái
709	<inactive>Kim gây tê đám rối STIMUPLEX A 100mm,30,21GX4.0 4894260	cái
710	Bộ dây máy thở người lớn loại lòng ống trơn có 2 bẫy nước- REF: 5009000 (Intersurgical/Anh)	items
711	Dây máy co giãn trẻ em dài 1.6m- REF: 2161000 (Intersurgical/Anh)	cái
712	Dây máy gây mê co giãn 1 nhánh dài 2m- REF: 1526000 (Intersurgical/Anh)	cái
713	Ống nghiệm BD MICROTAINER LITHIUM HEPARIN 0.5ml, NẮP XANH LÁ- REF: 365965, Gói 50 ống (BD/U	ống
714	Lancet Quikheel, Kim lấy máu gót chân 1mm x 2.5mm- REF: 368101 (B.D/USA)	cái
715	Đai thắt lưng cao cấp OLUMBA size L (ORBE/VN)	cái
716	Đai thắt lưng cao cấp OLUMBA size XL (ORBE/VN)	cái
717	Đai thắt lưng cao cấp OLUMBA size XXL (ORBE/VN)	cái
718	mesh Duzey SVT female Urinary Incontinance set	items
719	Đế bằng có băng keo Hollister 57mm 14603	cái
720	Dụng cụ bắn ghim Securetrap Ethicon Strap25R	cái
721	PARIETEX 15 x 10cm- Lưới thoát vị chống dính thành bụng polyester- REF: PCO1510FX (Coviedien/USA	cái
722	Orocare™ Aspire, Bàn Chải Đanh Răng Kèm Nước Súc Miệng Chlorhexidine- REF: 3016001 (Intersurgica	cái
723	SmartSite™ Đầu nối an toàn không kim- REF: 2000E7D (B.D/USA)	cái
724	SmartSite™ Đầu nối an toàn 3 dây- REF: 20038E7D (BD/USA)	cái
725	Đế bằng có băng keo Hollister 70mm 14604	cái
726	Bản đánh shock sử dụng một lần máy CU Medical - người lớn	pairs
727	Bản đánh shock sử dụng một lần máy CU Medical - trẻ em	pairs
728	Dây bơm nước Dyonics 25 Smith&Nephew	items
729	Vít neo cố định dây chằng endobutton CL Ultra Smith&Nephew	items
730	<inactive>Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio Super Turbo Vac90,Smith&Nephew, Việt Sing/ASC4250-01, Cái	cái
731	Vít dây chằng chéo tự tiêu Biosure HA Smith&Nephew	items
732	Giấy gói dụng cụ tiệt trùng 80 x 80cm, Gói 25 cái (Thời Thanh Bình/VN)	cái
733	Máy xông khí dung Omron NE-C801 (Omron Healthcare/Nhật Bản)	cái
734	<inactive>Venosan vớ đùi hở ngón size S	pairs
735	VỚ ĐÙI DUOMED MÀU DA SIZE S, HỞ NGÓN (MEDI/ĐỨC)	pairs
736	Pessary Hodge Silicone- Vòng nâng dọa sanh non (Cooper Surgical/USA)	items
737	<inactive>Chụp bảo vệ thực quản Endo-Flex Ref 131000	items
738	Đai số 8 (Đai xương đòn) H1 size XXL (ORBE/VN)	cái
739	SKINTACT Điện cực dán đo điện tim người lớn, Gói 30 cái- REF: F-TB1 (Leonhard Lang/Áo)	cái
740	IDKit HP Two- Bộ xét nghiệm hơi thở C13 (Meridian Bioscience/Israel)	cái
741	KIWI OmniCup- Dụng cụ giác hút sản khoa cầm tay (trong sanh thường)- REF: VAC-6000M (Clinical Inn	cái
742	Lọc giấy tròn đường kính 190mm Aesculap (100 cái/gói)- B.Braun	gói
743	Ống hút đàm nhớt có kiểm soát số 8- REF: STC0820 (Covidien/Thái Lan)	cái
744	Bộ nẹp gỗ	items
745	Túi ép dụng cụ tiệt trùng LOẠI DẸP 75mm x 200m (Mpack/Malaysia)	cuộn
746	Túi ép dụng cụ tiệt trùng LOẠI DẸP 100mm x 200m (Mpack/MALAYSIA)	cuộn
747	Túi ép dụng cụ tiệt trùng LOẠI DẸP 150mm x 200m (Mpack/MALAYSIA)	cuộn

748	Túi ép dụng cụ tiệt trùng LOẠI DẸP 200mm X 200m (Mpack/MALAYSIA)	cuộn
749	Túi ép dụng cụ tiệt trùng LOẠI DẸP 250mm X 200m (Mpack/MALAYSIA)	cuộn
750	Túi ép dụng cụ tiệt trùng LOẠI DẸP 300mm X 200m (Mpack/MALAYSIA)	cuộn
751	Vớ GỐI Duomed size L, hở ngón CCL1 (Medi/Đức)	pairs
752	Vớ GỐI Duomed size M, hở ngón CCL1 (Medi/Đức)	pairs
753	Vớ GỐI Duomed size S, hở ngón CCL1 (Medi/Đức)	pairs
754	Prong mũi nhi, sơ sinh cho Medin CPAP . size S,M,L	cái
755	<inactive>Canula thở mũi nhi , sơ sinh cho CPAP	cái
756	Giấy gói dụng cụ tiệt trùng 120 x 120cm, Gói 50 cái (Thời Thanh Bình/VN)	cái
757	Kẹp cầm máu clip có vỏ, độ mở 11mm, dài 2300mm- REF: VDK-CD-11-230-P (Jiangsu Vedkang/TQ)	cái
758	Thòng lọng cắt polyp hình oval , đường kính 20mm, dài 2300mm, VDK-SD-23-230-20-A1	cái
759	Pipelle de Cornier- Dụng cụ hút dịch âm đạo- REF: 1103000 (Laboratoire CCD/Pháp)	cái
760	Dây thở chuyên dùng cho giường hồi sức sơ sinh (Fanem) 020075600	cái
761	Chỉ thị sinh học cho tiệt khuẩn bằng hơi nước, Hộp 50 ống- REF: 1492V (3M/USA)	ống
762	Đầu gắn ống soi, thẳng, có rãnh 13.9mm (5 cái/hộp) MH-594	cái
763	Đầu gắn ống soi, thẳng có rãnh, 17.2mm (5 cái/hộp) MH-597	cái
764	Bình dẫn lưu áp lực âm 200ml (Greetmed/TQ)	cái
765	ARGYLE ỐNG HÚT ĐÀM NHỚT CÓ KIỂM SOÁT SỐ 10- REF: STC1020 (COVIDIEN/THÁI LAN)	cái
766	<inactive>Tấm điện cực trung tính không dây dùng cho người lớn (Vật Tư theo máy) E7509B Medtronic	cái
767	Bộ dây truyền chống gập kèm túi chứa dịch giảm đau 200ml dùng cho máy Rythmic Evolution- REF: KE1	bộ
768	PROTACK™ 5mm- Bộ ghim khâu cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn)- REF: 174006 (Covidien/USA)	cái
769	Lưới chống dính hình tròn Parietex 15cm (PCO15FX) Medtronic - Covidien Pháp	cái
770	MEDIVEN THROMBEXIN 18, Vớ Đùi size XS- Vớ phòng ngừa huyết khối (Lagimed/Đức)	pairs
771	MEDIVEN THROMBEXIN 18, Vớ Đùi size M- Vớ phòng ngừa huyết khối (Lagimed/Đức)	pairs
772	MEDIVEN THROMBEXIN 18, Vớ Đùi size L- Vớ phòng ngừa huyết khối (Lagimed/Đức)	pairs
773	Lumbamed Basic MEN Silver I / II- Đai Lưng 664 (Medi/Đức)	cái
774	Lumbamed Basic MEN Silver III- Đai Lưng 664 (Medi/Đức)	cái
775	Lumbamed Basic MEN Silver IV- Đai Lưng 664 (Medi/Đức)	cái
776	Lumbamed Basic WOMEN Silver I / II- Đai Lưng 663 (Medi/Đức)	cái
777	Lumbamed Basic WOMEN Silver III- Đai Lưng 663 (Medi/Đức)	cái
778	Lumbamed Basic WOMEN Silver IV- Đai Lưng 663 (Medi/Đức)	cái
779	Protect.Epi Silver II / S- Nẹp khuỷu tay Golf/Tennis (Medi/Đức)	cái
780	Protect.Epi Silver III / L- Nẹp khuỷu tay Golf/Tennis (Medi/Đức)	cái
781	Genumedi Silver I / II- Nẹp Gối (Medi/Đức)	cái
782	Genumedi Silver III- Nẹp Gối (Medi/Đức)	cái
783	Genumedi Silver IV- Nẹp Gối (Medi/Đức)	cái
784	Genumedi Silver V / VI- Nẹp Gối (Medi/Đức)	cái
785	Protect.LEVA IV / L- Nẹp mắt cá chân silicone (Medi/Đức)	cái
786	Protect.LEVA III / M- Nẹp mắt cá chân silicone (Medi/Đức)	cái
787	Protect.LEVA II / S- Nẹp mắt cá chân silicone (Medi/Đức)	cái
788	MEDIVEN THROMBEXIN 18, Vớ Đùi size XL- Vớ phòng ngừa huyết khối (Lagimed/Đức)	pairs
789	Đai bụng sau sinh size XL (94-110cm)- REF: EB-501	cái
790	Ống thông JJ số 8- REF: U05A092826 (Well Lead Med/TQ)	cái
791	Dây thở T-Piece (Vật tư theo máy)- Code: 2071532-001 (GE HealthCare/Singapore)	cái

792	<inactive>Nẹp hơi cổ chân One size OH 920	cái
793	Nạng nhôm TRẺ EM (cặp)	pairs
794	<inactive>Túi hút dịch Fitfix 2 lít , DKI-RD 2862F (Daiken Japan)	cái
795	Đai số 8 (Đai xương đòn) H1 size XS (ORBE/VN)	cái
796	Đai số 8 (Đai xương đòn) H1 size XXS (ORBE/VN)	cái
797	Chổi rửa loại mềm dùng 1 lần (MAJ-1888)	cái
798	Dây dẫn hướng 0.035".4500mm đầu cong (G-260-3545A)	cái
799	<inactive>Dây dẫn hướng 0.025".4500 mm đầu thẳng (G-260-2545 S)	cái
800	Cannula đường mật ,loại V (1 cái/hộp) (PR-V214Q)	cái
801	Dao cắt kim có phủ lớp cách điện (KD-V451M)	cái
802	Dao cắt cơ vòng ,loại V (KD-V411M-0725)	cái
803	Rọ kéo sỏi 4 dây ,xoay được (FG-V422PR)	cái
804	Rọ lấy sỏi 4 dây ,tương thích dây dẫn hướng (FG-V432P)	cái
805	Rọ cho BML-3Q (MAJ-244)	cái
806	Bộ đẩy stent, 7FR (MAJ-1818)	cái
807	Bộ đẩy stent, 8.5 Fr(MAJ-1819)	cái
808	<inactive>Bộ đẩy stent,10Fr (MAJ-1820)	cái
809	Dụng cụ bơm bóng (MAJ--1740)	cái
810	Bộ thắt giãn tĩnh mạch thực quản gồm tay quay và 7 vòng thắt (tay quay dùng lại) BL18-7A , China	bộ
811	Bộ fastrack (mask thanh quản size 4 + cây giữ nội khí quản + nội khí quản lò xo số 7) OT5	bộ
812	Sò đánh bóng nha chu	items
813	Chổi đánh bóng răng TPC, Hộp 144 cái (TPC Inc./USA)	cái
814	Khăn choàng bệnh nhân (nhiều màu) (Dental)	gói
815	Tip P1 (Dental)	cái
816	Khóa mở mũi cạo vôi (Dental)	cái
817	Composite đặc trám răng 3M, màu A1 (Dental) 3M USA	ống
818	Composite đặc trám răng 3M, màu A2 (Dental) 3 M USA,REF:1370A2	ống
819	Composite đặc trám răng 3M, màu A3 Dental) 3M USA	ống
820	Composite đặc trám răng 3M A3.5 (Dental) 3M USA	ống
821	Composite lỏng trám răng 3M, màu A2 (Dental) 3M USA	ống
822	Composite lỏng trám răng 3M, màu A3.5 (Dental) 3M USA	ống
823	Bond single 3M , 6g Dental) 3M USA, REF/51205	chai
824	Etching Denfill 5ml Dental) Vericom Korea	ống
825	Nhám kẽ kim loại GC New Metal Strips dùng trong nha khoa, hộp 12 cái (GC/ Nhật)	hộp
826	Giấy cắn Hanel đỏ 40um (10 xấp /hộp) Hanel - Germany (Dental)	hộp
827	Đai Cellulo (Dental)	hộp
828	Ống hút nước bọt VN trong xanh (100 cái / gói) (Dental) T&T VietNam	bịch
829	Chêm gỗ, dùng trong nha khoa (PDTM Dental/Thụy Sĩ)	cái
830	Fuji IX lớn (15g:8g) màu A3 (Dental) GC-Nhật	hộp
831	Xi măng gắn sứ Fuji plus (Dental) GC- Nhật	hộp
832	Prime Gel, Gel bôi tê thoa nướu răng dùng trong nha khoa (Prime Dental/USA)	hộp
833	Chất lấy dấu Aroma Fine Plus 500g (Dental) GC Nhật	bịch
834	Thạch cao đặc biệt Snow Rock (túi thiếc) (Dental) Snow Rock - Korea	bịch
835	Cọ tăm bông TPC dùng trong nha khoa, hộp 100 cái (TPC/USA)	hộp

836	Cement gắn tạm Cavex 35g:16g (Dental) Cavex Hà Lan	hộp
837	Nhựa tự cứng hồng (Dental) USA	chai
838	Nhựa tự cứng trắng (Dental)USA	chai
839	Nước tự cứng Lang 100ml (Dental) USA	chai
840	Varserline 20g (Dental) VN	chai
841	Bôi trơn ống tủy Glyde Dentsply 3ml dùng trong nha khoa (Dentsply/USA)	ống
842	Cone giấy paper có vạch số 20 (Dental) Diadent Korea	hộp
843	Cone giấy paper có vạch số 25 (Dental) Diadent-Korea	hộp
844	Cone giấy paper có vạch số 35 (Dental) Diadent -Korea	hộp
845	Cone giấy paper có vạch số 40 (Dental) Diadent-Korea	hộp
846	Cone chỉnh Gutta Percha số 30 (Dental) Diadent-Korea	hộp
847	Gutta Percha Protaper ASS F1 (Dental) DEnsply USA	hộp
848	Gutta Percha Protaper ASS F2 (Dental) DEnsply USA	hộp
849	Gutta Percha Protaper ASS F3 (Dental) DEnsply USA	hộp
850	Canxium hydroxide (ULTRACAL XS 35% 1.2G)- BĂNG THUỐC NỘI NHA, ĐẶT TRONG ỐNG TỦY (ULTRAD	ống
851	Ceivitron 30g, VL hàn răng (Reco-Dent/Đài Loan)	hộp
852	Endomethasone N 14 gram, Root Canal Sealer (Septodont/France)	hộp
853	Zinc Oxide Powder India 110g (Dental) Prevest India, REF/ 40028	hộp
854	Eugenol Sultan 30ml (Dental) Sultan USA	chai
855	Cầm máu Spongel 2*2*0.5cm (Dental) China	hộp
856	Tẩy trắng Polaoffic 35% (Dental) SDI-Autralia	bộ
857	Tẩy trắng tại nhà Opalescence 20%(Dental) Ultradent USA	ống
858	Sáp hồng nền (lá)TQ 250g hộp nhỏ(Dental) China	hộp
859	Lưới băng đường tiểu nữ 2 nhánh loại thấp dùng trong phẫu thuật niệu bao gồm : Lưới + bộ kim IS-HELIC	bộ
860	Ống thay thế mở dạ dày ra da lần 2 của bộ mở dạ dày ra da Endovic PEG Pull 24FR(M00582160)	cái
861	Khung tập đi Lucass W-79	cái
862	Nạng khủy tó , cái	cái
863	LentuloRA 21MM3*Not CE* (A002222100312)	hộp
864	Lentulo RA 21 MM 4 * Not CE* (A002222100412)	hộp
865	Carbur Bone Cutters FG016 (E054135101600)	items
866	Carbur Bone Cutters PM016 (E054114101600)	items
867	Carbide Bur Endo -Z FG 21MM (E015234100000)	items
868	Lentulo RA 21MM 1 * Not CE * (A002222100112)	hộp
869	Finger Spreaders M 25MM C (A182M02500300)	hộp
870	Mooser Auxiliary Bur RA 2 (C005420000200)	hộp
871	Finger Spreaders M 25 MM B (A182M02500200)	hộp
872	Mooser Auxiliary Bur RA1 (C005420000100)	hộp
873	Finger Spreaders M 25MM A (A182M02500100)	hộp
874	Protaper H-U ASS 25MM (A041802590112)	hộp
875	Hedstroem M- ACC 21MM 45-80 (A16MA02190112)	items
876	Protaper H-U ASS 21MM (A041802190112)	hộp
877	Hedstroem M-ACC 21MM 15-40 (A16MA02190012)	items
878	Finger Spreaders M 21MM B (A182M02100200)	hộp
879	Lentulo RA 21MM 2 (A002222100212)	cái

880	Unimetric Titanium Set 0.8 (C226T00000800)	hộp
881	<inactive>Ngáng miệng sử dụng 1 lần (Endo- Flex USA) 600020 (Thái Dương)	cái
882	Thòng lọng cắt polyp (Cook Medical USA) G22629	cái
883	Kim chích cầm máu dạ dày , đại tràng sử dụng 1 lần 2.3mm, chiều dài kim 4mm, dài 230cm (Endo Flex	cái
884	Kìm sinh thiết DẠ DÀY (dài 180cm, đường kính 2.3mm)- REF: NE0222-C (ENDO-FLEX/Đức)	cái
885	Kìm sinh thiết ĐẠI TRÀNG (dài 230cm, đường kính 2.3mm)- REF: NE0222-G (ENDO-FLEX/Đức)	cái
886	Mũi khoan 2.5	cái
887	Mũi khoan 2.7	cái
888	Mũi khoan 3.5	cái
889	Đầu nối cho kênh dụng cụ (10 cái /hộp) MAJ-1606	cái
890	Dây bơm nước (Arthrex)	cái
891	Bộ bơm rửa dùng trong phẫu thuật thay khớp (Stryker)	bộ
892	Lưỡi nạo nội soi STR (Stryker)	cái
893	Loa soi tai HEINE dùng 1 lần cho Nhi 2.5mm (50 cái/ gói) Heine- Germany	gói
894	Screw AO 4.5 L26mm (vít vỏ Ao 4.5,syn) code 214.824	cái
895	Screw AO 4.5 L24mm (vít vỏ Ao 4.5,syn) code 214.826	cái
896	Mũi khoan xương AO 3.5mm L145mm code 310.310	cái
897	Điện cực dán Dura- Stick Plus (túi / 4 cái) 42192, túi	items
898	Giấy gói dụng cụ tiệt trùng 100 x 100cm, Gói 50 cái (Thời Thanh Bình/VN)	cái
899	Lumbamed Basic MEN Silver V- Đai Lưng 664 (Medi/Đức)	cái
900	Lọc đo chức năng hô hấp, đầu ngậm hình elip- REF: 141102 (Plastimed/Thổ Nhĩ Kỳ)	cái
901	Nẹp GỐI H3 60cm size S (ORBE/VN)	cái
902	Nẹp gối chức năng H1 (Nẹp khóa gối - Universal)- Orbe/VN	cái
903	Nẹp NGÓN TAY CÁI (Trái/Phải) H1 size S-M-L (Orbe/VN)	cái
904	Nẹp đệm NGẮN H1 size S- 734S (Orbe/VN)	cái
905	Băng cố định khớp vai tư thế dạng H1 size L (Đai chóp xoay)- Orbe/VN	cái
906	Curavac wound dressing size S	items
907	<inactive>Bình hút dịch Canister 600	items
908	Kim lấy máu Accu-Chek SoftClix, Hộp 25 cái- REF: 03307492001 (Roche/Đức)	hộp
909	Accu-Chek Instant (Set mmol/L)- Máy đo đường huyết- REF: 09221808020 (Roche/Đức)	cái
910	Haemocat Signo V1220 Catheter Set 20cm (B Braun) 7029685	cái
911	Dây thở dùng 01 lần cho máy thở HT 70 Plus- REF: CT-11304 (Besmed/Đài Loan)	bộ
912	Chăn làm ấm toàn thân NGƯỜI LỚN- REF: 5030810 (Covidien/USA)	items
913	Chăn làm ấm toàn thân TRẺ EM- REF: 5030840 (Covidien/USA)	items
914	Lọc hút máy cho bộ điều chỉnh chân không- REF: 11813 (Technologie/Pháp)	items
915	Ống nước nối kênh dụng cụ (10 cái/hộp)- REF: MAJ-1607	cái
916	Ống nối kênh nước phụ (10 cái/hộp) ref: MAJ-1608	cái
917	Que chọc ối bằng nhựa- REF: 29945 (Gima/Ý)	items
918	Tẩy trắng Polaoffic 35% (Dental) SDI-Autralia - DT3	items
919	Lưỡi thẳng cắt nạo xoang loại thẳng, đường kính 4mm- REF: 1884004 (Vật tư theo máy)	items
920	Lưỡi cắt nạo xoang loại cong 40 độ, đường kính 4mm- REF: 1884006 (Vật tư theo máy)	items
921	Lưỡi cắt nạo VA loại cong 40 độ, đường kính 4mm- REF: 1884008 (Vật tư theo máy)	items
922	Lưỡi cắt xoang Tricut mũi thẳng, xoang bướm 2.9mm, dài 11cm- REF: 1882904 (Vật tư theo máy)	items
923	cao su lấy dâu elite HD+ (cao su đặc) REF C203000,250ml	hộp

924	Cao su lấy dấu light Elite HD+ (cao su nhẹ) REF C203035,90ml	hộp
925	Vớ ĐÙI Duomed màu da size XL, hở ngón (Medi/Đức)	pairs
926	Cảm biến đo nồng độ SpO2 cho trẻ em, dùng một lần- REF: MAX I-I/MAX NI (MedLinket/China)	cái
927	Đầu gắn ống soi, 15mm (10 cái/hộp), cái, D-201-14304	cái
928	SonoCath HSG Catheter size 5Fr- REF: 06-105X (Titus Medical/USA)	cái
929	Nẹp cổ tay TRÁI H1 size S (ORBE/VN)	items
930	Nẹp cổ tay PHẢI H1 size S (ORBE/VN)	items
931	Kít PRP Adistem (10 ml PRP, 10 ml PPP+01 Kim lấy máu, 04 Pipet, 04 Falcon 15ml),Gói/9 bộ Kít (Adister	bộ
932	<inactive>Dây dẫn đường phủ hydrophilic Copper Medical Technology Co Ltd	cái
933	Dụng cụ khâu đóng da trong phẫu thuật-Appose ULC Skin Stapler 35W,Conviden/ 8886803712, Cái	cái
934	Đinh Kirschner 1.8 x 300mm- Kỳ Phong	cái
935	Đinh Kirschner 2.0 x 300mm- Kỳ Phong	cái
936	<inactive>Thòng lọng cắt Polyp kích thước nhỏ (1.5mm),G22631/ ASM-1-S,Cook Medical-Mỹ,THÁI DƯC	cái
937	Dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng trong phẫu thuật cắt trĩ Longo 33mm-3.5mm- REF: HEM3335 (Covid	cái
938	Lumbamed Maternity I- Đai bầu (Medi/Đức)	cái
939	Lumbamed Maternity II- Đai bầu (Medi/Đức)	cái
940	Bộ xịt cầm máu khẩn cấp HEMOSPRAY ENDOSCOPIC HEMOSTAT, HEMO-7EU, Bộ	bộ
941	Bộ mở thông dạ dày qua da ,PEG-24-PULL-I-S,Bộ	bộ
942	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản (Tay quay và đầu thắt 6 vòng),SLK-6, Bộ	bộ
943	dây dẫn niệu quản có phủ ưa nước 0.035"/150cm Ref S415035	items
944	Sonde JJ số 7Fr dài 26cm- REF: SPUS2370 (Seplou Inc./USA)- ECO VN	items
945	Nẹp khóa đầu dưới xương mác 6 lỗ Hao Nam	items
946	Vít vỏ 40x18 Hao Nam	items
947	Vít khóa 40x16 Hao nam	items
948	Vít khóa 2.7 x 16 Hao Nam	items
949	<inactive>Nẹp hơi Aircast stirrup II (L) Ref 02VLL	items
950	AirSelect™ SHORT size MEDIUM- Giày tập đi CỔ NGẮN- REF: 01ES-M	cái
951	AirSelect™ STANDARD size SMALL- Giày tập đi CỔ CAO- REF: 01EF-S	cái
952	Acrobat 2 wire guide AWG2-35-450,(Dây dẫn đường mật) Thái Dương ,cái	cái
953	Dao cắt sphincterotomy TRI-TOME TRI-25M .Cái	cái
954	ERCP catheter, Fushion Ref: FS-GT-2, Thái Dương	cái
955	Stent đường mật kim loại tự bung Ref: 019-01C-10-060	cái
956	Stent đường mật kim loại tự bung non cover Ref 019-01B-10-060	cái
957	Stent đường mật kim loại tự bung non cover Ref 019-01B-10-080	cái
958	Biliary stent PE pre-curved PE20xx, PE20008008/PE20408005, Thái Dương ,CÁI	cái
959	Easypump II LT 100-50-S- Bơm tiêm cơ học đàn hồi- REF: 4540016 (B.Braun/Đức)	cái
960	AirSelect™ STANDARD size MEDIUM- Giày tập đi CỔ CAO- REF: 01EF-M	cái
961	AirSelect™ SHORT size LARGE- Giày tập đi CỔ NGẮN- REF: 01ES-L	cái
962	AirSelect™ SHORT size SMALL- Giày tập đi CỔ NGẮN- REF: 01ES-S	cái
963	Air-Stirrup II™ Băng mắt cá chân TRÁI, size M (23.5cm)- REF: 02VML	cái
964	Air-Stirrup II™ Băng mắt cá chân PHẢI, size M (23.5cm)- REF: 02VMR	cái
965	Air-Stirrup II™ Băng mắt cá chân TRÁI, size L (26.7cm)- REF: 02VLL	cái
966	Air-Stirrup II™ Băng mắt cá chân PHẢI, size L (26.7cm)- REF: 02VLR	cái
967	Dao cắt kim, HPC-3/ G24885,Thái Dương. Cái	cái

968	Rọ tán sỏi Wive basket, MSB-3X6, Cái	cái
969	<inactive>Thòng lọng cắt Polyp hình Oval,đk 15mm,dài 2300mm,VDK-SD-23-230-15-A1/C3,MINH LON	cái
970	<inactive>Tube 9NC Buffered Citrate (2 ml CITRAT)-(14074)-(KIMA,Italy),Hộp 50 tube,Tube	tuýp
971	Triple Lumen Extraction Balloon (bóng kéo sỏi) N135030PRO (Endo-Flex), Thái Dương	cái
972	Guide Wire Sphincterotome (Dao cắt cơ vòng) OE230TRLC (Endo-Flex), Thái Dương	cái
973	Găng tay tắm bé, Gói 100 cái (Thời Thanh Bình/VN)	cái
974	Catheter truyền dich dòng cao Secalon-T 16G,16cm,681004/A,Merit-Singapore(Hoàng Việt Long), Cái	cái
975	Ống thông mở đường mật qua da Skater Size 10F- 756510030,Argon-Mỹ (Hoàng Việt Long),Cái	cái
976	AirSelect™ SHORT size X-SMALL- Giày tập đi CỔ NGẮN- REF: 01ES-XS	cái
977	Nẹp ngón tay cái (TRÁI) H1 trẻ em size XS (Orbe/VN)	cái
978	Nẹp ngón tay cái (PHẢI) H1 trẻ em size XS (Orbe/VN)	cái
979	Ống thông mở đường mật qua da Skater size 8Fr-756508030, Argon-Mỹ (Hoàng Việt Long), Cái	cái
980	<inactive>Dụng cụ khâu da cỡ vừa, Hudson-Mexico (Phương Phương),528135,Hộp 6 cái, Cái	cái
981	DỤNG CỤ THÁO GHIM KHÂU DA- REF: 525980 (TELEFLEX/IRELAND), PHƯƠNG PHƯƠNG	cái
982	Rọ kéo sỏi dùng 1 lần dài 50mm,đường kính 1.8mm,E15118586-FA20-03607,Cái	cái
983	Vật tư sử dụng trong ca cắt đốt bướu bàng quang Laser,Thăng Long,Ca	items
984	Lưới phẳng siêu nhẹ Parietene 11x6cm (PPL0611X3) Medtronic - Covidien,3 miếng/Hộp, Miếng	miếng
985	<inactive>Dụng cụ khâu cắt đa năng trong nội soi Endo GIA Ultra Universal Stapler,EGIAUSTND-Covidie	cái
986	Băng đạn loại nghiêng Tristaple Endo Gia 60mm,EGIA60AMT-Covidien,Cái	cái
987	Dây dẫn dịch tưới hoạt dịch ổ khớp FLUID CONTROL(Cho chạy máy),4171223 - Khởi Tâm,Bộ.	bộ
988	Băng đạn loại nghiêng Tristaple Endo Gia 45mm,EGIA45AMT-Covidien,Cái	cái
989	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đa năng- REF: EGIAUSTND (Covidien/USA)	cái
990	SHILEY™ ỐNG THÔNG PHẾ QUẢN TRÁI CÓ BÓNG POLYURETHANE SỐ 35 - REF: 125035 (COVIDIEN/UK	bộ
991	SHILEY™ ỐNG THÔNG PHẾ QUẢN TRÁI CÓ BÓNG POLYURETHANE SỐ 37 - REF: 125037 (COVIDIEN/UK	bộ
992	Ống nội phế quản 2 nòng Blue Line Soft Seal 198-32L/3909078, Cái	cái
993	Nạng tựa nách Inox 1.4m, Cái	cái
994	Miếng đệm bảo vệ mắt tránh tia UV Eyemax2 26-31cm, R300P02, cái	cái
995	VERSATEX 11 x 6cm, Lưới thoát vị phẳng đơn sợi- REF: VTX1106X3 (Covidien/Pháp)	miếng
996	Curavac wound dressing size M,Bộ	bộ
997	Lấy dấu Plastalgin 454gr(Alginate),France, Gói	gói
998	Túi lót Flovac 1 lít- REF: 000036010 (Flow-Meter S.P.A/Italy)	cái
999	Túi lót Flovac 2 lít- REF: 000036011 (Flow-Meter S.P.A/Italy)	cái
###	CURASILVER PUSF ,CGB-C119345, Bộ	bộ
###	Xi măng gắn sứ Resin U200 màu A2, TR, 3M-Germany, Hộp	hộp
###	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đa năng 60mm, EC60A,Mỹ-Ethicon,Hộp 3 cái, Cái	cái
###	Ống nghiệm VACUTEST KF + NA2 EDTA 4ml, 13x75mm, NẮP MÀU XÁM- REF: 13805 (Kima/Ý)	tuýp
###	Dụng cụ khâu nối ruột tự động dạng vòng EEA các cỡ (28-33mm), công nghệ DST (Covidien/USA)	cái
###	HETIS Film KT 100x100 mm, HTF-100100-R,Lavichem/VN,Miếng	miếng
###	HETIS Film KT 150x150 mm, HTF-150150-R,Lavichem/VN,Miếng	miếng
###	HETIS SILVER FOAM 100 x 100mm- Gạc xốp kháng khuẩn- REF: SPU-100100-N (Lavichem/VN)	miếng
###	ETHICON Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ hở 55mm,CN Kim 3D/NTLC55, Cái	cái
###	ETHICON Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng 55mm Mổ hở, CN kim 3D/SR55,Cái	cái
###	Dây nước dùng trong nội soi khớp Pump - BMS, Ref: AR6410 (Arthrex/USA)	cái
###	Lưỡi bào nội soi - BMS, Ref: AR8400EX (Arthrex/USA)	cái

###	Chỉ bện dùng trong nội soi khớp - BMS (Arthrex / Mỹ)	cái
###	Vít neo điều chỉnh dây chằng chéo trước trong nội soi khớp - BMS (Arthrex / Mỹ)	cái
###	Dây dẫn đường dùng ống kính soi mềm Seplou USA	cái
###	AirSelect™ STANDARD size LARGE- Giày tập đi CỔ CAO- REF: 01EF-L	cái
###	Dây dẫn đường niệu quản Hydrophilic- REF: SPGW2232 (Seplou Inc./USA)- ECO VN	cái
###	Sonde JJ số 6Fr dài 26cm- REF: SPUS2360 (Seplou Inc./USA)- ECO VN	cái
###	Dụng cụ cắt bao quy đầu, ZSR-DCA-14/18/22/26/30A/34, Trung quốc, Cái	cái
###	BỘ DẪN LƯU THẬN QUA DA 10FR- REF: RN-441045 (Urovision/Đức)	bộ
###	Ống thông niệu quản số 6Fr dùng tán sỏi- REF: SPUC0260 (Seplou Inc./USA)- ECO VN	cái
###	Trocar nội soi nhựa,không dao VersaOne,ONB5STF,Covidien-Mỹ, Cái	cái
###	Trocar nội soi nhựa 5-12mm VersaOne- REF: ONB12STF (Convidien/USA)	cái
###	Mũi khoan kim cương 379VF314025(5m/v)-Đức, Cái	cái
###	Mũi khoan kim cương 379F314025(5m/v)-Đức, Cái	cái
###	Mũi khoan kim cương 850F314016(5m/v)-Đức, Cái	cái
###	Mũi khoan kim cương 859F314014(5m/v)-Đức, Cái	cái
###	Mũi khoan kim cương 850C314018(5m/v)-Đức, Cái	cái
###	Mũi khoan kim cương 855C314016(5m/v)-Đức, Cái	cái
###	Khung tập đi có chỉnh (cao-thấp), PN44I,Pha Na - VN, cái	cái
###	Endo GIA Băng đạn ghim cắt khâu nối trong nội soi cỡ 30mm,45mm,60mm- REF: EGIA60AMT (Covidien	cái
###	Băng đạn khâu cắt nối thẳng DST-Covidien-Mỹ ,GIA6038L, Cái	cái
###	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng DST-Covidien-Mỹ, GIA6038S, cái	cái
###	Băng đạn ghim khâu Endo Gia 60mm,EGIA60AVM,Covidien-Mỹ, Cái	cái
###	Băng đạn ghim khâu Endo Gia 45mm,EGIA45AVM,Covidien-Mỹ, Cái	cái
###	Vỏ đỡ niệu quản dùng trong ống kính soi mềm vừa tán vừa hút- REF: SPAS1045S / SPAS1245S (Seplou I	cái
###	Rọ bắt sỏi số 3.0 dài 90cm- REF: SPRB2230 (Seplou Inc./USA)- ECO VN	cái
###	Nẹp cổ tay PHẢI H1 size XS (ORBE/VN)	cái
###	Túi treo tay cao cấp H2 size XS (ORBE/VN)	cái
###	Thòng lọng cắt Polyp kích thước nhỏ (15mm), EN868-5, Cái	cái
###	Máy xông khí dung Omron NE-C28 (Omron Healthcare/Nhật Bản)	hộp
###	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản (tay quay, đầu thắt 6 vòng), MBL-U-6,USA, Cái	cái
###	Thòng lọng cắt polyp kích thước nhỏ(15mm), SPS-20-04-15, cái	cái
###	Thòng lọng cắt Polyp kích thước nhỏ(15mm), EMPS-20-04-15, Cái	cái
###	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản 6 vòng thắt(USA), SLP-6,Cái	cái
###	Vớ GỐI Duomed size XL / XXL, hở ngón CCL1 (Medi/Đức)	pairs
###	Dây nước nội soi khớp gối PAHSCO Irrigation Suction set, pp Việt Tường,Pacific-Đài Loan, Cái	cái
###	Lưỡi đốt nội soi góc 50 máy đốt RF Plasma EBLATOR ARS600,pp Việt Tường,Ba Lan-TQ, cái	cái
###	Aesculap Dung dịch chống mờ ống kính nội soi vô trùng- REF: JG910 (B.Braun/Đức)	ống
###	VÍT CHỈ NEO KHÂU CHÓP XOAY, BIOCOMPOSITE- REF: AR-2324BCCT (ARTHREX / MỸ), BMS	cái
###	Máy xông khí dung OMRON NE-C101,Hộp	hộp
###	Dụng cụ gắp chỉ đóng lỗ Trocar(Endo Close Trocar Site Closure Device), 173022, Cái	cái
###	Túi chứa dịch sử dụng 1 lần (có nắp bình),Ca-Mi/Ý, Cái	cái
###	VERSATEX 15 x 15cm, Lưới thoát vị phẳng đơn sợi- REF: VTX1515 (Covidien/Pháp)	miếng
###	PARIETEX 20cm x 15cm- Lưới thoát vị hai lớp chống dính, dạng hình chữ nhật- REF:PCO2015FX (Covidi	miếng
###	Tấm điện cực trung tính EASY có dây nối(sử dụng 1 lần),818-092,Cái	cái

###	<inactive>Kìm sinh thiết dạ dày ,EMDF-11-17-17,Endovison-Hàn Quốc, Cái	cái
###	<inactive>Kìm sinh thiết đại tràng ,EMDF-21-23-20,Endovison-Hàn Quốc, Cái	cái
###	Suction Polyp Trap, 900334H,Endo-Flex/Đức	cái
###	Bộ dẫn lưu bàng quang qua da 14Fr- REF: SDS-14 (Marflow AG/Thụy Sĩ)	bộ
###	Bộ dẫn lưu bàng quang qua da 16Fr- REF: SDS-16 (Marflow AG/Thụy Sĩ)	bộ
###	Dây nước dùng trong nội soi chạy bằng máy,P09423,pp Cao Minh,Vimex,Cái	cái
###	<inactive>Ống nghiệm lấy máu chân không chống đông K2 EDTA 4ml - REF: 135300 (Kima / Italia)	ống
###	<inactive>Ống nghiệm lấy máu chân không Clot Activator 4ml (Serum)11010,Kima/Italia,Ống	ống
###	Bộ xylanh 190ml dùng cho máy bơm cản quang 2 nòng Imaxeon Salient,100111,Trung quốc, Bộ	bộ
###	Etchant 37% Prime-Dent 5g, ETP03,Tuýp	tuýp
###	Ống thông niệu quản số 7Fr dùng tán sỏi- REF: SPUC0270 (Seplou Inc./USA)- ECO VN	cái
###	Kít PRP chuẩn y khoa ROME ,Bộ	bộ
###	Composite lỏng hạt độn NaNo Filtek Z350XT Flowable,Cái	cái
###	ULTRABLEND PLUS, Utradent-Mỹ, Ống 1.2ml, REF:416-1, Ống	cái
###	Stat padz Aldult Electrodes,8900-40003,Mỹ,Miếng	miếng
###	Bộ nong thận tán sỏi qua da vừa tán vừa hút- REF: SPPN3813 (Seplou Inc./USA)- ECO VN	items
###	Dây dẫn đường niệu quản VẴN TRẮNG- REF: SPGW3332 (Seplou Inc./USA)- ECO VN	items
###	NẸP KHÓA LỒI CẦU TRÊN CÁNH TAY TITAN, KỲ PHONG	cái
###	VÍT KHÓA TITAN 4.0, KỲ PHONG	cái
###	VÍT VỎ TITAN 4.0, KỲ PHONG	cái
###	POSE-JEL 50G (dạng TUÝP)- Dung dịch bôi trơn (Pose Healthcare/Thái Lan)	tuýp
###	Bơm tiêm điện 20ml LUER-LOCK, Hộp 50 cái- REF: SS20L (TERUMO/Nhật)	cái
###	<inactive>BỘ GÂY TÊ NGOÀI MÀNG CỨNG 18G, REF: ZZOR18G , BALTON	cái
###	DÂY GÂY MÊ CAO TẦN ĐA HƯỚNG NGƯỜI LỚN DÙNG- REF: AMB-14256009 (USM HEALTHCARE/VN)	cái
###	V-LOC 90 VIOLET 3/0 DÀI 15 CM, KIM TRÒN CONG 1/2 , ĐƯỜNG KÍNH 26MM- REF :VLOCM0604, COVI	cái
###	BÓNG BÓP GÂY MÊ DÙNG 1 LẦN 2L CỔ 22 FR	cái
###	NẸP KHÓA BÀN NGÓN TAY TITAN, KỲ PHONG	cái
###	VÍT KHÓA TITAN SỐ 2.0 (CÁC CỠ)- KỲ PHONG	cái
###	VÍT KHÓA TITAN 3.5, REF: SN034, KỲ PHONG	cái
###	VÍT XỐP TITAN 4.0, REF: SN0002, KỲ PHONG	cái
###	KIM PICO 33G , DÀI 4MM	cái
###	XLINE PDO MONO 3025, kim nhọn 30G/25mm- Chỉ thẩm mỹ sinh học (XLINE/Thụy Sĩ)	cái
###	XLINE PDO 360D 2190, KIM L-SHAPE 21G/90MM- CHỈ THẨM MỸ SINH HỌC (XLINE/THỤY SĨ)	cái
###	<inactive>PRONG MŨI NGƯỜI LỚN SIZE XL CHO MEDIN CPAP	cái
###	MẶT NẠ PHUN KHÍ DUNG TRẺ EM SIZE M - GREETMED	cái
###	LƯỠI CẮT ĐỐT BĂNG SÓNG RADIO, REF: AR9811, BMS (Arthrex/USA)	cái
###	ARABIN VÒNG NÂNG T/C CHO CON SO ĐƠN THAI T/C HỞ HÌNH V/U, REF: ASQ 65/21/35	cái
###	ARABIN VÒNG NÂNG T/C CHO CON SO ĐƠN THAI T/C ĐÓNG, REF: ASQ 65/21/32	cái
###	ARABIN VÒNG NÂNG T/C CHO CON SO SONG THAI T/C ĐÓNG, REF: ASQ 65/25/32	cái
###	ARABIN VÒNG NÂNG T/C CHO CON SO SONG THAI T/C HỞ HÌNH V/U, REF: ASQ 65/25/35	cái
###	ARABIN VÒNG NÂNG T/C CHO CON RẠ ĐƠN THAI T/C ĐÓNG, REF: ASQ 70/21/32	cái
###	ARABIN VÒNG NÂNG T/C CHO CON RẠ ĐƠN THAI T/C HỞ HÌNH V/U, REF: ASQ 70/21/35	cái
###	ARABIN VÒNG NÂNG T/C CHO CON RẠ SONG THAI T/C ĐÓNG, REF: ASQ 70/25/32	cái
###	ARABIN VÒNG NÂNG T/C CHO CON RẠ SONG THAI T/C HỞ HÌNH V/U, REF: ASQ 70/25/35	cái

###	DỤNG CỤ CẮT BAO QUY ĐẦU KT 21MM , REF : FHQ21	cái
###	DỤNG CỤ CẮT BAO QUY ĐẦU KT 26MM , REF : FHQ26	cái
###	DỤNG CỤ CẮT BAO QUY ĐẦU KT 30MM , REF : FHQ30	cái
###	THÒNG LỌNG CẮT POLYP HÌNH LỤC GIÁC 1.5CM- REF: PTS-2323-15-B, CÁI (ZHUJI / TRUNG QUỐC)	cái
###	Bình chứa dịch hút áp lực âm 500ml, có gel đông, dùng cho máy hút InfoV.A.C / V.A.C.Ulta- REF: M827	bình
###	Bộ xốp hút dịch áp lực âm Veraflo cỡ nhỏ, dùng cho máy V.A.C.Ulta - REF: ULTVFL05SM, Bộ (KCI / Mỹ)	bộ
###	Bộ bơm rửa hút áp lực âm V.A.C Veralink - REF: ULTLNK0500, Bộ (KCI / Mỹ)	bộ
###	Bộ ống dẫn lưu Pigtail 10Fr (3.5mm) dài 30cm- REF: BT-PD1-1030-W (Bioteq/Đài Loan)	bộ
###	Bộ xốp hút dịch bằng áp lực âm V.A.C. Granufoam cỡ nhỏ - REF: M8275051, Bộ (KCI/ Mỹ)	bộ
###	Cone chỉnh Gutton Perchar số 25 (Dental), Gapadent / China	hộp
###	Cone chỉnh Gutton Perchar số 40 (Dental), Diadent / Korean	hộp
###	Composite lỏng Z350XT màu A độ thuận 40%, Tuýp 2g (Dental), 3M / USA	tuýp
###	Composite đặc A3 Z250XT màu A độ thuận 40%, Tuýp 4g (Dental), 3M / USA	tuýp
###	Cảm biến theo dõi độ bão hòa oxy SpO2 trong máu- REF: 4003, Masimo / Mỹ	cái
###	Giá đỡ vừa tán vừa hút dùng trong phẫu thuật ống soi mềm - Ref: Well Lead Medical, Thăng Long	cái
###	Ống soi mềm - Ref: Zhuhai Pusen / Trung Quốc, Thăng Long	cái
###	BỘ NONG NIỆU QUẢN CÁC CỠ (6FR - 18FR)- REF: U02B020110 (WELL LEAD/TQ, THĂNG LONG)	bộ
###	TẤM ĐIỆN CỰC ĐÔI TRUNG TÍNH SỪ DỤNG 1 LẦN - REF: GBS-DB1031A (BAISHENG MED/TQ)	miếng
###	MEDIVEN THROMBEXIN 18, Vớ Đùi size S- Vớ phòng ngừa huyết khối (Lagimed/Đức)	Đôi
###	FREESTYLE LIBRE, BỘ CẢM BIẾN ĐO VÀ THEO DÕI ĐƯỜNG HUYẾT NHANH (ABBOTT / IRELAND)	hộp
###	ĐẦU ĐỌC CẦM TAY FREESTYLE LIBRE FLASH GLUCOSE (ABBOTT / IRELAND)	hộp
###	KIM DÂY ĐỊNH VỊ U VÚ SINUREP 20G X 120MM- REF: SR20120-00 (MEDAX / Ý)	cái
###	CẢM BIẾN SPO2 DÙNG CHO THIẾT BỊ THEO DÕI BỆNH NHÂN, SỬ DỤNG MỘT LẦN (UPNMED / TQ, DUO	cái
###	KIM TIÊM NHA KHOA V-JECT 0.4 X 21MM, HỘP 100 CÁI (VERICOM / HÀN QUỐC)	cái
###	VAN SINH THIẾT, MODEL: MB-358 - REF: GX0283, CÁI (OLYMPUS/NHẬT)	cái
###	OMRON HEM-7156T, MÁY ĐO HUYẾT ÁP TỰ ĐỘNG	bộ
###	NHIỆT KẾ ĐIỆN TỬ TERUMO C205	cái
###	NẠNG KHUỶU TAY LUCASS C37, HỢP KIM NHÔM, DÀI 96 - 119CM (CÁI)	cái
###	GỌNG MŨI ĐÔI SỐ 0 DÙNG TRONG MÁY THỞ CPAP CHO TRẺ SƠ SINH DƯỚI 1.5KG- REF: CNL10000 (	cái
###	DỤNG CỤ THÁO GHIM KHÂU DA, ĐẦU BẰNG THÉP KHÔNG GỈ (SUNMEDIX/HÀN QUỐC)	cái
###	DỤNG CỤ GHIM KHÂU DA 5.6MM X 3.8MM X 0.57MM (SUNMEDIX/HÀN QUỐC)	cái
###	V-LOC 90 VIOLET 4-0 DÀI 15 CM, KIM TRÒN CONG 3/8 , ĐƯỜNG KÍNH 17MM, REF : VLOCM1203 (COVI	cái
###	Neotech cannula mũi 2.5 x 3mm cho trẻ sinh non- REF: N4900 (Neotech Products LLC/USA)	cái
###	Dây thở trẻ sơ sinh hai bẫy nước dài 1.6m- Model: EM05-402 (Huizhou/TQ)	bộ
###	Túi ép hấp tiệt trùng TYVEK 150mm x 70m (Cross Protection/Malaysia)	cuộn
###	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ hở ba hàng ghim, dài 80mm- REF: GIA80MTS (Covidien/USA)	cái
###	Băng đạn dùng cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ hở ba hàng ghim, dài 80mm- REF: GIA80MTC (Covid	cái
###	Dây đai cố định tay và chân cho bệnh nhân	cái
###	Dây cuốn TAY, cố định bệnh nhân (Orbe/VN)	cái
###	Dây cuốn CHÂN, cố định bệnh nhân (Orbe/VN)	cái
###	AeroChamber Plus Z STAT- Buồng đệm phun khí dung có mask, TRẺ EM (Trudell/Canada)	cái
###	AeroChamber Plus Z STAT- Buồng đệm phun khí dung có mask, NGƯỜI LỚN (Trudell/Canada)	cái
###	GAMMEX số 8.0- Găng tay phẫu thuật không bột (Ansell/Malaysia)	Đôi
###	Giày hỗ trợ bó bột SIZE S- Code : HT-S (HT Medical/VN)	cái

###	Giày hỗ trợ bó bột SIZE M- Code : HT-M (HT Medical/VN)	cái
###	ULTIMA A1- Bút lăn kim Dr.Pen	cái
###	Disposable tip, 12 needles (Dr.Pen)	cái
###	Nẹp StarFix cố định cánh tay (Yunbiotech/Hàn Quốc)	cái
###	Nẹp StarFix cố định cẳng chân, loại NGẮN (Yunbiotech/Hàn Quốc)	cái
###	Nẹp StarFix cố định ngón tay cái I, TRÁI (Yunbiotech/Hàn Quốc)	cái
###	Nẹp StarFix cố định ngón tay cái I, PHẢI (Yunbiotech/Hàn Quốc)	cái
###	Nẹp StarFix cố định cẳng tay TRÁI, loại FUNCTIONAL (Yunbiotech/Hàn Quốc)	cái
###	Nẹp StarFix cố định cẳng tay PHẢI, loại FUNCTIONAL (Yunbiotech/Hàn Quốc)	cái
###	Túi ép hấp tiệt trùng TYVEK 200mm x 70m (Cross Protection/Malaysia)	cuộn
###	Túi ép hấp tiệt trùng TYVEK 250mm x 70m (Cross Protection/Malaysia)	cuộn
###	Nẹp StarFix cố định cẳng tay TRÁI, loại COCK-UP (Yunbiotech/Hàn Quốc)	cái
###	Nẹp StarFix cố định cẳng tay PHẢI, loại COCK-UP (Yunbiotech/Hàn Quốc)	cái
###	Nẹp StarFix cố định ngón tay (Yunbiotech/Hàn Quốc)	cái
###	Nẹp StarFix cố định cẳng chân, loại DÀI CYLINDER (Yunbiotech/Hàn Quốc)	cái
###	Cảm biến đo SpO2 0.5m TruSignal AllFit, Hộp 10 cái- REF: TS-AF-10 (GE Healthcare)	cái
###	Nhiệt kế đo trán hồng ngoại Microlife FR1MF1 (Microlife AG/Thụy Sĩ)	cái
###	Ống kính nội soi mềm, sử dụng một lần- REF: US31D-12-EU (Anquing/TQ)- ECO VN	cái
###	Phin lọc khuẩn đo chức năng hô hấp có đầu ngậm elip- REF: ZF-013 (Sandong Zhenfu/TQ)	cái
###	Dây nước dùng trong nội soi khớp- REF: AR6410-xxxx (Heinz GmbH/Germany), BMS	cái
###	Lưỡi bào dùng trong nội soi khớp- REF: 82x-xxx (REGER GmbH/Germany), BMS	cái
###	Lưỡi cắt đốt bằng sóng RF- REF: 893-xxx (REGER GmbH/Germany), BMS	cái
###	<inactive>BỘ GÂY TÊ NGOÀI MÀNG CỨNG UNIEVER, REF: 5142861, NHẬT	bộ
###	<inactive>Áo Phẩu Thuật Size L/ G1002,Cái (VIÊN PHÁT,Việt Nam)	items
###	Áo Phẫu Thuật Size M- REF: G1001 (Viên Phát/VN)	items
###	Áo Phẫu Thuật Size XL- REF: G1003 (Viên Phát/VN)	items
###	<inactive>Bao Chi Dưới 23 x 80Cm/ 02A02 (i),Cái (VIÊN PHÁT,VN)	items
###	Mặt nạ phun khí dung người lớn size L (Greetmed/TQ)	cái
###	ParcusBraid 2 dài 90cm, kim tròn M0-6 1/2c 26mm- Chỉ đặc biệt siêu bền (Parcus Med/USA)	cái
###	Bao Chụp Đầu Đèn L- REF: 00A03 (Viên Phát/VN)	items
###	<inactive>Bộ Chăm sóc vết thương/ K1006,Bộ (VIÊN PHÁT,Việt Nam)	items
###	CareSorb RAPID 2/0 dài 90cm, kim tròn đầu cắt 1/2c 36mm- REF: GTR30M36L90, Hộp 12 cái (CPT/VN)	cái
###	Bộ khăn sanh thường có túi và bao phủ chi- REF: 03P05, Thùng 15 bộ (Viên Phát/VN)	items
###	Bộ khăn Tai Mũi Họng	items
###	<inactive>Hai Loại Bao Chi Trên/ 02A06 (i),Cái (VIÊN PHÁT,VN)	items
###	Khăn Cắt Tầng Sinh Môn/ 03D06,Cái (VIÊN PHÁT,Việt Nam)	items
###	Khăn có lỗ thấm 80 x 80cm- REF: 00D04A (Viên Phát/VN)	items
###	Khăn đa dụng có lỗ 80 x 90 - 10cm, không tiệt trùng, gói 10 cái (Thời Thanh Bình/VN)	items
###	Khăn phủ bàn mayo 80 x 145cm- REF: 00D10A (Viên Phát/VN)	items
###	Khăn phủ bên- REF: 00D06B (Viên Phát/VN)	items
###	<inactive>Khăn Thấm 35 x 40 Cm / 10A02,Cái (VIÊN PHÁT,Việt Nam)	items
###	Khăn thấm tiệt trùng 30 x 40cm- REF: 10A01 (Viên Phát/VN)	items
###	<inactive>Khăn Trải Bàn Dụng Cụ L 140x200/ 00D01C,Cái (VIÊN PHÁT,VN)	items
###	Khăn trải bàn dụng cụ size S- REF: 00D01A (Viên Phát/VN)	items

###	Túi bệnh phẩm nội soi- REF: 15A01 (Viên Phát/VN)	items
###	<inactive>Túi Dụng Cụ/ 03A01 (i),Cái (VIÊN PHÁT,VN)	items
###	<inactive>CARESORB số 0 dài 75cm, kim tròn đầu cắt 1/2c dài 30mm- Chỉ phẫu thuật tự tiêu đa sợi Pol	cái
###	CHROMIC CATGUT 1 dài 75cm, kim tròn TP 1/2C 40mm- Chỉ PT tự tiêu đơn sợi- REF: C50A40 (CPT/VN)	items
###	CHROMIC CATGUT 2/0 dài 75cm, kim tròn TP 1/2C 30mm- REF: C30A30, Hộp 24 cái (CPT/VN)	items
###	TRUSTIGUT (C) Chromic Catgut 4/0 dài 75cm, kim tròn TP 1/2c dài 22mm- REF: C20A22 (CPT/VN)	items
###	<inactive>Chỉ Mersilk 2/0 không kim , 13 x 60cm/ W213,Tép (Johnson,CHINA)	items
###	MERSILK 3/0 dài 60cm, KHÔNG KIM- REF: W212, Hộp 12 cái (J&J/TQ)	items
###	MONOCRYL 3/0 dài 70cm, kim tròn 1/2c dài 17mm- REF: W3437 (J&J/USA)	items
###	CARELON NYLON 2/0 dài 75cm, kim tam giác ngược RC 3/8C dài 30mm- REF: M30E30 (CPT/VN)	items
###	CARELON NYLON 3/0 dài 75cm, kim tam giác ngược RC 3/8C dài 26mm- REF: M25E26 (CPT/VN)	items
###	CARELON NYLON 4/0 dài 75cm, kim tam giác ngược RC 3/8C dài 16mm- REF: M15E16 (CPT/VN)	items
###	CARELON NYLON 5/0 dài 75cm, kim tam giác ngược RC 3/8C dài 13mm- REF: M10E13 (CPT/VN)	items
###	CARELON NYLON 6/0 dài 75cm, kim tam giác ngược RC 1/2c dài 13mm- REF: M07D13 (CPT/VN)	items
###	PROLENE 0 dài 100cm, kim tròn MO-5 1/2c dài 31mm- REF: W8430 (J&J/USA)	items
###	PROLENE 2/0 dài 90cm, 2 kim tròn 1/2c dài 31mm- REF: W8526 (J&J/USA)	items
###	PROLENE 3/0 dài 75cm, kim tròn RB 22mm 1/2c- REF: W8770, Hộp 12 cái (Johnson/USA)	items
###	<inactive>PROLENE 6-0 DÀI 60CM, 2 KIM ĐẦU TRÒN 11MM 3/C- REF: W8597 (Johnson,USA)	cái
###	Chỉ Thép 1 x 75Cm 2 x DS 100/ W945 (i),Tép (Johnson,USA)	items
###	VICRYL 0 dài 75cm, kim tròn đầu cắt V-30 1/2c dài 31mm- REF: W9361 (J&J/USA)	items
###	VICRYL 1 dài 90cm, kim tròn CT 1/2C 40mm- REF: W9431, Hộp 12 cái (J&J/USA)	items
###	VICRYL RAPIDE 3/0 dài 45cm, kim tam giác 22mm 1/2C- REF: W9935, Hộp 12 cái (Johnson/Bỉ)	items
###	<inactive>Chỉ Vicryl 3/0 dài 75 cm , kim taper point plus 26mm , 1/2C/ W9120 ,Tép (Johnson,Belgium)	items
###	<inactive>Chỉ Vicryl 4/0 Tp 17Mm 1/2C 75Cm/ W9106,Tép (Johnson,Belgium)	items
###	VICRYL 5/0 dài 75cm, kim tròn RB-1 Plus 1/2c dài 17mm- REF: W9105 (J&J/USA)	items
###	VICRYL RAPIDE 2/0 dài 90cm, kim tròn đầu cắt V-34 1/2C 36mm- REF: W9962, Hộp 12 cái (J&J/USA)	items
###	VICRYL RAPIDE 4/0 dài 75cm, kim tam giác PS-2 3/8C 19mm- REF: W9922, Hộp 12 Cái (J&J/USA)	items
###	<inactive>Lưỡi Dao Vô Trùng Số 20,Cái (INDIA)	items
###	<inactive>ETHICON Clip Mạch Máu Size L/ LT300 (H/18 vỉ),vỉ (ETHICON,USA)	items
###	Dụng cụ ngáng lưỡi số 0, màu xám- REF: 1110055 (Intersurgical/USA)	items
###	Dụng cụ ngáng lưỡi số 1, màu nâu- REF: 1111065 (Intersurgical/USA)	items
###	DỤNG CỤ NGÁNG LƯỠI SỐ 2, MÀU XANH LÁ- REF: 1112080 (INTERSURGICAL/USA)	items
###	Dụng cụ ngáng lưỡi số 3, màu vàng- REF: 1113090 (Intersurgical/USA)	items
###	Dụng cụ ngáng lưỡi số 4, màu đỏ- REF: 1114100 (Intersurgical/USA)	items
###	Áo Gown KHÔNG TIỆT TRÙNG size L, Gói 10 cái (Thời Thanh Bình/VN)	items
###	Áo Gown TIỆT TRÙNG Size L (Thời Thanh Bình/VN)	items
###	Bao Camera Nội Soi (Thời Thanh Bình/VN)	items
###	Bao Cao Su AP, Hộp 3 cái (An Phú/VN)	hộp
###	Bao Giày, Gói 50 đôi (Thời Thanh Bình/VN)	items
###	<inactive>Bình Dẫn Lưu Phổi Đôi,Hiệp lợi-2500ml,Cái	cái
###	Bóng bóp gây mê 0.5L, cổ 15F- REF: 2805000 (Intersurgical/U.K)	items
###	Ambu bóp bóng NGƯỜI LỚN 1.5L- REF: 715200 (Intersurgical/Anh)	items
###	Ambu bóp bóng 550ml TRẺ EM có van giảm áp lực- REF: 715100 (Intersurgical/Anh)	items
###	Dây dẫn 0.035""/100cm, đầu dây thẳng, đàn hồi, kim loại/ EN-340035,Cái (UROTECH,Germany)	items

###	Dây dẫn 0.035""/125cm, đầu dây thẳng, đàn hồi, phủ PTFE/ EN-340135-S,Cái (UROTECH,Germany)	items
###	Dây dẫn Nitinol Urolix 0.035''/150cm cứng tiêu chuẩn, đầu cứng, phủ chất ưa nước/ UXN-CS-3515,Cái	items
###	Dây dẫn Nitinol Urolix 0.035''/150cm cứng tiêu chuẩn, đầu mềm, phủ chất ưa nước/ UXN-SF-3515,Cái	items
###	Hệ thống ống gây mê cho trẻ sơ sinh với túi dự trữ khí 0.5L, ≥ 1.8m- REF: 2122000 (Intersurgical/Anh)	items
###	<inactive>Hệ Thống Ống Gây Mê Với Túi Dự Trữ Khí 2L/ 2108,Cái (INTERSURGICAL,UK)	items
###	Kẹp Rốn, Hộp 100 cái (VN)	items
###	Lọc khuẩn 3 chức năng TRẺ EM- REF: 1641000 (Intersurgical/UK)	items
###	Bộ mở khí quản 2 nòng có bóng không có lỗ thông khí số 7,0mm- REF: 100/810/070 (Smiths Medical)	cái
###	Lọc Khuẩn 3 Chức Năng Dùng Cho Người Lớn- REF: AL-080189.V001 (Meditera/Thổ Nhĩ Kỳ)	items
###	<inactive>Lọc Khuẩn Gắn Vào Ống NKQ Trẻ Em / 1644,Cái (INTERSURGICAL,UK)	items
###	Lọc ấm làm ẩm mở khí quản (Mũi nhân tạo)- REF: ZF-051 (Zhenfu/TQ)	cái
###	Bộ mở khí quản 2 nòng có bóng không có lỗ thông khí số 8.0mm- REF: 100/810/080 (Smiths Medical)	cái
###	Bộ mở khí quản 2 nòng có bóng CÓ LỖ THÔNG KHÍ số 7.0mm- REF: 100/812/070 (Smiths Medical/USA)	cái
###	Bộ mở khí quản 2 nòng có bóng CÓ LỖ THÔNG KHÍ số 7.5mm- REF: 100/812/075 (Smiths Medical/USA)	cái
###	Bộ mở khí quản 2 nòng có bóng CÓ LỖ THÔNG KHÍ số 8.0mm- REF: 100/812/080 (Smiths Medical/USA)	cái
###	<inactive>Mặt Nạ Gây Mê Có Van, Có Mùi Người Lớn Size 5 (mùi vani)/ 1125,Cái (INTERSURGICAL,UK)	items
###	Mặt Nạ Gây Mê Có Van, Có Mùi Trẻ Em Size 0 (mùi trái vải)/ 1120,Cái (INTERSURGICAL,UK)	items
###	<inactive>Mặt Nạ Gây Mê Có Van, Có Mùi Trẻ Em Size 1 (mùi trái vải)/ 1121,Cái (INTERSURGICAL,UK)	items
###	<inactive>Mặt Nạ Oxy Người Lớn (Intersurgical) 1115000	items
###	MẶT NẠ OXY CÓ TÚI NGƯỜI LỚN (TQ)	items
###	MẶT NẠ OXY CÓ DÂY TRẺ EM, REF :1196000, INTERSURGICAL	items
###	Solus™ Standard, Mặt nạ thanh quản số 5 người lớn- REF: 8005 (Intersurgical/UK)	items
###	Mặt Nạ Thanh Quản Fastrach Size 3/ LMA 130030,Cái (LMA,USA)	items
###	<inactive>Mặt Nạ Thanh Quản Fastrach Size 4/ LMA 130040,Cái (LMA,USA)	items
###	Ecolite™ Mặt Nạ Venturi Có Van Điều Chỉnh Oxy- REF: 1107085 (Intersurgical/U.K)	items
###	Ống nội khí quản có bóng số 4.0	items
###	Ống nội khí quản có bóng số 4.5	items
###	Ống nội khí quản có bóng số 5.0	items
###	Ống nội khí quản có bóng số 5.5	items
###	Ống nội khí quản có bóng số 6.0	items
###	Ống nội khí quản có bóng số 6.5	items
###	Ống nội khí quản có bóng số 7.5	items
###	Ống nội khí quản CÓ BÓNG số 8.5 (Greetmed/TQ)	items
###	Ống nội khí quản CONG MIỆNG, CÓ BÓNG số 5.0- REF: UM61213050 (Unomedical)	items
###	Ống nội khí quản CONG MIỆNG, CÓ BÓNG số 5.5- REF: UM6123055 (Unomedical)	items
###	Ống nội khí quản CONG MIỆNG, CÓ BÓNG số 6.5	items
###	Ống nội khí quản CONG MIỆNG, CÓ BÓNG số 7.0	items
###	Ống nội khí quản CONG MIỆNG, CÓ BÓNG số 7.5	items
###	Ống nội khí quản CONG MŨI, CÓ BÓNG số 6.0	items
###	Ống nội khí quản CONG MŨI, CÓ BÓNG số 6.5	items
###	Ống nội khí quản KHÔNG BÓNG số 2.5- REF:8050025 (INTERSURGICAL/ANH)	items
###	Ống nội khí quản KHÔNG BÓNG số 3.0	items
###	Ống nội khí quản KHÔNG BÓNG số 3.5	items
###	Ống nội khí quản KHÔNG BÓNG số 4.0	items

###	Ống nội khí quản KHÔNG BÓNG số 4.5	items
###	<inactive>Ống Nội Khí Quản Không Bóng Cong Miệng số 3.5,Tube (UNOMEDICAL/Malaysia)	items
###	Ống nội khí quản LÒ XO số 6.5	items
###	Ống nội khí quản LÒ XO số 7.0	items
###	Ống nội khí quản LÒ XO số 7.5	items
###	Que hướng dẫn đặt nội khí quản khó số 15, OD 5mm- REF: 8070015 (Intersurgical/Anh)	items
###	BONEWAX 2.5g- Sáp cầm máu xương- REF: W31C (J&J/Brazil)	items
###	Dao Phết Spatula, Hộp 100 cái (Lạc Việt/VN)	hộp
###	Bóp bóng giúp thở Ambu Silicone SƠ SINH (GREETMED/TQ)	items
###	Bóp bóng giúp thở Ambu Silicone TRẺ EM (GREETMED/TQ)	items
###	Bóp bóng giúp thở Ambu Silicone NGƯỜI LỚN (GREETMED/TQ)	items
###	Ống nội khí quản CÓ BÓNG số 2.5 (Greetmed/TQ)	items
###	Ống nội khí quản CÓ BÓNG số 3.0 (Greetmed/TQ)	items
###	Ống nội khí quản CÓ BÓNG số 4.0 (Greetmed/TQ)	items
###	Ống nội khí quản CÓ BÓNG số 4.5 (Greetmed/TQ)	items
###	Ống nội khí quản CÓ BÓNG số 5.0 (Greetmed/TQ)	items
###	Ống nội khí quản CÓ BÓNG số 5.5 (Greetmed/TQ)	items
###	Ống nội khí quản CÓ BÓNG số 6.0 (Greetmed/TQ)	items
###	Ống nội khí quản CÓ BÓNG số 6.5 (Greetmed/TQ)	items
###	Ống nội khí quản CÓ BÓNG số 7.0 (Greetmed/TQ)	items
###	Ống nội khí quản CÓ BÓNG số 7.5 (Greetmed/TQ)	items
###	Ống nội khí quản CÓ BÓNG số 8.0 (Greetmed/TQ)	items
###	VICRYL 3/0 dài 75cm, kim tròn SH-2 Plus 1/2c dài 20mm- REF: W9114 (J&J/USA)	items
###	Tay dao siêu âm Harmonic HD1000i, 5mm/ 36cm, HARHD36	items
###	Tay dao siêu âm Harmonic Focus Plus, 9cm, HAR9F	items
###	Tay dao siêu âm Harmonic ACE, 5mm, 36cm, HAR36	items
###	CARESILK 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2c dài 20mm - REF: S20A20 (CPT/VN)	items
###	CARESORB 2/0 dài 75cm, kim tròn 26mm 1/2c- REF: GT30A26, Hộp 12 cái (CPT/VN)	items
###	Chỉ caresorb (polyglaction 910) (0), kim tròn 30mm GT35A30	items
###	<inactive>Chỉ trustigut (N) plain catgut, 2/0, Kim tròn 26mm N30A26	items
###	MẶT NẠ OXY CÓ TÚI SƠ SINH SIZE XS, GREETMED	items
###	MẶT NẠ OXY CÓ TÚI TRẺ EM SIZE S, GREETMED	items
###	MẶT NẠ PHUN KHÍ DUNG SƠ SINH SIZE S, GREETMED	items
###	Dây truyền dịch (phin lọc + cổng bơm thuốc + kim), Gói 25 cái- MPV/VN	items
###	Ống thông tiểu 3 nhánh số 18 (Greetmed/TQ)	items
###	DÂY HÚT ĐÀM NHỚT CÓ VAN SỐ 12 (GREETMED/TQ)	items
###	Dây nối oxy cỡ trung greetmed	items
###	Ống cho ăn số 12 (Greetmed/TQ)	items
###	Dao siêu âm Harmonic ACE, 5mm, dài 23cm, HAR23	items
###	KIM NHỰA XẢ DỊCH TRUYỀN, GÓI 100 CÁI	items
###	Tay dao siêu âm Harmonic ACE, 5mm, 36cm, HAR36 OT2	items
###	MONOSYN 2/0 DÀI 70CM, KIM TRÒN 1/2C HR26- CHỈ TỔNG HỢP TỰ TIÊU ĐƠN SỢI- REF: C2022026 / C	items
###	MONOSYN 1 DÀI 90CM, KIM TRÒN 1/2C HR40S- CHỈ TỔNG HỢP TỰ TIÊU ĐƠN SỢI- REF: C0022468, HC	items
###	PLAIN CATGUT 2/0 DÀI 75CM, KIM TRÒN TP 1/2C 30MM- CHỈ PT TỰ TIÊU SINH HỌC ĐƠN SỢI- REF: N30	items

###	Accu-Check Safe-T-Pro Uno 200- Kim lấy máu đường huyết- REF: 05888662200 (Roche/Ba Lan)	cái
###	Que thử đường huyết Accu-Chek Instant 25CT (Hộp 25 test)- REF: 07819374020 (Roche/Đức)	hộp
###	Ống nội khí quản số 8.0- REF: 9480E (COVIDIEN/IRELAND)	cái
###	Ống nội khí quản số 8.0- REF: 8040080 (INTERSURGICAL/ANH)	cái
###	MONOCRYL 4/0 70CM, KIM TRÒN 1/2C 17MM- CHỈ PHẪU THUẬT TỰ TIÊU ĐƠN SỢI- REF: W3435, HỘP	cái
###	CARESILK 2/0, DÀI 75CM, KIM TRÒN 1/2C, DÀI 26 mm- REF: S30A26 (CPT/VN)	items
###	Tay dao siêu âm Harmonic Focus Plus, 9cm, HAR9F OT3	items
###	MẶT NẠ PHUN KHÍ DUNG SIZE M CHO TRẺ EM- REF: 3777MM (UNOMEDICAL/ĐAN MẠCH)	items
###	<inactive>Mặt nạ xông khí dung người lớn Unomedical 3776-E	cái
###	<inactive>Tay dao đơn cực loại dùng nhiều lần E2100 Covidien (Medtronic)	cái
###	Mặt nạ giúp thở RAP -302	cái
###	Ống mở khí quản 2 nòng có bóng chèn size 7 (301-07) TRACOE - Germany	cái
###	VICRYL RAPIDE 5/0 dài 45cm, kim tam giác ngược P-1 3/8c dài 11mm- REF: W9915 (J&J/USA)	cái
###	Kim EZ-IO 15mm (Teleflex -Arrow / Mỹ)	cái
###	Kim EZ-IO 25mm (Teleflex -Arrow / Mỹ)	cái
###	Kim EZ-IO 45mm (Teleflex -Arrow / Mỹ)	cái
###	DAO MỔ PHẪU THUẬT SỐ 20, HỘP 100 CÁI	items
###	FiberWire 2, KIM TRÒN T-5 1/2C 26.5MM- CHỈ BỆN TRONG MỔ NỘI SOI KHỚP- REF: AR-7200 (ARTHREX	cái
###	Bộ mở khí quản 2 nòng có bóng không có lỗ thông khí số 7,5mm- REF: 100/810/075 (Smiths Medical)	cái
###	<inactive>Lọc Khuẩn Gắn Vào Ống NKQ Người Lớn/ 1541,Cái (INTERSURGICAL,UK) Có bộ làm ẩm	cái
###	DAO MỔ PHẪU THUẬT SỐ 11, HỘP 100 CÁI (FEATHER/NHẬT)	cái
###	DAO MỔ PHẪU THUẬT SỐ 15, HỘP 100 CÁI (FEATHER/NHẬT)	cái
###	Mở khí quản cấp cứu PCK 6.0mm- REF: 100/465/060 (Smiths Medical)	bộ
###	I-GEL MẶT NẠ THANH QUẢN 2 NÒNG SỐ 5 CHO NGƯỜI LỚN (≥ 90KG)- REF: 8205 (INTERSURGICAL/UK	cái
###	PROLENE 7/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt CC-11 Multipass 3/8c dài 11mm- REF: W8801 (J&J/USA)	items
###	<inactive>Kim lăn thẩm mỹ ZGTS	items
###	VICRYL 6/0 dài 45 cm , kim tròn đầu tròn RB-2 1/2c dài 13mm- REF: W9981 (J&J/USA)	items
###	Que thử đường huyết Accu-Chek Instant 50CT (Hộp 50 test)- REF: 07819382020 (Roche/Đức)	hộp
###	<inactive>Tay dao đơn cực nút bấm dạng tròn đầu đốt phủ chống dính kèm dây cáp dài 10'(3m)/VL2610	cái
###	ÁO PHẪU THUẬT SIZE L- REF: G2002 (VIÊN PHÁT/VN)	cái
###	<inactive>Mặt Nạ Thanh Quản Silicon 2 Nòng 4.0/150040,Cái (INTERSURGICAL,UK) OT10	items
###	I-GEL MẶT NẠ THANH QUẢN 2 NÒNG SỐ 4 CHO NGƯỜI LỚN (50-90KG)- REF: 8204 (INTERSURGICAL/U	cái
###	<inactive>Bóng Bóp Gây Mê 2.0L - Cổ Túi 22F/ 2820,Cái (INTERSURGICAL,UK)	cái
###	MẶT NẠ GÂY MÊ CÓ VAN NGƯỜI LỚN SỐ 6- REF: 1126 (INTERSURGICAL/UK)	cái
###	PDS II 6/0 dài 45cm, kim tròn đầu tròn RB-2 1/2C 13mm- REF: W9100H (Ethicon/Mexico)	items
###	PDS II 7/0 dài 45cm, 2 kim tròn đầu tròn C-1 3/8c 13mm- REF: W9095T (Ethicon/Mexico)	items
###	VICRYL 4/0 DÀI 75CM, KIM TRÒN SH-2 PLUS 1/2C 20MM- REF: W9113, HỘP 12 CÁI (J&J/USA)	items
###	Mặt nạ thở không xâm lấn size L (Draeger),REF : MP01581, cái	cái
###	Que thử dung dịch Cidex OPA- REF: 20392 (ASP/Thụy Sĩ)	lọ
###	Miếng dán điện cực cho máy điện xung trị liệu, bộ 4 cái- REF: 42194 (Y Việt)	bộ
###	AIRWAY số 4, 9000009001/Bicakcilar-Thổ Nhĩ Kỳ, Cái	cái
###	AMBU BÓP BÓNG SƠ SINH 280ML CÓ VAN- REF: 7150000 (INTERSURGICAL/ANH)	cái
###	Chỉ Monosyn Quick 3/0 70cm,C0025801-BBRAUN,Hộp 36 tép, Tép	items
###	STERI-STRIP™ 3MM X 75MM, BĂNG THAY CHỈ KHÂU DA- REF: R1540 (3M/USA)	items

###	Đinh chốt titan nội tủy xương đùi 10 x 340, Cái	cái
###	<inactive>Tay dao cắt đốt 2 nút bấm,SW12200,Shinmed-Đài Loan, Cái	cái
###	CARESTEEL số 7 dài 60cm, kim tam giác 1/2c dài 120mm- Chỉ thép khâu xương bánh chè- REF: ST90D1	items
###	Bộ chăm sóc vết thương (Thời Thanh Bình/VN)	bộ
###	MERSILENE 5MM DÀI 40CM, 2 KIM TRÒN CTX 1/2C 48MM- CHỈ PHẪU THUẬT KHÂU HỞ EO CỔ TỬ CUN	items
###	BỘ KHĂN TÁN SỎI QUA DA- REF: PA-TN-03 (QTM)(THỜI THANH BÌNH/VN)	bộ
###	BỘ KHĂN PT CHỈNH HÌNH TỔNG QUÁT- REF: PA-CH-01A (QTM) (THỜI THANH BÌNH/VN)	bộ
###	BỘ KHĂN NỘI SOI KHỚP VAI- REF: PA-CH-03A (QTM) (THỜI THANH BÌNH/VN)	bộ
###	BỘ KHĂN PHẪU THUẬT CHI B- REF: PA-CH-04A (QTM) (THỜI THANH BÌNH/VN)	bộ
###	BỘ KHĂN TIỂU PHẪU- REF: PA-UN-02 (QTM) (THỜI THANH BÌNH/VN)	bộ
###	BỘ KHĂN NỘI SOI KHỚP GỐI B- REF: PA-CH-02BA (QTM) (THỜI THANH BÌNH/VN)	bộ
###	BỘ KHĂN TÁN SỎI NIỆU-CẮT ĐỐT TUYẾN TIỀN LIỆT- REF: PA-TN-01 (QTM) (THỜI THANH BÌNH/VN)	bộ
###	BỘ KHĂN PHẪU THUẬT TỔNG QUÁT- REF: PA-UN-01A, THÙNG 5 BỘ (THỜI THANH BÌNH/VN)	bộ
###	ETHIBOND EXCEL 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt V-5 1/2c dài 17mm- REF: W6936 (Ethicon/USA)	items
###	Tay dao cắt đốt 2 nút bấm- REF: OBS-Db (Baisheng Med/TQ)	cái
###	ETHILON 10-0 dài 30cm, 2 kim hình thang TG140-6 dài 6mm 3/8c- REF: W1770 (Ethicon/USA)	items
###	<inactive>Dây truyền dịch tĩnh mạch kèm kim tiêm,Perfect-VN, pp, cái	cái
###	Bộ bao chi áp lực (BẮP CHÂN < 43cm / 17 inch), phòng ngừa thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch- REF: L50	items
###	Bộ bao chi áp lực (ĐÙI < 71cm / 28 inch), phòng ngừa thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch- REF: L503-M (A	items
###	Ống nội khí quản CÓ BÓNG số 5.5- REF: 8040055 (INTERSURGICAL/ANH)	cái
###	NOVOSYN 1 dài 90cm, kim tròn đầu tù 1/2c HRN65 dài 65mm- REF: B0068674 (B.Braun/Tây Ban Nha)	items
###	Bóp bóng giúp thở Ambu Bag NGƯỜI LỚN, có van PEEP- REF: 60150 (HSINER/Đài Loan)	cái
###	Bóng bóp silicone 1.0 L, cổ túi 22Fr (Plastimed/Thổ Nhĩ Kỳ)	cái
###	<inactive>Lọc 3 chức năng Pharma Mini trẻ em,6120/200296-50,Cái	cái
###	<inactive>LỌC KHUẨN 3 CHỨC NĂNG NGƯỜI LỚN	cái
###	Mặt nạ gây mê có van bơm số 0- REF: 130.210 (Plastimed/Thổ Nhĩ Kỳ)	cái
###	MẶT NẠ GÂY MÊ CÓ VAN BƠM SỐ 1- REF: 130.211 (PLASTI-MED/THỔ NHĨ KỲ)	cái
###	MẶT NẠ GÂY MÊ CÓ VAN BƠM SỐ 2- REF: 130.212 (PLASTI-MED/THỔ NHĨ KỲ)	cái
###	MẶT NẠ GÂY MÊ CÓ VAN BƠM SỐ 3- REF: 130.213 (PLASTI-MED/THỔ NHĨ KỲ)	cái
###	MẶT NẠ GÂY MÊ CÓ VAN BƠM SỐ 4- REF: 130.214 (PLASTI-MED/THỔ NHĨ KỲ)	cái
###	MẶT NẠ GÂY MÊ CÓ VAN BƠM SỐ 5- REF: 130.215 (PLASTI-MED/THỔ NHĨ KỲ)	cái
###	Mặt Nạ Oxy Có Túi Cho Người Lớn Size L (GREETMED/TQ)	cái
###	Ống nội khí quản KHÔNG BÓNG số 3.0- REF: 04-3010 (SUMI/BA LAN)	items
###	Ống nội khí quản KHÔNG BÓNG số 3.5- REF:04-3510 (SUMI/BA LAN)	items
###	CARESORB 4/0 dài 75cm, kim tròn TP 1/2c dài 20mm- REF: GT15A20 (CTP/VN)	items
###	MẶT NẠ OXY CÓ DÂY NGƯỜI LỚN- REF: 130.103 (PLASTI-MED/THỔ NHĨ KỲ)	cái
###	Bóp bóng giúp thở Ambu Bag SƠ SINH, có van PEEP- REF: 60152 (HSINER/Đài Loan)	cái
###	KHĂN TRẢI Y TẾ 80 X 240CM, KHÔNG TIỆT TRÙNG, GÓI 10 CÁI (THỜI THANH BÌNH/VN)	cái
###	Bao Chi Dưới 28 x 75cm (Thờii Thanh Bình/VN)	cái
###	BÌNH DẪN LƯU DỊCH MÀNG PHỔI (THÔNG PHỔI ĐƠN) 1,600ML (TQ)	cái
###	CARELON NYLON 1/0 dài 75cm, kim tam giác ngược RC 3/8c dài 30mm- REF: M40E30 (CPT/VN)	cái
###	<inactive>KIM CHỌC TỦY SỐNG CÓ CÁNH 27G X 3 1/2" (0.40 X 90MM) - HÀN QUỐC	cái
###	KIM GÂY TÊ ĐÁM RỐI STIMUPLEX ULTRA 360 30° 20G X100MM-AP - REF: 4892510-03 (BBRAUN/ĐỨC)	cái
###	CARESILK 2/0, KHÔNG KIM, dài 13 x 60cm- REF: S30136 (CPT/VN)	cái

###	Kim tiêm Huber 22G (0.7mm) dài 19mm, dùng cho buông tiêm dưới da	cái
###	Mặt nạ oxy có túi dự trữ trẻ em size M (Greetmed/TQ)	cái
###	I-GEL MẶT NẠ THANH QUẢN 2 NÒNG SỐ 3- REF: 8203 (INTERSURGICAL/UK)	cái
###	LỌC KHUẨN 1 CHỨC NĂNG DÙNG CHO NGƯỜI LỚN- REF: AL-080189.V001 (MEDITERA/THỔ NHĨ KỲ)	cái
###	KIM TIÊM INSULINE WELLFINE 32G, 0.25 x 4MM	cái
###	Kim tiêm Huber 20G (0.9 mm) dài 19mm, dùng cho buồng tiêm dưới da	cái
###	SAFORELLE SOIN LAVANT DOUX chai 100mL - Gel vệ sinh dịu nhẹ	chai
###	SAFORELLE SOIN LAVANT DOUX chai 250mL - Gel vệ sinh dịu nhẹ	chai
###	CERADAN CREAM tube 30g - Skin barrier repair cream	tuýp
###	CERADAN HYDRA 30g - Hydrating Moisturiser Enriched With Ceramide	tuýp
###	CHICCO MASSAGE OIL chai 200mL - Massage Oil	chai
###	E73 - DERMA GUM Face and bust scrub Ericson 200ml, Pháp	chai
###	EE856 - Biopure Hydra-Oxygenating Cream,Ericcson-Pháp 200ml,Tuýp	chai
###	CETAPHIL MOISTURISING CREAM tube 50g - Dầu hạnh nhân ngọt + Vitamin E + Vitamin B3 + Pro-Vitami	tuýp
###	CETAPHIL GENTLE SKIN CLEANSER chai 125mL - Hydrating Glycerin + Vitamin B3, + Pro-Vitamin B5	chai
###	SUDOCREM BABY CARE CREAM lọ 60g- Zinc oxide 15.25% + Lanolin 4%	lọ
###	Obagi Nu-Derm Healthy skin protection SPF 35	chai
###	OBAGI SUN SHIELD BROAD SPECTRUM SPF50 tube 85g - Homosalate 10% + Octisalate 5% + Zinc oxid	chai
###	CERADAN ADVANCED tube 30g - Skin barrier repair cream	tuýp
###	CERADAN SOOTHING GEL tube 10g - For itchy skin and scratching	tuýp
###	CERADAN WASH tube 280mL - Moisturizing body wash with ceramide	chai
###	SELSUN ANTI-DANDRUFF SHAMPOO chai 100mL - Selenium Sulfide 1%	chai
###	PAPILOCARE GEL VAGINAL cannula 5mL - Coriolus Versicolor combination	tuýp
###	IALURIL PREFILL pre-filled syringe 50mL - Sodium Hyaluronate 1.6% + Sodium Chondroitin Sulphate 2%	tuýp
###	JOHNSON'S BABY OIL chai 200mL - Mineral Oil for Massage	chai
###	Sáp dưỡng ẩm vaseline 50g, Lọ	lọ
###	KEM BÔI SODERMIX 15g, Pháp, Tuýp	tuýp
###	Hyaluronic acid + Lidocaine (TEOSYAL PURESENSE REDENSITY I) syringe 1mL	hộp
###	Gel tắm gội Mustela Gentle Cleansing Gel 200ml,Pháp,Chai	chai
###	CERADAN WASH tube 150mL - Moisturizing body wash with ceramide	chai
###	FUNDAMENTALS. BIO-RESPECT CLEANSING LOTION 500ml ,E150,Chai	chai
###	BIODERMA ATODERM INTENSIVE GEL MOUSSANT tube 200mL - Gel làm sạch dịu nhẹ	tuýp
###	BIODERMA ATODERM INTENSIVE GEL-CREME tube 75mL - Kem gel dưỡng ẩm và làm dịu	tuýp
###	BIODERMA ATODERM INTENSIVE GEL-CREME chai 500mL - Kem gel dưỡng ẩm và làm dịu	chai
###	MUSTELA STRETCH MARKS CREAM tuýp 150mL - Herbal Extract	tuýp
###	MUSTELA STRETCH MARKS SERUM chai 45mL - Herbal Extract	bình
###	BIODERMA ATODERM INTENSIVE BAUME tuýp 75mL - Kem làm mềm dịu nhẹ và dưỡng ẩm	tuýp
###	BIODERMA SEBIUM GEL MOUSSANT ACTIF tuýp 200mL - Gel rửa mặt tạo bọt	tuýp
###	BIODERMA SENSIBIO H2O chai 100mL - Dung dịch làm sạch và tẩy trang dạng hạt mixen	chai
###	BIODERMA ATODERM HUILE DE DOUCHE tuýp 100mL - Dầu tắm làm sạch, làm dịu và dưỡng ẩm	tuýp
###	HYALURONAT + COLLAGEN MASK - MẶT NẠ DƯỠNG ẨM	miếng
###	IMAGE SKINCARE PREVENTION SPF30 tuýp 42.5g - Squalane and Herbal extract	tuýp
###	E149 ERICSON BIO-RESPECT CLEANSING MILK chai 500mL - Relipidium + Actibiome + Herbal extract	chai
###	KIN GINGIVAL MOUTH WASH chai 250mL- Chlorhexidine digluconate 0.12% + Sodium Fluoride 0.05%	chai

###	BRAUER HONEY KIDS CHESTY COUGH chai 100mL - Honey, herbal extract & homeopathy	chai
###	Nataboost,157,5mg+13,5mg+9mg	viên na
###	GLYCOSULL chai 200mL - Glucose 37.5%	chai
###	Nestle NAN PRO 1 (Switzerland)	hộp
###	NESTLE PRENAN lon 380g - Nutritional Formula for Premature baby	hộp
###	Nestle NAN HA 1 (Switzerland)	hộp
###	NESTLE NAN EXPERT PRO lon 400g (Không chứa Lactose) - Nutritional supplement	hộp
###	Abbott SIMILAC 1 (400g)	hộp
###	Abbott SIMILAC NEOSURE (400g)	hộp
###	FRISOLAC 1(400g)	hộp
###	Nan supreme 2, 800g	hộp
###	NESTLE NAN SUPREME PRO 1 lon 400g (0 -6 tháng) - Nutritional supplement	hộp
###	Enaz whey protein 400g	chai
###	Maltaz 120g	chai
###	OCUVITE LUTEIN viên nén - Vitamin C, Vitamin E, Lutein & Minerals	viên
###	Pregestimil 400g	hộp
###	Chất xơ hòa tan Vitan 1 (HỘP 22 GÓI)	gói
###	Đường Isomalt 5g (HỘP 35 GÓI)	gói
###	PEPTAMEN lon 400g - Nutritional supplement	hộp
###	BOOST OPTIMUM lon 400g - Nutritional supplement (Vị Vani)	chai
###	Nutricomp Standard Fibre Neutral 500mL	chai
###	Nutricomp D Neutral 500 mL	chai
###	Nutricomp Drink Plus (Vanilla) 200 mL	chai
###	Nutricomp Drink Renal Vanilla 200 mL	chai
###	Nutricomp Drink Plus (Strawberry) 200ml	chai
###	CALORIES-MD gói 10g - Maltodextrin	gói
###	CALORIES-MCT gói 5g - Medium Chain Triglyceride	gói
###	DIBEN DRINK chai 200mL - Nutritional supplement (Vị Vanilla)	chai
###	Diben Bag 500ml	bịch
###	Fresubin HP Energy 500ml	bịch
###	FRESUBIN 2 KCAL FIBRE chai 200mL - Nutritional supplement (Vị Cappuccino)	chai
###	SUPPORTAN DRINK chai 200mL - Nutritional supplement (Vị Cappuccino)	chai
###	NATUFIB gói 3g - Chất xơ hòa tan + Multivitamins	gói
###	FRESUBIN RENAL chai 200mL - Nutritional supplement (Hương Vani)	chai
###	Grall-MD 400g maltodextrin	hộp
###	Grall - MCT 200g	hộp
###	Nutren Optimum 400 g (đổi tên là Boots Optimum)	hộp
###	Similac Special Care 24 cho trẻ sinh non, ống nhựa 59 ml,Abbott	ống
###	Softia 500g	hộp
###	Softia 3g gói	gói
###	Natocare Plus	viên na
###	PEPTAMEN JUNIOR lon 400g - Nutritional supplement	hộp
###	BOOST GLUCOSE CONTROL lon 400g - Nutritional supplement	hộp
###	Blackmores Omega daily concentrated fish oil (BOX 90)	viên na

###	Blackmores Pregnancy & Breast feeding Gold - Box 60	hộp
###	Blackmores Bio C 1000mg box 31tab	hộp
###	NeilMed Sinus Rinse Kit 1 bottle and 10 sachets	hộp
###	NEILMED SINUS RINSE KIT (1 bình + 60 gói) - Dung dịch nước muối rửa mũi	hộp
###	NEILMED SINUS RINSE 50 premixed sachets - Dung dịch nước muối rửa mũi	hộp
###	Blackmores Joint Formula Advanced (BOX 60)	viên
###	Aminoacids hepatic powder (AMINOLEBAN ORAL) gói 50g	gói
###	Ogestan	viên na
###	Kinder Active D3 drop 30ml	lọ
###	BABY & KIDS LIQUID MULTIVITAMIN FOR INFANTS chai 45mL - Multivitamin + Minerals	lọ
###	BABY & KIDS LIQUID MULTIVITAMIN FOR TODDLERS chai 100mL - Multivitamin + Minerals	lọ
###	Iside 22 vaginal capsule	viên
###	Conceptive for men (box 30)	viên
###	PEDIAKID IMMUNO-FORT chai 125mL - Herbal extract + Vitamines + Minerals	lọ
###	PEDIAKID APPETIT-TONUS chai 125mL - Herbal extract + Vitamines + Minerals	lọ
###	PEGINPOL gói 5g - Macrogol 3350	gói
###	Constipass 6.65g	gói
###	Nacurgo spray 30ml	chai
###	Nebial/NEBIANAX 3% nasal spray	chai
###	Kinder Iron drops 30 ml	chai
###	REGENFLEX BIOPLUS xylanh 75mg/3mL - Cross-linked Hyaluronic Acid	ống
###	CONCEPTIVE MEN gói - L-carnitin + Vit C + Taurine + Vit E + Selen	gói
###	AB-INTIMUS viên đặt âm đạo - Lactobacillus plantarum	viên đặ
###	VITAL PREGNA caps - Multivitamines+DHA+B9+Iodine+D3+Zinc+Mg	viên na
###	Magnesium+ Calcium+D3,Hộp 3 vỉ * 10 viên nén,Queisser- Đức,viên nén	viên
###	NUTRAMIGEN A+ LGG lon 400g - Hypoallergenic Formula	hộp
###	Sữa Similac Human Milk Fortifier - 50 gói (0,9g) / hộp (45g), Abbott - Mỹ,Gói	gói
###	Xịt mũi BETADINE® COLD DEFENCE NASAL SPRAY (người lớn) 20ml, Chai	hộp
###	For Joints (Glucosamine và Chondroitin), Doppel herz-germany,Hộp 30 viên, Viên	viên
###	OMEGA-3 + FOLIC ACID + B6 + B12 viên nang - Fish oil + Vit E + Vit B6 + Folic Acid + Vit B12	viên
###	ENFAMIL AII NEUPRO 1 lon 350g (0 - 6 tháng) - Nutritional supplements	hộp
###	Nutricomp Drink Plus (CHOCO) 200 mL,Thùng 24 chai, Chai	chai
###	JOINTS ULTRA viên nang - Glucosamine sulfate + Collagen + MSM + Chondroitine	viên
###	Nutrison Advanced Diason 1000ml,Thùng 8 bịch,Nutricia N.V –Hà Lan,Bịch	bịch
###	Forticare Cappuccino 125ml,Thùng 24 chai,Nutricia N.V –Hà Lan,Chai	chai
###	Forticare Orange & Lemon 125ml,Thùng 24 chai,Nutricia N.V –Hà Lan,Chai	chai
###	Nutrinidrink Powder Neutral 400g,Thùng 12 lon,Milupa GmbH – Đức,Lon	hộp
###	Nutrinidrink Powder Vanilla 400g,Thùng 12 lon,Milupa GmbH – Đức,Lon	hộp
###	Fortimel Protein Vanilla 125ml,Thùng 24 chai,Nutricia N.V –Hà Lan,Chai	chai
###	Fortimel Protein Strawberry 125ml,Thùng 24 chai,Nutricia N.V –Hà Lan,Chai	chai
###	Thực phẩm dinh dưỡng NAVIE CERNA 250ml,Orgalife-VN, Hộp	hộp
###	LEISURE KIDNEY 1/ NAVIE NEPRO 1 hộp 250mL - Nutritional supplement	hộp
###	FOMEAL PEPTIDES hộp 250mL - Nutritional supplement	hộp
###	GESTA-B9 viên nang - Fish oil + Folic Acid + Vitamin B6 + Vitamin D + Vitamin E	viên

###	PEDIAKID COLICILLUS BEBE chai 10mL - Lactobacillus rhamnosus 1 tỷ/5 giọt	lọ
###	PEDIAKID 22 VITAMINES ET OLIGO-ELEMENTS chai 125mL - 22 Vitamines và Khoáng chất	chai
###	NEILMED NASAMIST SALINE SPRAY ISOTONIC chai 75mL - Sodium Chloride + Sodium Bicarbonate	chai
###	SPECIAL KID SLEEP chai 125mL - Herbal extract	chai
###	SPECIAL KID 100% NATURAL VITAMIN C chai 125mL - Herbal Extract + Vitamin C	chai
###	SPECIAL KID ZINC chai 125mL - Zinc 8mg/10mL	chai
###	SPECIAL KID CALCIUM VITAMIN D chai 125mL - Calcium + Vitamin D + Vitamin B12 (120mg+5mcg+2m	chai
###	BIOAMICUS VITAMINS Liquid drops chai 10mL - Vitamin D3 + Vitamin K2 (100units + 4mcg)/drop	chai
###	V-PROMOM viên nang - DHA + Multivitamins + Minerals	viên
###	HASYNAI viên nang - Calcium + Magnesium + Vitamin K2 + Vitamin D3	viên
###	IROC DROPS chai 15mL - Iron + Vitamin C + Folic Acid (15mg + 60mg + 200mcg)/mL	chai
###	REDOXON TRIPLE ACTION viên nén sủi bọt 1000mg/10mg/400units (Tuýp/10) - Ascorbic Acid + Zinc + V	tuýp
###	SIMILAC TOTAL PROTECTION ống 59mL - Nutritional Formula (Hộp/4)	ống
###	SIMILAC TOTAL PROTECTION hộp 400g (0-6 tháng)- Nutritional supplements	hộp
###	PROPOLIS MINT & HONEY xịt họng chai 30mL - Keo ong + Dầu bạc hà	chai
###	PROPOLIS TUTTI FRUITTI & HONEY FOR KIDs xịt họng chai 30mL - Kep ong + Dầu bạc hà	chai
###	PEDIAKID VITAMINE D3 chai 20mL - Vitamin D3 400 units (0.08mL/2 giọt)	chai
###	SLEEP AID viên nang - Melatonin 5mg + Vitamin B6 10mg + Chiết xuất rễ cây nữ lang 139mg (Hộp/60)	chai
###	NEILMED SINUS RINSE KIDS STARTER KIT (1 bình + 30 gói) - Dung dịch nước muối rửa mũi	hộp
###	Thực phẩm dinh dưỡng y học Oral Impact (5 gói x 74g)	hộp
###	LEISURE PREOP / NAVIE PREOP hộp 200mL - Nutritional supplement	hộp
###	ENSURE PLUS ADVANCE chai 220mL - Nutritional supplement (Hương Vanilla)	chai
###	NUTREN JUNIOR sữa bột lon 400g - Nutritional supplements	hộp
###	BIO-SELENIUM+ZINC viên nén - Selenium + Zinc + Multivitamins (Hộp/30)	hộp
###	DELISOUP hộp 250mL - Nutritional meal	hộp
###	O'RICMEAL hộp 200mL - Nutritional meal for children with anorexia	hộp
###	O'GOMEAL hộp 250mL - Nutritional supplement (Vị gạo)	hộp
###	FOMEAL CARE hộp 250mL - Nutritional supplement	hộp
###	BIO-SELENIUM+ZINC viên nén - Selenium + Zinc + Multivitamins	viên
###	A-Z DEPOT viên nén - Multivitamins & Minerals	viên
###	DHA DROPS chai 20mL - DHA + Vitamin E + Vitamin A	lọ
###	BIFICURE gói 1.5g - B.longum + E.faecalis + FOS	gói
###	CỐM HIPP HERBAL NURSING TEA hộp 200g - Herbal extract	hộp
###	TRÀ TÚI LỌC HIPP ORGANIC NURSING TEA gói 1.5g - Aniseed, Fennel, Caraway (Hộp/20)	hộp
###	BRAUER BABY & KIDS D3+ K2 chai 10mL - Vitamin D3 + Vitamin K2 (5mcg+11.25mcg)/giọt	chai
###	ENZYMAX KIDS gói 2g - Lipase + Amylase + Glucoamylase + Protease 3.0 + Protease 4.5	gói
###	PROTIMEDIC gói 40mL - Protein 20g + Collagen	gói
###	FERTILIA GROSSESSE viên nang - Omega 3 + Multivitamins + Multiminerals	viên
###	Humer 50 Adult (hypertonic), 50ml	chai
###	Humer 50 Infant (hypertonic), 50ml	chai
###	AUDICLEAN xịt tai chai 60mL - Natural seawater ultra-filtrated & desalinised	chai
###	Dermatix Ultra Gel , 7g	tuýp
###	Nizoral Shampoo 50ml	chai
###	Humer 150 Nourrisson - Enfant,150ml	chai

###	SPRAY-C NANO BẠC vệ sinh tai chai 15mL - Sodium bicarbonate + Nano Bạc	chai
###	AUDISPRAY ADULT 50ml (Dung dịch nước biển làm mềm ráy tai), Chai	chai
###	AUDISPRAY JUNIOR 25ml (Dung dịch nước biển làm mềm ráy tai), Chai	chai
###	HUMER BLOCKED NOSE nasal spray bottle 50mL - Hypertonic seawater	chai
###	HUMER STOP VIRUS nasal spray bottle 15mL	chai
###	URGO ECZEKALM for xerosis tube 50mL - Hyaluronic Acid + Ceramides + Trehalose + Lecithin	tuýp
###	XYPENAT 2.4% chai 75mL - Nước biển sâu ưu trương	chai
###	NEBUSAL 3% khí dung ống 5mL - Natri clorid 3% (Hộp/5)	ống
###	ALSAVIN ONE 2% xy lanh 2.4mL - Natri hyaluronate 20mg/mL	xy lanh
###	HEALIT gel tuýp 5g - Methacrylate	tuýp
###	AER WITCH HAZEL PADS miếng - Witch hazel & Glycerin	hộp
###	NEBIANAX 3% nhỏ mũi ống 5mL - Sodium chloride 3%	ống
###	REGELLE gel âm đạo tuýp 6.5g - Purified water 78.82%, glycerol, mineral oil	tuýp
###	HEREMIA CREAM tuýp 28g - Herbal Extract	tuýp
###	PROTECTALON DUO hộp - Chất nhầy có tính kết dính ống 1.1 mL + chất nhầy có tính phân tán ống 1.1 m	hộp
###	OSTENIL PLUS xy lanh 40mg/2mL - Sodium hyaluronate	xy lanh
###	OSTENIL xy lanh 20mg/2mL - Sodium hyaluronate	xy lanh
###	GELSECTAN viên nang - Xylo-oligosaccharides + Pea Protein + Xyloglucan + Grape seed extract	viên na
###	WELLPEG 3350 gói 5g - Macrogol 3350	gói
###	HAPPYCROSS xylanh 35.2mg/2.2mL - Cross-linked acid hyaluronic	xy lanh
###	REGENOGEL lọ 0.35% 4mL - Fibrinogen + Hyaluronic acid	lọ
###	CLEANEARS BABY chai 15mL - Olive oil + Phytosqualan + Spearmint oil	chai
###	Sintrom , 4mg	viên
###	Acetyl-DL-Leucin (TanGANIL) 500mg/5ml IV Ống 5ml	ống
###	Acid acetylsalicylic (ASPIRIN) viên nén 81mg	viên
###	Glucose 30% (GLUCOSE 30% KABI) IV chai 500mL (HIGH ALERT)	chai
###	Acyclovir (ACYCLOVIR STELLA) viên nén 800mg	viên
###	Nutriflex Lipid Peri , 1250ml	bịch
###	Aminoacids (AMINOPLASMAL 10%) truyền IV chai 250mL (Tĩnh mạch trung tâm)	chai
###	Aminoacids (AMINOPLASMAL 10%) truyền IV chai 500mL (Tĩnh mạch trung tâm)	chai
###	Aminoacids (AMINOPLASMAL 5%) truyền IV chai 250mL	chai
###	Aminoacids (AMINOPLASMAL 5%) truyền IV chai 500mL	chai
###	Aminoacids hepatic solution (AMINOPLASMAL HEPA 10%) truyền IV 500mL (Tĩnh mạch trung tâm)	chai
###	Aminoacids renal solution (NEPHROSTERIL) 7% IV chai 250mL	chai
###	Lidocain + EPINEPHrine (LIGNOSPAN STANDARD) (36mg+18.13mcg)/1.8mL ống 1.8mL (HIGH ALERT)	ống
###	Human albumin (HUMAN ALBUMIN) 20% IV chai 50mL	lọ
###	Alendronic acid + Colecalciferol (FOSAMAX PLUS) viên nén 70mg/2800units	viên
###	Alfuzosine (XATRAL XL) viên nén 10mg	viên
###	Allopurinol (MILURIT) viên nén 300mg	viên
###	metroNIDAZOLE (METRONIDAZOLE KABI) 500mg/100ml IV chai 100mL	chai
###	Alverine (SPASMAVERINE) viên nén 40mg	viên
###	Amikacin (AMIKACIN) 250mg/2mL IM/IV ống 2mL	ống
###	Amikacin (AMIKACIN) 500mg/2mL IM/IV ống 2mL	lọ
###	Ketorolac (ALGESIN-N) 30mg/mL IM/IV ống 1mL	ống

###	Amiodarone (CORDARONE) viên nén 200mg	viên
###	amiTRIPTYLine (AMITRIPTYLIN) viên nén 25mg	viên
###	amLODIPine (AMLOR) viên nang 5mg	viên na
###	amLODIPine + Valsartan (EXFORGE) viên nén 10mg/160mg	viên
###	amLODIPine + Valsartan (EXFORGE) viên nén 5mg/80mg	viên
###	Amoxicillin (OSPAMOX) viên nang 500mg	viên na
###	<inactive> Augmentin INJ 1g Amoxicillin + 200mg acid clavulanic	lọ
###	Amoxicillin Sodium + Potassium Clavulanate (AUGMENTIN 250) gói 250mg/31.25mg	gói
###	Amoxicillin Sodium + Potassium Clavulanate (AUGMENTIN 500) gói 500mg/62.5mg	gói
###	Amoxicillin Sodium + Potassium Clavulanate (AUGMENTIN 625) viên nén 500mg/125mg	viên
###	Amoxicillin Sodium + Potassium Clavulanate (AUGMENTIN 1G) viên nén 875mg/125mg	viên
###	Tenormin , 50mg	viên
###	Atorvastatin (LIPITOR) viên nén 10mg	viên
###	Atorvastatin (LIPITOR) viên nén 20mg	viên
###	Atracurium (TraCRIUM) 25mg/2.5mL IV ống 2.5mL (HIGH ALERT)	ống
###	Azithromycin (ZITROMAX) 200mg/5mL chai 15mL	chai
###	Azithromycin (ZITROMAX) viên nén 500mg	viên
###	Bacillus clausii (ENTEROGERMINA) 2 tỷ bào tử/5mL ống 5mL	ống
###	Benzathin Benzylpenicilin (BENZATHIN BENZYLPENICILIN) IM lọ 1.200.000 units	lọ
###	Betahistine (BETASERC) viên nén 16mg	viên
###	Bisoprolol (CONCOR COR) viên nén 2.5mg	viên
###	Bisoprolol (CONCOR) viên nén 5mg	viên
###	Palonosetron (SENDATRON) 0.25mg/5mL IV lọ 5mL	lọ
###	Budesonide (PULMICORT RESPULES) 0.25mg/mL ống 500mcg/2mL	ống
###	Budesonide (RHINOCORT) 64mcg xịt mũi chai 120 liều	chai
###	Budesonide + Formoterol (SYMBICORT TURBUHALER) (160mcg + 4.5mcg)/nhát bột hít chai 120 liều	chai
###	Calcium gluconate (CALCIUM GLUCONATE PROAMP 10%) 1g/10mL IV ống 10mL (~91mg Ca2+) (HIGH	ống
###	Calcium Folinate (CALCIUM FOLINATE) 100mg/10mL IM/IV lọ 10mL	lọ
###	Mg.gluconate + Ca.glycerophosphate (FATIG) ống 10mL	ống
###	Calcitriol (ROCALTROL) viên nang 0.25mcg	viên na
###	Captopril (CAPTOPRIL STELLA) viên nén 25mg	viên
###	Carbamazepine (TEGRETOL) viên nén 200mg	viên
###	Carvedilol (DILATREND) viên nén 6.25mg	viên
###	Cefaclor (CECLOR) 125mg/5mL hỗn dịch uống chai 60mL	lọ
###	Cefaclor (CECLOR) viên nang 250mg	viên na
###	ceFAZolin (CEFAZOLIN ACTAVIS) IM/IV lọ 1g	lọ
###	Cefixime (HAFIXIM) gói 100mg	gói
###	cefOTAXime (CLAFORAN) IM/IV lọ 1g	lọ
###	Cefpodoxime (ORELOX) viên nén 100mg	viên
###	Propranolol (CARDIO-BFS) 1mg/mL IV lọ 1mL(HIGH ALERT)	lọ
###	cefTAZidime (DEMOZIDIM) IM, IV lọ 1g	lọ
###	cefTRIAXone (ROCEPHIN) IV/IM lọ 1g	lọ
###	Cefuroxime (ZINACEF) IM/IV lọ 750mg	lọ
###	Cefuroxime (ZINNAT) CỐM PHA HỖN DỊCH GÓI 125MG	gói

###	Cefuroxime (ZINNAT) 125MG/5ML CỐM PHA HỖN DỊCH CHAI 50ML	chai
###	Cefuroxime (ZINNAT) VIÊN NÉN 250MG	viên
###	Cefuroxime (ZINNAT) VIÊN NÉN 500MG	viên
###	Celecoxib (CELEBREX) viên nang 200mg	viên na
###	Ciprofloxacin (CIPROBAY) 200mg/100mL IV chai 100mL	lọ
###	Ciprofloxacin (CIPROBAY) viên nén 500mg	viên
###	Sugammadex (SUGAM-BFS) 100mg/mL IV ống 2mL	ống
###	Escitalopram (DIOUF) viên nén 10mg	viên
###	Citopam 20, 20mg Citalopram	viên
###	Clarithromycin (KLACID) 125mg/5mL chai 60mL	chai
###	Clarithromycin (KLACID MR) viên nén phóng thích biến đổi 500mg	viên
###	Clindamycin (DALACIN C) 600mg/4mL IM/IV lọ 4mL	lọ
###	Zoledronic Acid (ACLASTA) IV 5mg/100ml chai 100ml	hộp
###	metroNIDAZOLE (METRONIDAZOLE STELLA) viên nén 250mg	viên
###	Trimebutine Maleate (IBOTEN) viên nén 100mg	viên
###	Cefixime (CEFIMED) viên nén 200mg	viên
###	Baclofen (BAMIFEN 10) tablet 10mg	viên
###	Rifampicin (AGIFAMICIN 300) viên nang 300mg	viên
###	SUMAtriptan (SUTAGRAN 50) viên nén 50mg	viên
###	Propofol (FRESOFOL FRESENIUS KABI) 1% Mct/Lct IV ống 20mL (HIGH ALERT)	ống
###	Tacrolimus (ROCIMUS) 0.03% thuốc mỡ bôi da tube 10g	tuýp
###	Clindamycin (DALACIN C) viên nang 300mg	viên na
###	Ciprofloxacin (CETRAXAL) 2mg/mL nhỏ tai ống dùng một lần 0.25mL (Hộp/15)	hộp
###	Febuxostat (FEXOGOLD 80) viên nén 80mg	viên
###	Felodipine (FELODIPINE STELLA RETARD) viên nén 5mg	viên
###	Vancomycin (VOXIN) IV lọ 1g	lọ
###	Colchicine (COLCHICINE CAPEL) viên nén 1mg	viên
###	Hyaluronic acid+ lidocaine (RESTYLANE Defyne),ống 1mL	xy lanh
###	Somatropin (SAIZEN) 5.83mg/mL SC ống 1.03mL	ống
###	Hyaluronic Acid (DOUBLYX EVO) 40mg ID ống 2mL	xy lanh
###	Imipenem + Cilastatin (RAXADIN) IV lọ 500mg/500mg	lọ
###	Hyaluronic acid (PROFHILO) 3.2% ,ID,ống 2mL	hộp
###	Clobetasol Propionate (DERMOVATE) 0.05% kem bôi da tube 15g	tuýp
###	Amino Acids + Điện giải + Glucose + Lipid (PERIOLIMEL N4E) IV túi 1000mL	bịch
###	Phloroglucinol + Trimethylphloroglucinol (ATIGLUCINOL) 400mg+0.4mg/4ml IM/IV ống 4 mL	ống
###	Multivitamins (CERNEVIT) IV bột pha tiêm	lọ
###	Amikacin (SELEMYCIN) 500mg/2mL IM/IV ống 2mL	ống
###	Immunoglobulin (IMMUGLO) 5% IV chai 100mL	chai
###	Tobramycin + Dexamethasone (DEX-TOBRIN) 0.3%/0.1% nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	Zoledronic acid (ZOLEDRONIC ACID FRESENIUS KABI) 4mg/5mL IV lọ 5mL	lọ
###	Clomifeno (SEROPHENE) viên nén 50mg	viên
###	Rifampicin + Isoniazid (TURBE) viên nén 150mg + 100mg	viên
###	Glucose + Sodium Chloride (DEXTROSE-NATRI) 5% + 0.45% truyền IV chai 500mL	chai
###	Doxycycline (DOXYCYCLIN DOMESCO) viên nang 100mg	viên na

###	Yếu tố đông máu IX (IMMUNINE 600) 600 units IV lọ 5mL	lọ
###	Epoetin beta (RECORMON) 4.000 units/0.3mL IV/SC xy lanh 0.3mL	xy lanh
###	Praziquantel (DISTOCIDE) viên nén 600mg	viên
###	Levomepromazin (LEVOMEPROMAZIN) viên nén 25mg	viên
###	miFEPRIStone (MEDIPRIST) viên nén 200mg	viên
###	Pitavastatin (LIVALO) viên nén 2mg	viên
###	cefOTAXime (GOLDCEFO) IM/IV lọ 1g	lọ
###	Famotidin (BFS-FAMOTIDIN) 20mg/2ml IV lọ 2mL	lọ
###	Dextromethorphan (RODILAR) viên bao đường 15mg	viên
###	Linezolid (MACDIN) viên nén 600mg	viên
###	Salbutamol (ZENSALBU NEBULES 2.5) 2.5mg/2.5mL ống 2.5mL	ống
###	Salbutamol (ZENSALBU NEBULES 5.0) 5mg/2.5mL ống 2.5mL	ống
###	Azithromycin (OPEAZITRO 250) viên nén 250mg	viên
###	Glucose 5% (GLUCOSE 5% KABI) truyền IV chai 500mL	chai
###	Triptorelin (DIPHERELINE P.R.) IM lọ 11.25mg	lọ
###	Calcitriol (MEDITROL) viên nang 0.25mcg	viên
###	Clopidogrel (PLAVIX) viên nén 75mg	viên
###	prednisoLON (SOREDON NN 5) viên nén sủi bọt 5mg	viên
###	Ondansetron (NAUSAZY) 4mg/5mL dung dịch uống ống 5mL	ống
###	Montelukast (GLEMONT IR 10) viên nén 10mg	viên
###	Rotundin (ROTUNDA) viên nén 30mg	viên
###	Budesonide + Formoterol (SYMBICORT TURBUHALER) (160mcg + 4.5mcg)/nhát bột hít chai 60 liều	chai
###	Hydrocortisone (VALGESIC 10) viên nén 10mg	viên
###	Cefixime (MECEFIX - B.E) viên nén 200mg	viên
###	Ciprofloxacin (PICAROXIN) viên nén 500mg	viên
###	cefTRIAXone (CEFTRIAXONE PANPHARMA) IV/IM lọ 1g	lọ
###	metFORMIN (MEGLUCON) viên nén 1000mg	viên
###	Chlorpromazine (AMINAZINE) 25mg/2mL IM/IV ống 2mL	ống
###	Carvedilol (TALLITON) viên nén 6.25mg	viên
###	Umeclidinium + Vilanterol (ANORO ELLIPTA) (62.5mcg + 25mcg)/nhát bột hít hộp 30 liều	hộp
###	Fluticasone furoate + Umeclidinium + Vilanterol (TRELEGY ELLIPTA) (100mcg+62.5mcg+25mcg)/nhát l	hộp
###	Iloprost (ILOMEDIN 20) 20mcg/mL IV ống 1mL	ống
###	Venlafaxine (VENLAFAXINE STELLA) viên nén giải phóng kéo dài 75mg	viên
###	Sodium valproate (DEPAKINE) viên nén 200mg	viên
###	ceFAZolin (ZAMIFEN) IM/IV lọ 1g	lọ
###	Ringer lactate (RINGER LACTATE KABI) IV chai 500mL	chai
###	Colchicine (COLCHICINE) viên nén 1mg	viên
###	Rivaroxaban (XARELTO) viên nén 2.5mg (HIGH ALERT)	viên
###	Cefepime (CEFEME) IM, IV lọ 1g	lọ
###	Empagliflozin + Linagliptin (GLYXAMBI) viên nén 25mg/5mg	viên
###	NaCl 0.9% + Glucose 5% (SODIUM CHLORIDE 0.9% + DEXTROSE 5% MEKOPHAR) IV chai 500mL	chai
###	Amino Acids + Electrolytes + Glucose + Lipid (OLIMEL N9E) IV túi 1000mL	bịch
###	Glucose 5% (DEXTROSE 5% VIOSER) IV chai 100mL	chai
###	Glucose 5% (DEXTROSE 5% VIOSER) IV chai 250mL	chai

###	Ondansetron (ONDANSETRON KABI) 2mg/mL IV ống 4mL	ống
###	Mineral elements (JUNIMIN) truyền IV ống 10mL	ống
###	Mannitol (MANNITOL KABI) 20% truyền IV chai 250mL	chai
###	Colloidal Bismuth Subcitrate (TRYMO) viên nén 120mg	viên
###	Racecadotril (HIDRASEC) viên nang 100mg	viên
###	NaCl (SODIUM CHLORIDE 0.9% OTSUKA) 0.9% truyền IV chai 500mL	chai
###	Diclofenac (DICLOFENAC KABI) 75mg/3mL IM/IV ống 3mL	ống
###	NaCl (SODIUM CHLORIDE 0.9% VIOSER) 0.9% truyền IV chai 100mL	chai
###	Glutathione (GLUTHION) 600mg/4mL IV lọ 4mL	lọ
###	Mecobalamin (METHYCOBAL INJECTION) 500mcg/1mL IM/IV ống 1mL	ống
###	Lyophilized bacterial lysates (BRONCHO-VAXOM CHILDREN) viên nang 3.5mg	viên na
###	Budesonide + Formoterol (SYMBICORT RAPIHALER) (160mcg + 4.5mcg)/ nhát xịt hỗn dịch bình 120 liều	bình
###	Indomethacin (MEKOINDOCIN 25) viên nang 25mg	viên
###	Sorbitol (SORBITOL KABI) dung dịch 3.3% chai 500mL	chai
###	Amoxicillin (AMOXICILLIN IMEX) gói 250mg	gói
###	Vancomycin (VECMID) IV lọ 500mg	lọ
###	Teicoplanin (FYRANCO) IV/IM bột pha tiêm lọ 400mg	lọ
###	Furosemide (BFS-FUROSEMIDE) 40mg/4mL IM/IV ống 4mL	ống
###	NaCl (SODIUM CHLORIDE 0.9% VIOSER) 0.9% truyền IV chai 250mL	chai
###	Insulin degludec 70% + Insulin aspart 30% (RYZODEG FLEXTOUCH) 100 units/mL SC bút tiêm 3mL (HI	bút
###	Silymarin (LIVOSIL) viên nang 140mg	viên na
###	Piracetam (BFS-PIRACETAM) 400mg/mL IV ống 10mL	ống
###	Glucose 5% (GLUCOSE 5% KABI) truyền IV chai 250mL	chai
###	Palonosetron (P-CET 250) 0.25mg/5mL IV lọ 5mL	lọ
###	Potassium Chloride (KALI CLORID) viên nén 500mg	viên
###	Terbutaline (ARIMENUS) 1mg/1mL SC/IV/khí dung ống 1mL	ống
###	Desmopressin (MINIRIN) viên nén 0.1mg	viên
###	Irbesartan (IRPRESTAN) viên nén 150mg	viên
###	Omeprazole (LOSEC MUPS) viên nén 20mg	viên
###	Sacubitril + Valsartan (UPERIO 50mg) viên nén 24.3mg/25.7mg	viên
###	Pilocarpine (PILOCARPINE-ISOPTO 2%) 20mg/mL nhỏ mắt chai 15mL	chai
###	Glucose 5% (GLUCOSE 5% KABI) truyền IV chai 100mL	chai
###	Aminoacids hepatic solution (MORIHEPAMIN 7.585%) truyền IV túi 200mL	bịch
###	Alfuzosin hydrochloride (FLOTRAL) viên nén phóng thích chậm 10mg	viên
###	Folinic acid (FOLINATO) IM/IV lọ 50mg	lọ
###	Insulin Glargine (TOUJEO SOLOSTAR) 300 units/mL SC bút tiêm 1.5mL (HIGH ALERT)	bút
###	Ketorolac (KEVINDOL) 30mg/mL IM/IV ống 1mL	ống
###	Desogestrel + Ethinylestradiol (MARVELON) viên nén 150mcg/30mcg (Hộp/21)	hộp
###	Tenofovir Alafenamide (VEMLIDY) viên nén 25mg	viên
###	Vancomycin (VANKOPOL) IV/uống lọ 500mg	lọ
###	Carvedilol (CARVESTAD 6.25) viên nén 6.25mg	viên
###	Ciprofloxacin (CIPROFLOXACIN POLPHARMA) 200mg/100mL IV bag 100mL	bịch
###	Amoxicillin (PHARMOX) viên nang 500mg	viên na
###	Allopurinol (SADAPRON 300) viên 300mg	viên

###	Glucose-1-Phosphat dinatri Tetrahydrate (PHOSPHORUS) 250.8 mg/mL IV ống 10mL (HIGH ALERT)	ống
###	Amphotericin B lipid complex (AMPHOLIP) 5mg/mL IV lọl 10mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Moxifloxacin (RIVOMOXI) viên nén 400mg	viên
###	Desogestrel + Ethinylestradiol (MERCILON) viên nén 150mcg/20mcg (Hộp/21)	hộp
###	Levofloxacin (CRAVIT) 0.5% nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	Amoxicillin (AMOXICILLIN MEKOPHAR) gói 250mg	gói
###	Apixaban (ELIQUIS) viên nén 5mg (HIGH ALERT)	viên
###	Dexamethasone (DEXAMETHASONE) 4mg/mL IM/IV ống 1mL (VIDIPHA)	ống
###	Dexamethasone (DEXAMETHASONE) viên nén 0.5mg	viên
###	Dextromethorphan+Chlorpheniramine (ATUSSIN) (1mg+0.27mg)/mL siro chai 60mL	chai
###	dilTIAZem (DILTIAZEM STELLA) viên nén 60mg	viên
###	Diclofenac (VOLTAREN EC) viên nén 50mg	viên
###	Diclofenac (VOLTAREN SR) viên nén 75mg	viên
###	Digoxin (DIGOXINEQUALY) viên nén 0.25mg	viên
###	dilTIAZem (HERBESSER R100) viên nang phóng thích kéo dài 100mg	viên na
###	dilTIAZem (HERBESSER R200) viên nang phóng thích kéo dài 200mg	viên na
###	diphenhydrAMINE (DIMEDROL) 10mg/mL IV/IM ống 1mL	ống
###	Doxazosin (CARDURAN) viên nén 2mg	viên
###	Prospan , 70ml	chai
###	Dutasteride (AVODART) viên nang 0.5mg	viên na
###	Dydrogesterone (DUPHASTON) viên nén 10mg	viên
###	Enalapril (ENALAPRIL STELLA) viên nén 10mg	viên
###	Enalapril (ENALAPRIL STELLA) viên nén 5mg	viên
###	Enoxaparin (LOVENOX) 20mg/0.2mL SC xy lanh 0.2mL	ống
###	Enoxaparin (LOVENOX) 40mg/0.4mL SC xy lanh 0.4mL (HIGH ALERT)	ống
###	Enoxaparin (LOVENOX) 60mg/0.6mL SC xy lanh 0.6mL (HIGH ALERT)	ống
###	Eperisone (MYONAL) viên nén 50mg	viên
###	Azithromycin (VIZIMTEX) IV lọ 500mg	lọ
###	Epoetin alfa (EPREX) 2.000 units/0.5mL IV/SC xy lanh 0.5mL	xy lanh
###	Epoetin alfa (EPREX) 4.000 units/0.4mL IV/SC xy lanh 0.4mL	ống
###	Esomeprazole (NexIUM MUPS) viên nén 20mg	viên
###	Esomeprazole (NexIUM MUPS) viên nén 40mg	viên
###	Esomeprazole (NexIUM) gói 10mg	gói
###	Etomidate lipuro, 20mg/10ml	ống
###	Etonogestrel (IMPLANON NXT) que cấy 68mg	hộp
###	Etoricoxib (ARCOXIA) viên nén 120mg	viên
###	Etoricoxib (ARCOXIA) viên nén 60mg	viên
###	Fenofibrate (LIPANTHYL SUPRA) viên nén 160mg	viên
###	Filgrastim (NEUPOGEN) 30MU/0.5mL SC/IV xy lanh 0.5mL	ống
###	Fluconazole (FLUCONAZOLE STELLA) viên nang 150mg	viên na
###	Mycosyst , 200mg/100ml	chai
###	Quetiapine (QUEITOZ-200) viên nén 200mg	viên
###	Fluticasone (FLIXOTIDE EVOHALER) 125mcg bình hít 120 liều	chai
###	Furosemide (DIUREFAR) viên nén 40mg	viên

###	Fusidic acid (FUCIDIN) 2% kem bôi da tuýp 15g	tuýp
###	Fusidic acid + Betamethasone (FUCICORT) 2% + 0.1% kem bôi da tuýp 15g	tuýp
###	Gabapentin (NEURONTIN) viên nang 300mg	viên na
###	Gliclazide (DIAMICRON MR) viên nén phóng thích biến đổi 60mg	viên
###	Gliclazide (DIAMICRON MR) viên nén phóng thích biến đổi 30mg	viên
###	Glucose 10% (DEXTROSE 10% MEKOPHAR) truyền tĩnh mạch chai 250mL	chai
###	Glucose 5% (GLUCOSE 5% B.BRAUN) IV chai 100mL	chai
###	Glucose 5% (GLUCOSE 5% B.BRAUN) IV chai 500mL	chai
###	Ringer Lactate + Glucose 5% (RINGER LACTATE AND GLUCOSE 5%) IV chai 500mL	chai
###	Haloperidol (HALOFAR) viên nén 2mg	viên
###	Dienogest (VISANNE) viên nén 2mg	viên
###	Hydrocortisone Roussel, 10mg	viên
###	Hydrocortisone (FORSANCORT) 1% kem thoa da tube 10g	tuýp
###	Hydrocortisone (HYDROCORTISONE) 100mg/2mL IM/IV lọ 2mL	lọ
###	Pramipexole (SIFROL) viên nén 0.25mg	viên
###	Hyoscine butylbromide (BUSCOPAN) viên nén 10mg	viên
###	Hyoscine butylbromide (BUSCOPAN) 20mg/mL SC/IM/IV ống 1mL	ống
###	Ibuprofen (BRUFEN) 20mg/mL siro chai 60mL	chai
###	Imipenem + Cilastatin (TIENAM) IV lọ 500mg/500mg	lọ
###	Human insulin soluble + Human insulin isophane (MIXTARD 30) 100 units/mL SC lọ 10mL	lọ
###	Insulatard HM, 100IU/ml 10ml	lọ
###	Insulin Glargine (LANTUS SOLOSTAR) 100 units/mL SC bút tiêm 3mL (HIGH ALERT)	bút
###	Humulin R, 100IU/ml 10ml	lọ
###	Human insulin soluble + Human insulin isophane (MIXTARD 30 FLEXPEN) 100 units/mL SC bút 3mL (HI	bút
###	Iopromide (ULTRAVIST 300) 300mg I/mL chai 50mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Iopromide (ULTRAVIST 300) 300mg I/mL chai 100mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Irbesartan (APROVEL) viên nén 150mg	viên
###	Irbesartan (APROVEL) viên nén 300mg	viên
###	Irbesartan + Hydrochlorothiazide (COAPROVEL) viên nén 150mg/12.5mg	viên
###	Irbesartan + Hydrochlorothiazide (COAPROVEL) viên nén 300mg/25mg	viên
###	Vitamin K1 (Phytonadione) (VIK 1 INJ) 10mg/mL IM/IV ống 1mL	ống
###	Isoflurane (AERRANE) chất lỏng gây mê chai 250mL	chai
###	Isoniazid (MEKO INH) viên nén 150mg	viên
###	Isosorbide-5- mononitrate (IMDUR 60) viên nén phóng thích kéo dài 60mg	viên
###	Itopride (ELTHON) viên nén 50mg	viên
###	Ivabradine (PROCORALAN) viên nén 5mg	viên
###	Ivabradine (PROCORALAN) viên nén 7.5mg	viên
###	Ivermectin (PIZAR) viên nén 6mg	viên
###	Potassium Chloride (KALEORID) viên nén phóng thích kéo dài 600mg	viên
###	Ledvir 90/400 mg (hop 28)	viên
###	Levetiracetam (KEPPRA) viên nén 500mg	viên
###	Chirocaine , 5mg/ml 10ml	ống
###	Levodopa + Benserazide (MADOPAR) viên nén 200mg + 50mg	viên
###	Levofloxacin (TAVANIC) viên nén 500mg	viên

###	Tavanic (100ml), 500mg	lọ
###	Levonorgestrel (MIRENA) dụng cụ đặt tử cung 52mg	hộp
###	Postinor -1 , 1,5 mg	viên
###	Levothyroxine (BERLTHYROX) viên nén 100mcg	viên
###	Lidocaine (LIDOCAINE SPRAY) 10% chai xịt 38g	chai
###	Lidocaine + Prilocaine (EMLA) 5% kem bôi da tuýp 5g	tuýp
###	Linezolid (ZYVOX) IV 2mg/mL túi 300mL	bịch
###	Linezolid (FORLEN) viên nén 600mg	viên
###	Lisinopril (ZESTRIL) viên nén 10mg	viên
###	Lisinopril (ZESTRIL) viên nén 5mg	viên
###	Cozaar , 50mg	viên
###	Nefopam (TANA-NASIDON) viên nang 30mg	viên
###	Macrogol 4000 và hỗn hợp muối (FORTRANS) gói 73.69g	gói
###	Magnesi aspartat + Kali aspartat (PANANGIN) viên nén 140mg/158mg	viên
###	Malva powder + Campho Monobromid + Methylen blue (DOMITAZOL) viên nén 250mg/20mg/25mg	viên
###	Mannitol 17.5% + Sorbitol 2.5% (OSMOFUNDIN 20%) IV chai 250mL	chai
###	Iohexol (OMNIPAQUE) 300mg I/mL chai 50mL (HIGH ALERT)	chai
###	Mecobalamin (METHYCOBAL) viên nén 500mcg	viên
###	Mesalazine (PENTASA) viên đặt hậu môn 1g	viên
###	Meloxicam (MOBIC) tab 15mg	viên
###	Decontractyl, 500mg	viên
###	Iohexol (OMNIPAQUE) 350mg I/mL chai 100mL (HIGH ALERT)	chai
###	Meropenem (MERONEM) IV lọ 1g	lọ
###	Mesalazine (PENTASA) viên nén 500mg	viên
###	metFORMIN (GLUCOPHAGE) viên nén 1000mg	viên
###	metFORMIN (GLUCOPHAGE) viên nén 500mg	viên
###	metFORMIN (GLUCOPHAGE) viên nén 850mg	viên
###	Saxagliptin + metFORMIN (KOMBOGLYZE XR) viên nén 5mg/500mg	viên
###	SITagliptin + metFORMIN (JANUMET) viên nén 50mg/850mg	viên
###	Methylergometrine (METHYLERGOMETRINE) 0.2mg/mL IM/IV ống 1mL	ống
###	Methylprednisolone (MEDROL) viên nén 16mg	viên
###	Methylprednisolone (MEDROL) viên nén 4mg	viên
###	Methyldopa (DOPEGYT) viên nén 250mg	viên
###	Metoclopramide (PRIMPERAN) viên nén 10mg	viên
###	Metoprolol (BETALOC ZOK PR) viên nén phóng thích kéo dài 25mg	viên
###	Metoprolol (BETALOC ZOK PR) viên nén phóng thích kéo dài 50mg	viên
###	metroNIDAZOLE (FLAGYL) viên nén 250mg	viên
###	metroNIDAZOLE (METRONIDAZOLE) 5mg/mL IV chai 100mL	lọ
###	Mirtazapine (REMERON) viên nén 30mg	viên
###	Iohexol (OMNIPAQUE) 300mg I/mL chai 100mL (HIGH ALERT)	chai
###	miSOPROStol (MISOPROSTOL STELLA) viên nén 200mcg	viên
###	Moxifloxacin (VIGAMOX) 0.5% nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	Moxifloxacine + Dexamethasone (VIGADEXA) 0.5% + 0.1% nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	Moxifloxacin (AVELOX) 400mg/250mL IV chai 250mL	chai

###	Vancomycin (VOXIN) IV lọ 500mg	lọ
###	Erythromycin (ERYTHROMYCIN) viên nén 500mg	viên
###	Naftidrofuryl hydrogen oxalate (PRAXILENE) viên nén 200mg	viên
###	Naloxone (NALOXONE) 0.4mg/mL IM/IV amp 1mL	ống
###	Nandrolone (DECA-DURABOLIN) 50mg/mL IM ống 1mL	ống
###	NaCl (NATRI CHLORIDE 0.9% OPV) 0.9% IV chai 500mL	chai
###	NaCl (NATRI CHLORID 0.45% B.BRAUN) 0.45% IV chai 500mL	chai
###	NaCl (NATRI CHLORID 10% MEKOPHAR) 10% IV chai 100mL (HIGH ALERT) (171.1 mEq Na+)	chai
###	NaCl (NATRI CHLORIDE 0.9% FRESENIUS KABI) 0.9% IV chai 100mL	chai
###	NaCl (NATRI CHLORIDE 0.9% FRESENIUS KABI) 0.9% IV chai 250mL	chai
###	Montelukast (SINGULAIR) gói 4mg	gói
###	Montelukast (SINGULAIR) viên nén 10mg	viên
###	Montelukast (SINGULAIR) viên nén nhai 4mg	viên
###	Nefopam (ACUPAN) 20mg/2mL IM/IV ống 2mL	ống
###	Neomycine (NEOCIN) 5mg/mL nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	Acetazolamid (ACETAZOLAMID) viên nén 250mg	viên
###	Neomycine+ Polymyxin B+ Dexamethasone (POLYDEXA) nhỏ tai chai 10.5mL	chai
###	niCARdipine (NICARDIPINE AGUETTANT) 10mg/10mL IV lọ 10mL	ống
###	Progesterone (CRINONE) 8% gel âm đạo ống 1.125g	ống
###	NIFEdipine (ADALAT LA) viên nén phóng thích kéo dài 30mg	viên
###	Electrolytes + Acetate + Malate (RINGERFUNDIN) IV chai 1000mL	chai
###	Nimodipine (NIMOTOP) viên nén 30mg	viên
###	Apo-Nitrofurantoin, 100mg	viên
###	Nước vô khuẩn pha tiêm (NƯỚC VÔ KHUẨN PHA TIÊM MKP) chai 500mL (HIGH ALERT)	chai
###	Nước vô khuẩn pha tiêm (NƯỚC VÔ KHUẨN PHA TIÊM MKP) chai 1000mL (HIGH ALERT)	chai
###	Hydrogen Peroxide (OXY GIÀ) 3% dung dịch dùng ngoài chai 60mL	chai
###	Neomycine Sulphate + Polymyxin B + Nystatin (POLYGYNAX) viên đặt âm đạo	viên na
###	Ofloxacin (OFLOVID) 0.3% mỡ tra mắt tuýp 3.5g	tuýp
###	Olanzapine (OLANSTAD) viên nén 10mg	viên
###	Ondansetron (ONDANSETRON-BFS) 8mg/4mL IV ống 4mL	ống
###	Enoxaparin (GEMAPAXANE) 4000 Units/0.4mL SC xy lanh 0.4mL (HIGH ALERT)	xy lanh
###	SOSVomit 8mg	viên
###	Oseltamivir (TAMIFLU) viên nang 75mg	viên na
###	Oxacillin (OXACILLINE) IV/IM lọ 1g	lọ
###	Oxacillin (EUVIOXCIN) viên nang 500mg	viên na
###	Oxytocin (OXYTOCIN) 5 units/mL IM/IV ống 1mL (HIGH ALERT)	ống
###	Pancreatin (CREON 25000) viên nang 300mg	viên na
###	Perfalgan 1g/100ml	lọ
###	PARoxetine (SUMIKO) viên nén 20mg	viên
###	Neulastim, 6mg/0.6ml	xy lanh
###	Perindopril (COVERSYL) viên nén 5mg	viên
###	Perindopril arginine + amLODIPine (COVERAM 10-5) viên nén 10mg/5mg	viên
###	Perindopril arginine + amLODIPine (COVERAM 5-5) viên nén 5mg/5mg	viên
###	Otipax , 4%+1% 15ml	chai

###	Phloroglucinol + Trimethylphloroglucinol (SPASLESS) 40mg+0.03mg/4mL IM/IV ống 4mL	ống
###	Iron (III) hydroxide sucrose complex (HEMAFER-S) 20mg/mL IV ống 5mL	ống
###	Piperacillin + Tazobactam (TAZOCIN) IV lọ 4.5grams	lọ
###	Progesterone (PERFECLLY) viên đặt 400mg	viên đặ
###	Nootropyl , 3g/15ml	ống
###	Nootropyl , 800mg	viên
###	Potassium permanganate (THUỐC TÍM) bột pha dung dịch dùng ngoài gói 10g (Bịch/10 gói)	bịch
###	Polyethylene Glycol 400 + Propylene Glycol (SYSTANE ULTRA) nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	Ciprofloxacin (CIPROFLOXACIN 250-US) gói 250mg	gói
###	Povidone Iodine (POVIDINE OPHTALMIC) 5% dung dịch dùng ngoài chai 20mL	chai
###	Solupred , 20mg	viên
###	Solupred , 5mg	viên
###	prednisoLONE (PREDNISOLONE) viên nén 5mg	viên
###	Pregabalin (LYRICA) viên nang 75mg	viên na
###	Primaquine (7.5mg primaquin base)	viên
###	Progesterone (PROGESTOGEL) 1% gel tuýp 80g	tuýp
###	Progesterone (UTROGESTAN) viên nang 100mg	viên
###	Progesterone (UTROGESTAN) viên nang 200mg	viên na
###	Colpotrophine , 10mg	viên
###	Propofol (DIPRIVAN) 10mg/mL IV ống 20mL (HIGH ALERT)	ống
###	Avlocardyl , 40mg	viên
###	Avlocardyl , 5mg/5ml	lọ
###	Pyrazinamide (PZA) (PYRAZINAMIDE MEKOPHAR) viên nén 500mg	viên
###	QUEtiapine (SEROQUEL XR) viên nén 200mg	viên
###	Racecadotril (HIDRASEC) gói 10mg	gói
###	Racecadotril (HIDRASEC) gói 30mg	gói
###	metroNIDAZOLE (METRONIDAZOL 250) viên nén 250mg	viên
###	Rifampicin, 300mg	viên na
###	Rifampicin-INH, 150/100mg	viên
###	Lactate Ringer OPV, 500ml	chai
###	Ringer lactate (RINGER LACTAT B.BRAUN) IV chai 500mL	chai
###	Electrolytes + Acetate + Malate (RINGERFUNDIN) IV chai 500mL	chai
###	Risperdal, 1mg	viên
###	Rivaroxaban (XARELTO) viên nén 10mg (HIGH ALERT)	viên
###	Rivaroxaban (XARELTO) viên nén 15mg (HIGH ALERT)	viên
###	Rivaroxaban (XARELTO) viên nén 20mg (HIGH ALERT)	viên
###	Rosuvastatin (CRESTOR) viên nén 10mg	viên
###	Rosuvastatin (CRESTOR) viên nén 5mg	viên
###	Rosuvastatin (CRESTOR) viên nén 20mg	viên
###	Rotundin (USA ROTIN-F) viên nén 15mg	viên
###	Carboprost (ENDOPROST) 250mcg/ml IM lọ 1mL	lọ
###	Salbutamol (VENTOLIN INHALER) 100mcg/liều xịt lọ 200 liều	lọ
###	Salbutamol (VENTOLIN NEBULES) 2.5mg/2.5mL ống 2.5mL	ống
###	Salbutamol (VENTOLIN NEBULES) 5mg/2.5mL ống 2.5mL	ống

###	Ipratropium + Salbutamol (COMBIVENT) 0.5mg+2.5mg/2.5mL inhalation ống 2.5mL	ống
###	Salmeterol + Fluticasone (SERETIDE EVOHALER) (25mcg+125mcg)/nhát hỗn dịch hít bình 120 liều	lọ
###	Salmeterol + Fluticasone (SERETIDE EVOHALER) (25mcg+250mcg)/nhát hỗn dịch hít bình 120 liều	lọ
###	Salmeterol + Fluticasone (SERETIDE EVOHALER) (25mcg+50mcg)/nhát hỗn dịch hít bình 120 liều	lọ
###	TraCUTil , 10ml	ống
###	Filgrastim (GRAFEEL) 300mcg/mL SC/IV lọ 1mL	lọ
###	Sertraline (ZOLOFT) viên nén 50mg	viên
###	Sevoflurane (SEVORANE) chất lỏng hít chai 250mL (HIGH ALERT)	chai
###	Sildenafil (VIAGRA) viên nén 50mg	viên
###	Dapagliflozin + metFORMIN (XIGDUO XR) viên nén 10mg/500mg	viên
###	NaCl (SODIUM CHLORIDE 0.9% MEKOPHAR) 0.9% tưới, rửa chai 1000mL	chai
###	NaCl (SODIUM CHLORIDE 0.9% MEKOPHAR) 0.9% tưới, rửa chai 500mL	chai
###	NaCl (NATRI CHLORIDE 0.9% BBRAUN) 0.9% IV chai 100mL	chai
###	NaCl (NATRI CHLORIDE 0.9% BBRAUN) 0.9% IV chai 500mL	chai
###	NaCl- (3610739), 0.9% 1000ml	chai
###	NaCl (NATRI CHLORID 0.9% BBRAUN) 0.9% truyền IV chai 250mL	chai
###	Spiramycine + metroNIDAZOLE (DOROGYNE) viên nén 750,000 units/125mg	viên
###	Spironolactone (VEROSPIRON) viên nén 25mg	viên
###	Spironolactone (VEROSPIRON) viên nang 50mg	viên na
###	Nước vô khuẩn pha tiêm (NƯỚC VÔ KHUẨN PHA TIÊM) IV ống 5mL	ống
###	Sugammadex (BRIDION) 200mg/2mL IV lọ 2mL	lọ
###	Sulfamethoxazole + Trimethoprim (COTRIMOXAZOLE 400/80) viên nén 400mg/80mg	viên
###	Sulfamethoxazole + Trimethoprim (COTRIMOXAZOLE 800/160) viên nén 800mg/160mg	viên
###	Dogmatil , 50mg	viên na
###	Migranol, 50mg	viên
###	Oestradiol (OESTROGEL) 0.06% gel bôi da tuýp 80g	tuýp
###	Tamsulosin (HARNAL OCAS) viên nén phóng thích kéo dài 0.4mg	viên
###	Targocid , 400mg	lọ
###	Telmisartan (MICARDIS) viên nén 40mg	viên
###	Telmisartan (MICARDIS) viên nén 80mg	viên
###	Telmisartan + Hydrochlorothiazide (MICARDIS PLUS) viên nén 40mg/12.5mg	viên
###	Testosterone undecanoate (NEBIDO) 1000mg/4mL IM lọ 4mL	ống
###	Testosterone (ANDRIOL) viên nang 40mg	viên na
###	Tetracain (TETRACAIN) 0.5% nhỏ mắt chai 10mL	chai
###	Tetracycline (TETRACYCLINE) viên nang 500mg	viên na
###	Theostat LP 100mg	viên
###	Thiamazole (THYROZOL) viên nén 10mg	viên
###	Ticagrelor (BRILINTA) viên nén 90mg	viên
###	Tygacil, 50mg	lọ
###	Heparegen, 100mg	viên
###	Tinidazol , 500mg	viên
###	Spiriva Respimat, 0,0025mg/nhát xịt	chai
###	Tobramycin (TOBREX) 0.3% nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	Tobrex ointment 0.3%	tuýp

###	Tobramycin + Dexamethasone (TOBRADEX) 0.3%+0.1% nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	Tobramycin + Dexamethasone (TOBRADEX) 0.3%/0.1% mỡ tra mắt tuýp 3.5g	tuýp
###	Topamax , 25mg	viên
###	Medsamic, 500mg/5ml	ống
###	K-cort , 80mg/2ml	ống
###	Lipidem, 20%/100ml	chai
###	Lipidem, 20%/250ml	chai
###	Trimebutine Maleate (DEBRIDAT) viên nén 100mg	viên
###	Trimetazidine (VASTAREL MR) viên nén 35mg	viên
###	Trolamin (BIAFINE) 0.67% thuốc mỡ bôi da tube 93g	tuýp
###	Midriacyl col, 1% 15ml	chai
###	Tuberculin PPD, 5TU/0.1ml 10 Doses	lọ
###	Tyrothricin+ Benzalkonium+ Benzocaine (DORITHRICIN) viên ngậm 0.5mg/1mg/1.5mg	viên
###	Ursocholic 150, 150 mg	viên
###	Sodium valproate + Valproic acid (DEPAKINE CHRONO) viên nén 500mg	viên
###	Valsartan (DIOVAN) viên nén 160mg	viên
###	Valsartan (DIOVAN) viên nén 80mg	viên
###	Valsartan + HydroCHLOROthiazide (CO-DIOVAN) viên nén 160mg/25mg	viên
###	Valsartan + HydroCHLOROthiazide (CO-DIOVAN) viên nén 80mg/12.5mg	viên
###	Vancomycin, 500mg	lọ
###	Valacin, 1g	lọ
###	Valacin, 500mg	lọ
###	Isoptine, 40mg	viên
###	Vinpocetine (CAVINTON FORTE) viên nén 10mg	viên
###	Vitamin A (Retinol) (VITAMIN A) viên nang 5000 units	viên na
###	Vit B complex + Vit C + Ca + Mg (BEROCCA) viên nén sủi bọt (Hộp/10)	viên
###	Neurobion	viên
###	Magnesi lactate + Magnesi pidolate + Vitamin B6 (MAGNE B6 CORBIERE) ống 186mg/936mg/10mg	ống
###	Magnesi Lactate + Vit B6 (MAGNE B6 CORBIERE) viên nén 470mg/5mg	viên
###	Vitamin C (Ascorbic acid) (CEELIN) 100mg/5mL siro chai 120mL	chai
###	Cesyrup	chai
###	Laroscorbine , 500mg/5ml	ống
###	Vitamin D2 (Ergocalciferol) (STEROGYL) 20.000 units/mL chai 20mL	chai
###	Aquadetrim Vitamin D3, 15000IU/ml 10ml	chai
###	Vitamin E (ENAT) viên nang 400IU	viên na
###	Vitamin PP (Nicotinamide) (VITAMIN PP) viên nén 500mg	viên
###	Methylene Blue + Crystal Purple (MILIAN) dung dịch dùng ngoài chai 20mL	chai
###	Zinc (FARZINCOL) tab 10mg	viên
###	Norash	tuýp
###	Thiocolchicoside (COLTRAMYL) viên nén 4mg	viên
###	Phenytoin (PHENYTOIN DANAPHA) viên nén 100mg	viên
###	Isoptine, 5mg/2ml	ống
###	Mannitol (MANNITOL) 20% truyền IV chai 250mL	chai
###	Vitamin B1 (VIATMIN B1) 100mg/mL IM ống 1mL	ống

###	Metoran INJ/ Metoclopramide INJ, 10mg/2ml (Danapha)	ống
###	Cenervit INJ	lọ
###	NaCl (NATRI CHLORID 3%) 3% IV chai 100mL (HIGH ALERT) (51.3 mEq Na+)	chai
###	Propofol (PROPOFOL-LIPURO 1%) 10mg/mL IV ống 20mL (HIGH ALERT)	ống
###	Metoprolol tartrate (BETALOC) viên nén 50mg	viên
###	PTU ,50 mg	viên
###	Dapagliflozin (FORXIGA) viên nén 10mg	viên
###	Dapagliflozin (FORXIGA) viên nén 5mg	viên
###	Terbutaline (BRICANYL) 0.5mg/mL SC/IV ống 1mL	ống
###	Artesunate INJ,40mg/ml	ống
###	Vitamin K1 (Phytomenadione) (VINPHYTON) 10mg/mL SC/IM/IV ống 1mL	ống
###	Dexpanthenol (PANTHENOL SPRAY) 4.63% chai xịt 130g	chai
###	Zovirax , 200mg	viên
###	Amphotericine B INJ, 50mg/10ml	ống
###	Haloperidol (HALOPERIDOL) 5mg/mL IM amp 1mL	ống
###	Ellgy solution (mụn cóc) wart,10ml	lọ
###	Colistimethate sodium (COLISTIN TZF) lọ 1.000.000 units - IV/IM/inhalation	lọ
###	Ketoconazol , 200mg ,tab	viên
###	Aspirin, 81mg Domesco	viên
###	Secnol 2g	gói
###	Acyclovir (ACYCLOVIR STELLA) viên nén 200mg	viên
###	Pantoloc , 40mg tab	viên
###	Montelukast (SINGULAIR) viên nén nhai 5mg	viên
###	Fluticasone furoate (AVAMYS) 27.5 mcg xịt mũi chai 120 liều	chai
###	Gadoteric acid (DOTAREM) 5mmol/10mL IV lọ 10mL	lọ
###	Iopromide (ULTRAVIST 370) 370mg I/mL chai 100mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Barihadopha, 275g	gói
###	Lopinavir + Ritonavir (ALUVIA) viên nén 200mg/50mg	viên
###	Lamzidivir , 150mg+300mg	viên
###	Glucose 50% 10 ml	ống
###	Nitroprusside	ống
###	Carbamazepine ,200mg	viên
###	Broncho-Vaxom 7mg	viên na
###	Diclofenac (VOLTAREN) viên đặt hậu môn 100mg	viên đặ
###	metroNIDAZOLE + Miconazole (NEO-PENOTRAN) viên nén đặt âm đạo 500mg/100mg	Viên đặ
###	Miko Penotran,1200mg,Viên	viên
###	metroNIDAZOLE + Neomycin + Nystatin (NEO-TERGYNAN) viên nén đặt âm đạo 500mg/65000units/10(	viên
###	Gynophylus ,341mg,Viên	viên na
###	Fluconazole (DIFLUCAN) viên nang 150mg	viên na
###	Genurin ,200mg	viên
###	Solifenacin (VESICARE) viên nén 5mg	viên
###	Colposeptin ,200mg+10mg	viên
###	Adrenoxyl ,10mg	viên
###	Flagentyl , 500mg	viên

###	Angelix ,1mg+2mg	viên
###	TanATRIL 5mg	viên
###	Progesterone (CYCLOGEST) viên đạn 400mg	Viên đặ
###	Estradiol valerate (PROGYNOVA) viên nén 2 mg	viên
###	Norethisterone (PRIMOLUT N) viên nén 5mg	viên
###	Estradiol (VALIERA) viên nén 2mg	viên
###	Evra ,6mg+600mcg	miếng d
###	Cefixime (DOCIFIX) viên nén 200mg	viên
###	Doxycycline (DOXYCYCLIN MEKOPHAR) viên nang 100mg	viên na
###	Ella , 30mg	viên
###	Estradiol + Dydrogesterone (FEMOSTON) viên nén 1mg/10mg	viên
###	Estradiol + Dydrogesterone (FEMOSTON CONTI) viên nén 1mg/5mg	viên
###	metFORMIN (GLUCOPHAGE XR) viên nén phóng thích kéo dài 750mg	viên
###	Vildagliptin + metFORMIN (GALVUSMET) viên nén 50mg/1000mg	viên
###	Vildagliptin (GALVUS) viên nén 50mg	viên
###	Linagliptin (TRAJENTA) viên nén 5mg	viên
###	Glimepiride (AMARYL) viên nén 4mg (HIGH ALERT)	viên
###	Insuline soluble + Insulin protamin, analogue (NOVOMIX 30 FLEXPEN) 100 units/mL SC bút tiêm 3mL (H	bút
###	Liraglutide (VICTOZA) 6mg/mL SC bút tiêm 3mL	bút
###	Cilostazol (PLETAAL) viên nén 100mg	viên
###	Carbimazole (CARBIMAZOLE) viên nén 5mg	viên
###	Levothyroxine (LEVOTHYROX) viên nén 50mcg	viên
###	Aminoacids (VAMINOLACT) truyền IV chai 100mL	chai
###	Pantoloc INJ 40mg	lọ
###	Ampicillin (AMPICILLIN) IM/IV lọ 1g	lọ
###	Thiamazole (THYROZOL) viên nén 5mg	viên
###	Lidocain 2% 10ml	ống
###	Glucose 5% + NaCl 0.9% (GLUCOSE 5% + NATRI CHLORIDE 0.9% BBRAUN) IV chai 500mL	chai
###	Ropivacaine (ANAROPIN) 40mg/20mL (0.2%) IM/Epidural/IT ống 20mL (HIGH ALERT)	ống
###	Diclofenac (VOLTAREN) 75mg/3mL IM/IV ống 3mL	ống
###	Pinene + Caphene + Cineol + Oliver oil (ROWATINEX) viên nang	viên na
###	Fosfomycin calci hydrate (FOSMICIN) viên nén 500mg	viên
###	Fosfomycin (FOSMICIN) IV lọ 1g	lọ
###	Goserelin (ZOLADEX) SC xy lanh 3.6mg	xy lanh
###	Foncitril 4000	gói
###	Dapoxetin (PRILIGY) viên nén 30 mg	viên
###	Sultamicillin (UNASYN) tab 750mg	viên
###	Ampicillin + Sulbactam (UNASYN) IM/IV lọ 1g/0.5g	lọ
###	Duspatalin 200mg	viên na
###	Tadalafil (TADALAFIL STELLA) viên nén 10mg	viên
###	Hydralazine, 20mg/ml	ống
###	Than thảo mộc + Cam thảo + Tinh dầu bạc hà (CARBOMINT) viên nén nhai 100mg/10mg/3mg	viên
###	Bromocriptine (PARLODEL) viên nén 2.5mg	viên
###	Carbetocin (DURATOCIN) 100mcg/mL IV ống 1mL	ống

###	Tranexamic acid (TRANSAMIN) 250mg/5mL IM/IV ống 5mL (HIGH ALERT)	ống
###	Bupivacaine (MARCAIN SPINAL HEAVY 0.5%) 20mg/4mL Intrathecal ống 4mL (HIGH ALERT)	ống
###	Bupivacain 0,5%/20ml	lọ
###	Calcium chloride (CALCI CLORID) 500mg/5mL IV ống 5mL (~136mg Ca2+) (HIGH ALERT)	ống
###	Sulperazon 1g	lọ
###	Ertapenem (INVANZ) IV/IM lọ 1g	lọ
###	Gentamycin 80mg/2ml	ống
###	Glucose 20%/ 200ml	chai
###	Lidocaine (XYLOCAINE JELLY) 2% gel thoa da tuýp 38g	tuýp
###	Emecad 0, 25mg/5ml	ống
###	Paparin 40mg/2ml	ống
###	Salbumol 1mg, suppo	viên
###	Tetracyclin (TETRACYCLIN) 1% mỡ tra mắt tuýp 5g	tuýp
###	Insulin Glargine (BASAGLAR) 100 units/mL SC bút 3mL (HIGH ALERT)	bút
###	Theophylin ethylendiamin (DIAPHYLLIN VENOSUM) 240mg/5mL IV ống 5mL	ống
###	Ipratropium + Fenoterol (BERODUAL) (20mcg + 50mcg)/nhát xịt dung dịch khí dung bình 200 liều 10mL	bình
###	tanATRIL 10mg	viên
###	Cefuroxime (ZINNAT) VIÊN NÉN 125MG	viên
###	amLODIPine (STADOVAS 5) viên nang 5mg	viên na
###	Sulpiride (SULPIRIDE STELLA) viên nang 50mg	viên na
###	Glucose (GLUCOSE 5% BBRAUN) 5% IV chai 250mL	chai
###	Propranolol (DOROCARDYL) viên nén 40mg	viên
###	Ciprofloxacin (SCANAX) viên nén 500mg	viên
###	Allopurinol (ALLOPURINOL STELLA) viên nén 300mg	viên
###	Glucose 30% (DEXTROSE 30% MEKOPHAR) truyền tĩnh mạch chai 500mL (Tĩnh mạch trung tâm)	chai
###	Sorbitol (SORBITOL) 3.3% IV chai 1L	chai
###	Tranexamic Acid (MEDSAMIC) 250mg/5mL IV ống 5mL (HIGH ALERT)	ống
###	Ciprofloxacin (FURECT) 200mg/100mL IV chai 100mL	chai
###	Isotretinoin (ACNOTIN) viên 10mg	viên na
###	Eryfluid 30ml	chai
###	Triamcinolone (LISANOLONA) 80mg/2mL IM/I-ARTIC/I-SYNOV/I-LESION ống 2mL	ống
###	Meloxicam (MOBIC) viên nén 7.5mg	viên
###	Sibelium 5mg	viên na
###	Lotemax 0.5% 5mL	chai
###	Besifloxacine (BESIVANCE) 0.6% nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	cefOTAXime (TORLAXIME) IM/IV lọ 1g	lọ
###	Ropivacaine (ANAROPIN) 50mg/10mL (0.5%) IM/Epidural/IT ống 10mL (HIGH ALERT)	ống
###	Ciprofloxacin (CIPROFLOXACIN) 0.3% nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	Felodipine (PLENDIL) viên nén 5mg	viên
###	Glyceryl trinitrate (GLYCERYL TRINITRATE-HAMELN) 1mg/mL truyền IV ống 10mL	lọ
###	Sevoflurane (SEVORANE) chất lỏng hít 20mL (30 phút) (HIGH ALERT)	chai
###	Rebamipide (MUCOSTA) viên nén 100mg	viên
###	miFEPRIStone (MIFESTAD STELLA) viên nén 10mg	viên
###	Lamivudine (LAMONE 100) viên nén 100mg	viên

###	Tenofovir disoproxil fumarat (TEFOSTAD T300) viên nén 300mg	viên
###	Ventolin expectorant 60ml	chai
###	Sofosbuvir + Velpatasvir (MYVELPA) viên nén 400mg/100mg	viên
###	Pemirolast potassium (ALEGYSAL) 0.1% nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	Proparacaine hydrochloride (ALCAINE) 0.5% nhỏ mắt chai 15mL	chai
###	Fluorometholone (FLUMETHOLON) 0.1% nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	prednisoLONE (PRED FORTE) 1% nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	Sodium hyaluronate (SANLEIN) 0.1% nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	Tropicamide + Phenylephrin (MYDRIN-P) 5mg+5mg/mL nhỏ mắt chai 10mL	chai
###	Pirenoxine (KARY UNI) 0.005% nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	Brinzolamide (AZOPT) 1% nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	Betaxolol (BETOPTIC S) 0.25% nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	Duotrav 40 mcg/ml + 5mg/ml, 2.5ml	chai
###	Travoprost (TRAVATAN) 0.004% nhỏ mắt chai 2.5mL	chai
###	Efavirenz (EFAVIRENZ) viên nén 600mg	viên
###	Rabeprazole (PARIET) viên nén 20mg	viên
###	Entecavir (ENTECAVIR STELLA) viên nén 0.5mg	viên
###	NIFEdipine (NIFEDIPIN T20 RETARD STELLA) viên nén 20mg	viên
###	Hydrochlorothiazide (THIAZIFAR) viên nén 25mg	viên
###	Botulinum toxin type A (BOTOX) SC/ID lọ 100 units	lọ
###	Perindopril arginine + amLODIPine (COVERAM 5-10) viên nén 5mg/10mg	viên
###	Juvederm ultra plus xc 1ml	ống
###	miFEPRIStone (MIFESTAD STELLA) viên nén 200mg	viên
###	cefTAZidime (CEFTAZIDIME GERDA) IM, IV lọ 2g	lọ
###	Acarbose (GLUCOBAY) viên nén 100mg	viên
###	Losartan (LOSTAD T50 STELLA) viên nén 50mg	viên
###	Orlistat (ODISTAD 120) viên nang 120mg	viên na
###	Vagicare 10mg	viên na
###	Ofloxacin (OFLOVID) 0.3% nhỏ mắt chai 5mL	chai
###	Samarin 140mg	viên
###	Enterocaps 200mg	viên na
###	Amoxicillin (CLAMOXYL) gói 250mg	gói
###	Glimepiride (AMARYL) viên nén 2mg (HIGH ALERT)	viên
###	Vytorin 10mg/20mg	viên
###	SITagliptin + metFORMIN (JANUMET) viên nén 50mg/1000mg	viên
###	Lopid 600mg	viên
###	Telmisartan + amLODIPine (TWYNSTA) viên nén 40mg/5mg	viên
###	Acyclovir (ACYCLOVIR STELLA) viên nén 400mg	viên
###	Glucovance 500mg/2.5mg	viên
###	metFORMIN + Glibenclamide (GLUCOVANCE) viên nén 500mg/5mg (HIGH ALERT)	viên
###	Restylane Kysse 1ml	xy lanh
###	Human normal immunoglobulin (FLEBOGAMMA 5%) 50mg/mL IV lọ 50mL	lọ
###	Restasis 0.05% (box 30 x 0.4ml)	hộp
###	Calcium polystyrene sulfonate (KALIMATE) gói 5g	gói

###	Terbutaline + Guaifenesin (BABYCANYL) 1.5mg+66.5mg/5 mL chai 60mL	chai
###	Meropenem (MERONEM) IV lọ 500mg	lọ
###	Colistimethate sodium (COLOMYCIN) IV/inhalation lọ 1.000.000 IU	lọ
###	Isoflurane (AERRANE) chất lỏng gây mê lọ 25ml (30 phút)	lọ
###	Alphachymotrypsin (STATRIPSINE) tab 4.2mg	viên
###	SUMAtriptan 50 Mekophar	viên
###	Ethambutol (ETHAMBUTOL MEKOPHAR) viên nén 400mg	viên
###	cefOTAXime (CEFOTAXIME MEKOPHAR) IM/IV lọ 1g	lọ
###	Calcitriol (ROFCAL) viên nang 0.25mcg	viên na
###	Trimebutine maleate (DECOLIC) gói 24mg	gói
###	Tranexamic acid (TRANSAMIN) viên nén 500mg	viên
###	Erythromycine+Tretinoine (ERYLIK) 4%/0.025% tuýp 30g	tuýp
###	Testosterone (ANDROGEL) gói 50mg	gói
###	dilTIAZem (HERBESSER) viên nén 30mg	viên
###	Tadalafil (TADALAFIL STELLA) viên nén 5mg	viên
###	Phloroglucinol 40mg/4ml	ống
###	Methylene Blue (XANH METHYLENE 1%) 10mg/mL IV ống 20mL	ống
###	Lizolid (linezolid) 600mg	viên
###	Tamiacin (vancomycin) 1g	ống
###	Smofkabi 20% 100ml	chai
###	NaCl 0,9% 1000ml (DUNG DỊCH TIÊM TRUYỀN - Mekophar)	chai
###	Glucose 30% (DEXTROSE 30%) truyền tĩnh mạch chai 250mL (Tĩnh mạch trung tâm)	chai
###	Ursodeoxycholic acid (CUELLAR) viên nén 150mg	viên
###	Baclofen (ZABAVNIK) viên nén 10mg	viên
###	Linezolid (ZYVOX) IV 2mg/mL túi 300mL	bịch
###	Febuxostat (FEBURIC) viên nén 80mg	viên
###	Amoxicillin + Clavulanic Acid (CLAMINAT 1.2G) IV lọ 1000mg/200mg	lọ
###	Propofol - Lipuro 0.5% 20ml	ống
###	Vitamine B complex (COMBIMIN) IM, IV ống 2mL	ống
###	Maxapin 1g	lọ
###	Dinoprostone (PROPESS) hệ phân phối thuốc đặt âm đạo túi 10mg	hộp
###	Tenofovir Alafenamide (HEPBEST) viên nén 25mg	viên
###	Hanexic 250mg/5ml	ống
###	Menison 16mg	viên
###	Rostor 5mg	viên
###	Rostor 20mg	viên
###	Rostor 10mg	viên
###	Cefuroxim (NEGACEF) IM/IV lọ 750mg	lọ
###	Dexlansoprazole (DEXILANT) viên nang 60mg	viên
###	Pralmex (metoclopramid) INJ 2ml	ống
###	Progesterone (CYCLOGEST) viên đạn 200mg	Viên đặ
###	Mometasone (NASONEX) 0.05% xịt mũi chai 60 liều	chai
###	Furosemide (VINZIX) 20mg/2mL IM/IV ống 2mL	ống
###	Palonosetron (ALOXI) 0.25mg/5mL IV lọ 5mL	lọ

###	Peg-Grafeel 6mg/0,6mL	xy lanh
###	Neulastim 650mcg	lọ
###	Cefalexin (CEPHALEXIN) viên nang 500mg	viên na
###	Vammybivids 1000mg	lọ
###	Hydrocortisone (HUHAJO) viên nén 10mg	viên
###	Clobetasol Propionate (HOE CLODERM) 0.0568% kem bôi da tube 15g	tuýp
###	Enterpass tablet	viên
###	Predstad 20mg	viên
###	Bambuterol (BAMBEC) viên nén 10mg	viên
###	Ciprofloxacin (CIPROFLOXACIN-HAMELN) 200mg/100mL IV chai 100mL	lọ
###	Estriol + Lactobacillus acidophilus (GYNOFLOR) viên nén đặt âm đạo 0.03mg + 100 million	Viên đặ
###	Gyno-Pevaryl Depot 150mg	Viên đặ
###	Fenticonazole (LOMEXIN) viên nang mềm đặt âm đạo 200mg	Viên đặ
###	Estriol (DAIKYN) viên đạn 0.5mg	Viên đặ
###	Bisacodyl (BISALAXYL) viên nén 5mg	viên
###	Bupivacaine (BUPIVACAIN WPW SPINAL 0.5% HEAVY) 5mg/mL Intrathecal ống 4mL (HIGH ALERT)	ống
###	Loctospan 2%	xy lanh
###	Avocado-Soybean oil unsaponifiables extract (PIASCLEDINE) viên nang 300mg	viên
###	Eszopiclone (NEURACTINE) viên nén 2mg	viên
###	metroNIDAZOLE + Miconazole + Lidocain (NEO-PENOTRAN FORTE L) viên nén đặt âm đạo 750mg/200m	viên đặ
###	Cyanocobalamin (SANCOBA) 0.02% nhỏ mắt chai 5mL	lọ
###	Tenofovir disoproxil fumarat (TENIFO) viên nén 300mg	viên
###	Vitamin B12 kabi 1000mcg/ml	ống
###	Clindamycin (DALACIN C) 300mg/2mL IM/IV lọ 2mL	lọ
###	Potassium Chloride (POTASSIUM CHLORIDE PROAMP) 1g/10mL (10%) IV ống 10mL (HIGH ALERT)	ống
###	Tofisopam (GRANDAXIN) viên nén 50mg	viên
###	Pravastatin (FASTHAN 20) viên nén 20mg	viên
###	Ponysta	viên đặ
###	Reminyl 8mg	viên na
###	Mepoly 10ml	chai
###	Empagliflozin (JARDIANCE) viên nén 25mg	viên
###	Linagliptin+ metFORMIN (TRAJENTA DUO) viên nén 2.5mg/1000mg	viên
###	Linagliptin+ metFORMIN (TRAJENTA DUO) viên nén 2.5mg/500mg	viên
###	Tiotropium (SPIRIVA RESPIMAT) 2.5mcg/nhát ống 60 nhát	chai
###	Vytorin 10mg/40mg	viên
###	Nystatine (NYSTATINE) viên nén 500.000 units	viên
###	Easyef 0.005% spray 10ml	chai
###	Mosapride (GASMOTIN) viên nén 5mg	viên
###	Cholin salicylat + Clorua benzalkonium (ZYTEE-RB) 9% + 0.02% gel tuýp 10mL	tuýp
###	Triamcinolone (MOUTHPASTE) 0.1% tube 5g	tuýp
###	Zoledronic acid (ZOMETA) 4mg/100mL IV chai 100mL	lọ
###	Insulin aspart (NOVORAPID FLEXPEN) 100 units/mL SC/IV bút tiêm 3mL (HIGH ALERT)	bút
###	Ondansetron-BFS 8mg/4ml	ống
###	Lanocorbic (Vitamin C) 500mg/5ml	ống

###	Somazina 1000mg/10ml Oral	gói
###	HCQ, hydroxychloroquine 200mg	viên
###	Rifampicin 150mg	viên na
###	Spasmaverine 60mg	viên
###	Betamethasone Dipropionate+Betamethasone DiSodiumphosphate (DIPROSPAN) (5mg+2mg)/mL IM/	lọ
###	Calcipotriol + Betamethasone (DAIVOBET) 50mcg/0.5mg thuốc mỡ bôi da tube 15g	tuýp
###	amLODIPine (AMLOR) viên nén 5mg	viên
###	SaviQuetiapine 25mg	viên
###	Paracetamol (PARACETAMOL KABI) 1000mg/100mL IV chai 100mL	lọ
###	Dexamethasone (DEXAMETHASONE) 4mg/mL IM/IV ống 1mL (VINPHACO)	ống
###	Etoricoxib (ARCOXIA) viên nén 90mg	viên
###	Goutcolcin 1mg (Agimexpharm)	viên
###	Vammybivids 500mg (Bình Việt Đức)	lọ
###	Glucose 10% (G-10) 250ml, 3610751,chai	chai
###	Glucose (GLUCOSE 10% BBRAUN) 10% IV chai 500mL	chai
###	Migtana 50mg (sumatriptan)	viên
###	Empagliflozin + metFORMIN (JARDIANCE DUO) viên nén 12.5mg/1000mg	viên
###	Rosina (Drospirenone 3mg;Ethinylestradiol 0,03mg),Hộp 21 VIÊN,HỘP	hộp
###	Vitamin C (Ascorbic acid) (CEELIN) 100mg/5mL siro chai 60mL	chai
###	Mobic 15mg/1.5ml, Hộp 5 ống, Ống	ống
###	Savi Olanzapine 10mg,Hộp 30 viên,viên	viên
###	Pradaxa 110mg	viên
###	Spiromide-40	viên
###	Etifoxine (STRESAM) viên nang 50mg	viên
###	Thioctic acid (ALFA-LIPOGAMMA 600 ORAL) viên nén 600mg	viên
###	Milgamma mono 150	viên
###	Insulin detemir analogue (LEVEMIR FLEXPEN) 100 units/mL bút 3mL (HIGH ALERT)	bút
###	Mycomycen 1% tube 78g	tuýp
###	ceFAZolin (CEFAZOLIN) IM/IV lọ 1g	lọ
###	N-Acetyl-DL-Leucin (ALEUCIN) 500mg/5mL IV ống 5mL	ống
###	Betamethasone Dipropionate + Salicylic Acid (BETACYLIC) 5mg/300mg thuốc mỡ bôi da tube 15g	tuýp
###	Tiotropium+Olodaterol (SPIOLTO RESPIMAT) 2.5mcg+2.5mcg bình xịt 60 nhát (30 liều)	chai
###	Itraconazole (SPORAL) viên nang 100mg	viên na
###	Protopic 0.03%, 10g	tuýp
###	Protopic 0.1%, 10g	tuýp
###	Betamethasone Dipropionate + Clotrimazole + Gentamicin (GENTRISONE) kem bôi da tuýp 10g	tuýp
###	Dapagliflozin + metFORMIN (XIGDUO XR) viên nén 10mg/1000mg	viên
###	Paracetamol (BFS-PARACETAMOL) 1000mg/10mL IV ống 10mL	ống
###	Octreotide (SANDOSTATIN LAR) 20mg/2mL IM amp 2mL	ống
###	Leuprorelin acetate (Lucrin PDS Depot) 11.25mg	ống
###	Calcium gluconate (GROWPONE 10%) 0.955g/10mL IV ống 10mL (~89mg Ca2+)(HIGH ALERT)	ống
###	Besalicyd 15g (Betamethason+Acid salicylic), Agimexpharm-VN,tube	tuýp
###	Donepezil (ARICEPT EVESS) viên nén phân tán trong miệng 10mg	viên
###	Ondansetron (ONDANOV) viên nén 8mg	viên

###	Levofloxacin (CRAVIT) 500mg/100mL IV chai 100mL	chai
###	Calcipotriol (DAIVONEX) 50mcg/g thuốc mỡ bôi da tube 30g	tuýp
###	Quetiapine (QUEITOZ-50) viên nén 50mg	viên
###	cefTRIAXone (CEFTRIAXONE EG) IV/IM lọ 1g	lọ
###	Tranexamic acid (TRANSAMIN) viên nang 250mg	viên
###	Moxifloxacin (AVELOX) viên nén 400mg	viên
###	cefOTAXime (BIO-TAKSYM) IM/IV lọ 1g	lọ
###	Gentamicin (GENTAMICIN KABI) 40mg/mL IM/IV ống 1mL	ống
###	Rivaroxaban (XELOSTAD 10) viên nén 10mg	viên
###	Kaldyum 600mg (Kali clorid),Hộp 1 lọ x 50 viên,Egis-Hungary, Viên	viên
###	Fluoxetine (FLUTONIN) viên nang 10mg	viên
###	SUMAtriptan (DARINTAB) viên nén 50mg	viên
###	Levofloxacin (CRAVIT) 250mg/50mL IV chai 50mL	chai
###	Doxylamine + Pyridoxine (PRUZENA) viên nén 10mg+10mg	viên
###	Rivaroxaban (RIVAXORED) viên nén 10mg	viên
###	Ferricure 150 mg Capsule	viên
###	Spironolactone + Furosemide (SPIROMIDE) viên nén 50mg/20mg	viên
###	Liraglutide (SAXENDA) 6mg/mL SC bút 3mL	bút
###	Baclofen (BACLOFUS 10) viên nén 10mg	viên
###	Propylthiouracil (PTU) (BASETHYROX) viên nén 100mg	viên
###	Stadexmin (Betamethason 0,25 mg, Dexclorpheniramin maleat 2 mg),Chai 500 viên,Viên	viên
###	Molnupiravir (MOLNUPIRAVIR STELLA) viên nang 400mg	viên
###	Ibuprofen (NUROFEN) 20mg/mL siro chai 60mL	chai
###	Irbesartan (IRBESARTAN STELLA) viên nén 150mg	viên
###	Glimepiride (GLIMEPIRIDE STELLA) viên nén 4mg (HIGH ALERT)	viên
###	Glimepiride (GLIMEPIRIDE STELLA) viên nén 2mg (HIGH ALERT)	viên
###	Polebufen 120ml (Ibuprofen 100mg / 5 ml), Ba Lan, Chai	chai
###	Oxacillin (OXACILLIN) viên nang 500mg	viên
###	cefTRIAXone (VIETCEF) IV/IM lọ 1g	lọ
###	GAYAX amisulpirid 200mg	viên
###	Sotstop (Ibuprofen 2g/100ml) ,Hộp 1 chai 100ml, Hộp	chai
###	Budesonide (PULMICORT RESPULES) 0.5mg/mL ống 1mg/2mL	ống
###	ceFAZolin (ZEPILEN) IM/IV lọ 1g	lọ
###	Pradaxa 150mg(Dabigatran),Boehringer-Đức, hộp 30 viên, Viên	viên
###	Gadobutrol (GADOVIST 1.0mmol/mL) 604.72mg/Ll IV xy lanh 5mL (HIGH ALERT)	hộp
###	NifeHexal 30mg LA(Nifedipin),Hộp 30 viên, Sandoz, Viên	viên
###	Indapamide (NATRILIX SR) viên nén phóng thích kéo dài 1.5mg	viên
###	Trazodone (DAVIBEST) viên nén 50mg	viên
###	Digoxin (DIGOXINEQUALY) viên nén 0.25mg	viên na
###	Rosuvastatin (ROTORLIP) viên nén 10mg	viên
###	Cefpodoxime (CEPOXITIL) viên nén 100mg	viên
###	Metoclopramide (KANAUSIN) viên nén 10mg	viên
###	Rosuvastatin (ROTORLIP) viên nén 20mg	viên
###	Betamethasone (ALBAFLO) 4mg/2mL IV/IM ống 2mL	ống

###	L-Ornithin L-aspartat (HEPA-MERZ) 5g/10ml ống 10mL	ống
###	Ringer Lactate + Glucose 5% (LACTATED RINGER'S AND DEXTROSE FRESENIUS KABI) IV chai 500mL	chai
###	predniSONE (FARNISONE) viên nén 5mg	viên
###	Cefepime (CEFEPIM FRESENIUS KABI) IM, IV lọ 1g	lọ
###	Hyoscine butylbromide (BFS-HYOSCIN) 40mg/2mL SC/IM/IV ống 2mL	lọ
###	Norditropin Nordilet 5mg/1,5ml,Hộp 1 bút tiêm bơm sẵn,Novo Nordisk-Đan Mạch,Hộp	bút
###	Tamsulosin (XALGETZ) viên nang 0.4mg	viên
###	Flunarizine (FLUZINSTAD 5) viên nang 5mg	viên
###	Hasec 30 (Racecadotril),Hộp 24 gói,DHG-VN,Gói	gói
###	Vancomycin (VANCOMYCIN) IV lọ 1g	lọ
###	Norditropin NordiFleX 5mg/1,5ml,Hộp 1 bút tiêm bơm sẵn,Novo Nordisk-Đan Mạch,Bút	bút
###	Apixaban (ELIQUIS) viên nén 2.5mg (HIGH ALERT)	viên
###	Oleanzrapitab 5 (Olanzapine),Hộp 50 viên,Sun-Ấn Độ, viên	viên
###	Zopiclone (ZOPISTAD) viên nén 7.5mg	viên
###	Furic-80 (febuxostat), Hộp 10 viên,Lupin Ltd - ẤN ĐỘ,Viên	viên
###	Rifaximin (REFIX-550) viên nén 550mg	viên
###	Triclabendazole (DEWORM) viên nén 250mg	viên
###	N-Acetylcysteine (MUCOMUCIL) 300mg/3mL IV/Aerosol ống 3mL	ống
###	Levofloxacin (CRAVIT) viên nén 500mg	viên
###	Paracetamol (PARACETAMOL KABI AD) 1000mg/100mL IV chai 100mL	chai
###	Pythinam (Imipenem 500mg/Cilastatin 500mg),Hộp 1 lọ,Pymepharco-VN, Lọ	lọ
###	LEVOFLOXACIN COOPER 500mg/100ml,Hộp 1 chai,Cooper-Hy Lạp,Chai	chai
###	Clobetasol Propionate (B-SOL) 0.05% kem bôi da tube 10g	hộp
###	Gemfibrozil (GEMFIBSTAD STELLA) viên nén 300mg	viên
###	Trolamin (BIAFINE) 0.67% thuốc mỡ bôi da tube 46.5g	tuýp
###	Propranolol (PROPRANOLOL) viên nén 40mg	viên
###	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12 (SCANNEURON) viên nén 100mg/200mg/200mcg	viên
###	HES 130/0.4 + Electrolytes (VOLULYTE 6%) 30g/500mL truyền IV túi 500mL	bịch
###	Ringer Lactate + Glucose 5% (LACTATED RINGER'S AND DEXTROSE MEKOPHAR) IV chai 500mL	chai
###	Hydrocortison (VINPHASON) IM/IV lọ 100mg	lọ
###	cefTAZidime + Avibactam (ZAVICEFTA) IV lọ 2g/0.5g	lọ
###	Lidocain + EPINEPHrine (LIDONALIN) (36mg+18mcg)/1.8mL ống 1.8mL (HIGH ALERT)	ống
###	Betahistine (BETASERC) viên nén 24mg	viên
###	Amoxicillin + Acid Clavulanic (CLAMINAT IMP 500/62.5) gói 500mg/62.5mg	gói
###	Amoxicillin + Acid Clavulanic (CLAMINAT 250/31.25) gói 250mg/31.25mg	gói
###	Amoxicillin + Clavulanic Acid (CURAM) 250mg+62.5mg/5mL chai 60mL	chai
###	Oseltamivir (FLUSTAD 75) viên nén 75mg	viên
###	prednisoLONE (SOLUBOSTON) viên nén sủi bọt 20mg	viên
###	Lidocain (LIDOCAIN-BFS) 20mg/mL SC/IM/IV ống 10mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Clopidogrel (CLOPISTAD) viên nén 75mg	viên
###	Cefepime (VERAPIME) IM, IV lọ 1g	lọ
###	Lisinopril (LISINOPRIL) viên nén 5mg	viên
###	Lisinopril (LISINOPRIL STELLA) viên nén 10mg	viên
###	Paracetamol (PARACETAMOL B.BRAUN) 1000mg/100mL IV chai 100mL	chai

###	Flixonase (Fluticason propionat), chai 60 liều,GSK-Tây Ban Nha,Chai	chai
###	Sudomon 50mcg/1dos (Mometason),Hộp 1 lọ 120 liều,Lọ	lọ
###	Goserelin (ZOLADEX) SC xy lanh 10.8mg	xy lanh
###	Pitavastatin (PITALIP) viên nén 2mg	viên
###	Pantoprazole (PANTO-DENK) viên nén 40mg	viên
###	Racedagim 30mg (Racecadotril),Hộp 25 gói,AGIMEXPHARM-VN, Gói	gói
###	Racedagim 10mg (Racecadotril),Hộp 10 gói,AGIMEXPHARM-VN, Gói	gói
###	Piracetam (NOOTRYL) viên nén 800mg	viên
###	Mineral elements (TRAINFU) truyền IV ống 10mL	lọ
###	cefOTAXime (DOLISEPIN) IM/IV lọ 2g	lọ
###	Triptorelin (DIPHERELINE P.R.) IM lọ 3.75mg	lọ
###	Desmopressin (NOCUTIL) viên nén 0.1mg	viên
###	Sertraline (CLEALINE) viên nén 50mg	viên
###	Acenocoumarol (ACENOCOUMAROL 4) viên 4mg (HIGH ALERT)	viên
###	Sodium Chloride 0.9%500ml ,thùng 25 chai,Otsuka VN,Chai	chai
###	Ringer Lactate (LACTATED RINGER'S OTSUKA) IV chai 500mL	chai
###	Hemotocin (Carbetocin 100mcg),Hộp 10 ống,CPC1 HN, Ống	ống
###	Amikacin (SELEMYCIN) 250mg/2mL IM/IV ống 2mL	ống
###	Tranfast (Macrogol 4000 + Anhydrous sodium sulfate + Sodium bicarbonate + Sodium chloride + Potas	gói
###	Glemont CT 4mg (Montelukast 4mg- Glenmark Ấn Độ),hộp 30 viên, Viên	viên
###	Glemont CT 5mg (Montelukast 5mg- Glenmark Ấn Độ) ,hộp 30 viên,Viên	viên
###	(Mono + Dibasic) sodium phosphate (GOLISTIN-SODA) (417mg+95mg)/mL dung dịch uống chai 45mL	chai
###	Clindamycin (CLINDAMYCIN HAMELN) 600mg/4mL IM/IV ống 4mL	ống
###	Than thảo mộc + Ca.Phosphate + Ca.Carbonate + Cam thảo (CARBOGAST) viên nén nhai 400mg/100m	viên
###	Levothyroxine (LEVOTHYROX) viên nén 100mcg	viên
###	metroNIDAZOLE (METRONIDAZOLE BBRAUN) 500mg/100ml IV chai 100mL	chai
###	Metoclopramide (METOCLOPRAMID KABI) 10mg/2mL IM/IV ống 2mL	ống
###	Sodium Valproate (SODIUM VALPROATE AGUETTANT) 100mg/mL IV ống 4mL	ống
###	Methylergometrin (VINGOMIN) IM/IV 0.2mg/1ml ống 1ml	ống
###	fentaNYL (DUROGESIC) 25mcg/h miếng dán 4.2mg (HIGH ALERT)	miếng d
###	fentaNYL (DUROGESIC) 50mcg/h miếng dán 8.4mg (HIGH ALERT)	miếng d
###	fentaNYL (FENILHAM) 100mcg/2mL IV ống 2mL (HIGH ALERT)	ống
###	fentaNYL (FENTANYL ROTEXMEDICA) 0.5mg/10mL IV ống 10mL (HIGH ALERT)	ống
###	fentaNYL (FENTANYL B.BRAUN) 0.1mg/2mL IV ống 2mL (HIGH ALERT)	ống
###	Morphine hydrochloride (MORPHIN VIDIPHA) 10mg/mL SC/IM/IV ống 1mL (HIGH ALERT)	ống
###	Morphine sulfate (MORPHINE DOPHARMA) viên nang 30mg (HIGH ALERT)	viên
###	SUFentanil (SUFENTANIL HAMELN) 50 mcg/mL IV/epidural ống 1mL (HIGH ALERT)	ống
###	Tramadol (TRAMADOL HAMELN) 100mg/2mL SC/IM/IV ống 2mL (HIGH ALERT)	ống
###	Pethidine (PETHIDIN HAMELN) 100mg/2mL SC/IM/IV ống 2mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Morphine sulfate (OPIPHINE HAMELN) 10mg/mL SC/IM/IV/Intrathecal/Epidural ống 1mL (HIGH ALERT)	ống
###	fentaNYL (FENTANYL WARSAW) 100mcg/2mL IV ống 2mL (HIGH ALERT)	ống
###	Pethidine (DOLCONTRAL) 50mg/mL ống 2mL	lọ
###	fentaNYL (FENTANYL B.BRAUN) 0.5mg/10mL IV ống 10mL (HIGH ALERT)	ống
###	fentaNYL (FENTANYL CITRATE) 0.1mg/2mL IM/IV/Epidural ống 2mL (HIGH ALERT)	ống

###	Codeine + Sulfogaiacol + Grindelia (NEOCODION) viên nén 14.93mg/100mg/20mg	viên
###	Tramadol + Paracetamol (ULTRACET) viên nén 37.5mg/325mg	viên
###	Paracetamol + Codeine (EFFERALGAN CODEIN) viên nén sủi bọt 500mg/30mg	viên
###	Tramadol + Paracetamol (BOSTACET) viên nén 37.5mg/325mg	viên
###	Bevacizumab (AVASTIN) 100mg/4mL IV ống 4mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Bevacizumab (AVASTIN) 400mg/16mL IV ống 16mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Bicalutamide (CASODEX) viên nén 50mg	viên
###	Capecitabin (XELODA) viên nén 500mg (HIGH ALERT)	viên
###	CARBOplatin (BOCARTIN 150) 150mg/15ml IV lọ 15mL (HIGH ALERT)	lọ
###	CISplatin (CISPLATIN EBEWE) 50mg/50mL IV lọ 50mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Cyclophosphamide (ENDOXAN) IV lọ 200mg (HIGH ALERT)	lọ
###	Cyclophosphamide (ENDOXAN) IV lọ 500mg (HIGH ALERT)	lọ
###	DOCEtaxel (TAXOTERE) 20mg/mL IV lọ 1mL (HIGH ALERT)	lọ
###	DOCEtaxel (TAXOTERE) 80mg/4mL IV lọ 4mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Doxorubicin (DOXORUBICIN EBEWE) 10mg/5mL IV lọ 5mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Doxorubicin (DOXORUBICIN EBEWE) 50mg/25mL IV lọ 25mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Epirubicin (FARMORUBICINA) IV/Intra-vesical/Intra-arterial lọ 10mg (HIGH ALERT)	lọ
###	Epirubicin (FARMORUBICINA) IV/Intra-vesical/Intra-arterial lọ 50mg (HIGH ALERT)	lọ
###	5- FluoroUracil (5-FU) (5-FLUOROURACIL EBEWE) 500mg/10mL IV lọ 10mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Gemzar , 200mg	lọ
###	MitoMYcin-C, 10mg (HIGH ALERT)	lọ
###	Oxaliplatin (ELOXATIN) 100mg/20mL IV lọ 20mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Oxaliplatin (ELOXATIN) 50mg/10mL IV lọ 10mL (HIGH ALERT)	lọ
###	PACLitaxel (ANZATAX) 100mg/16.7mL IV lọ 16.7mL (HIGH ALERT)	lọ
###	PACLitaxel (ANZATAX) 150mg/25mL IV lọ 25mL (HIGH ALERT)	lọ
###	PACLitaxel (ANZATAX) 30mg/5mL IV lọ 5mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Pemetrexed disodium (ALIMTA) IV powder lọ 100mg (HIGH ALERT)	lọ
###	Pemetrexed disodium (ALIMTA) IV lọ 500mg (HIGH ALERT)	lọ
###	Rituximab (MABTHERA) 500mg/50mL IV lọ 50mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Navelbine, 10mg/ml lọ 1ml	lọ
###	Tarceva 100mg	viên
###	PACLitaxel (PACLITAXEL EBEWE) 100mg/16.7mL IV lọ 16.7mL (HIGH ALERT)	lọ
###	CISplatin (CISPLATIN EBEWE) 10mg/20mL IV lọ 20mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Navelbine tablet 20mg	viên
###	Herceptin 440mg	lọ
###	Herceptin 150mg	lọ
###	Perjeta 420mg/14ml	lọ
###	Tarceva 150mg tablet	viên
###	Gemcitabine DBL 1000mg (HIGH ALERT)	lọ
###	Gemcitabine DBL 200mg (HIGH ALERT)	lọ
###	PACLitaxel (PACLITAXEL EBEWE) 30mg/5mL IV lọ 5mL (HIGH ALERT)	lọ
###	PACLitaxel (PACLITAXEL EBEWE) 150mg/25mL IV lọ 25mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Oxaliplatin DBL 100mg	lọ
###	Oxaliplatin DBL 50mg	lọ

###	Tamoxifen (NOLVADEX) viên nén 10mg	viên
###	Irinotecan (CAMPTO) 100mg/5mL IV lọ 5mL (HIGH ALERT)	hộp
###	Irinotecan (CAMPTO) 40mg/2mL IV lọ 2mL (HIGH ALERT)	hộp
###	Keytruda - pembrolizumab 100MG/4ML	lọ
###	Capecitabin (XALVOBIN) viên nén 500mg (HIGH ALERT)	viên
###	Bleomycin (KUPBLOICIN) IM/IV/SC/intra-pleural lọ 15 I.U (HIGH ALERT)	hộp
###	Etoposide (ETOPOSID BIDIPHAR) 100mg/5mL IV lọ 5mL (HIGH ALERT)	hộp
###	CISplatin (CISPLATIN EBEWE) 50mg/100mL IV lọ 100mL (HIGH ALERT)	hộp
###	Oxaliplatin (OXALIPLATIN EBEWE) 50mg/10mL IV lọ 10mL (HIGH ALERT)	chai
###	Temozolomide (TEMODAL) viên 100mg (HIGH ALERT)	viên
###	Sintopozid 100mg/5ml,Sindan-Rumani, Hộp 1 lọ, Hộp	hộp
###	Lenvima 4mg (Lenvatinib) ,Hộp 20 viên,Eisai-Anh,Viên nang	viên
###	Nolvadex-D 20mg ,Hộp 30 viên, AstraZeneca, Viên	viên
###	NAVELBINE 30mg (Vinorelbine ditartrate),Pierre Fabre-Pháp, Hộp 1 viên (HIGH ALERT)	viên
###	CARBOplatin (BOCARTIN 50) 50mg/5mL IV lọ 5mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Rituximab (MABTHERA) 100mg/10mL IV lọ 10mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Anastrozole (ARIMIDEX) viên nén 1mg	viên
###	Perjeta 420mg/14ml (Pertuzumab), Roche,Hộp 1 lọ, Lọ	lọ
###	Femara 2.5mg (Letrozole),Novartis,Hộp 30 viên, Viên	viên
###	Fulvestrant (FASLODEX) 250mg/5mL IM bơm tiêm 5mL	hộp
###	Gemcitabine (GEMZAR) IV lọ 1g (HIGH ALERT)	hộp
###	Vincristine (VINCRAN) 1mg/mL IV lọ 1mL (HIGH ALERT)	hộp
###	Methotrexate (METHOTREXAT BIPDIPHAR) 50mg/2mL IV/IM lọ 2mL (HIGH ALERT)	hộp
###	UNITREXATES 50mg/2ml, United Pharm-Hàn Quốc, Hộp 10 lọ, Lọ	lọ
###	DOCEtaxel (DOCETAXEL EBEWE) 20mg/2mL IV lọ 2mL (HIGH ALERT)	lọ
###	DOCEtaxel (DAXOTEL) 120mg/6mL IV lọ 6mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Abiraterone (ZYTIGA) viên nén 250mg	viên
###	Liposomal Doxorubicin (CHEMODOX) 20mg/10mL IV lọ 10mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Lynparza Tab 100mg (Olaparib) AstraZeneca-Anh, hộp 56 viên,Viên	viên
###	Lynparza Tab 150mg (Olaparib) AstraZeneca-Anh, hộp 56 viên,Viên	viên
###	Methotrexate (METHOTREXATE) viên nén 2.5mg	viên
###	Enzalutamide (XTANDI) viên nang 40mg (HIGH ALERT)	viên
###	Oxaliplatin (OXALIPLATIN EBEWE) 100mg/20mL IV lọ 20mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Capecitabin (PECABINE) viên nén 500mg (HIGH ALERT)	viên
###	Methotrexate (METHOTREXAT EBEWE) 500mg/5mL IV/IM/Intrathecal lọ 5mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Bevacizumab (AVEGRA BIOCAD) 400mg/16mL IV lọ 16mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Denosumab (XGEVA) 120mg/1.7mL SC lọ 1.7mL	lọ
###	CISplatin (CISPLATON) 10mg/20mL IV lọ 20mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Rituximab (RIXATHON) 500mg/50mL IV lọ 50mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Oxaliplatin (OXITAN) 100mg/20mL IV lọ 20mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Oxaliplatin (OXITAN) 50mg/10mL IV lọ 10mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Fluorouracil (BILURACIL 500) 500mg/10ml IV lọ 10mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Regorafenib (STIVARGA) viên nén 40mg (HIGH ALERT)	viên
###	Acetyl-DL-Leucin (TanGANIL) viên nén 500mg	viên

###	Lactacyd BB , 60ml	chai
###	Lactacyd daily feminine wash, 150ml	chai
###	Albendazole (ZENTEL) viên nén 200mg	viên
###	Theralene , 0.05% 90ml	chai
###	Albendazole (SAVI ALBENDAZOL) viên nén 200mg	hộp
###	Alpha Amylase + Papain + Simethicone (NEOPEPTINE) viên nang 100mg/100mg/30mg	viên na
###	Chymotrypsin (ALPHACHYMOTRYPSIN CHOAY) viên nén 21 microkatals	viên
###	Aluminium Phosphate (PHOSPHALUGEL) 20% gói 20g	gói
###	Bromhexine (BISOLVON) 4mg/5mL siro chai 60mL	chai
###	Bromhexine (BISOLVON) viên nén 8mg	viên
###	Calcium Carbonat+ Vit D3 (BRIOZCAL) viên nén 1250mg/125 units	viên
###	CalSource 500mg tuýp 20 viên, Viên	viên
###	Antibio pro 1g (lactobacilus)	gói
###	Cetirizine (ZYRTEC) viên nén 10mg	viên
###	Albendazole (ALBENCA 200) viên nén 200mg (Hộp/2)	hộp
###	Camisept clotrimazole 0.05% 200ml	chai
###	Eludril , 90ml	chai
###	Chlorpheniramine (CHLORPHENIRAMINE) viên nén 4mg	viên
###	Cinnarizine (STUGERON) viên nén 25mg	viên
###	Eumovate , 0,05%	tuýp
###	Clotrimazole (CANESTEN) viên nén đặt âm đạo 100mg	viên
###	Clotrimazole (CANESTEN) viên nén đặt âm đạo 500mg	viên
###	Crotamiton 10% 20g	tuýp
###	Dequalinium (FLUOMIZIN) viên nén đặt âm đạo 10mg	viên
###	Desloratadine (AERIUS) 0.5mg/mL siro chai 60mL	chai
###	Desloratadine (AERIUS) viên nén 5mg	viên
###	Embevin 28, 75mcg	viên
###	Polarvi, 2mg	viên
###	Diclofenac (VOLTAREN EMULGEL) 1% tuýp 20g	tuýp
###	Diosmectite (SMECTA) gói 3g	gói
###	Flavonoide (DAFLON) viên nén 500mg	viên
###	Domperidone (MOTILIUM) 0.1% chai 30mL	chai
###	Domperidone (MOTILIUM-M) viên nén 10mg	viên
###	Eosine 10ml	chai
###	Ferlin Syrup, 60ml	chai
###	Ferlin Drop, 15ml	chai
###	Fexofenadine (TELFAST HD) viên nén 180 mg	viên
###	Fexofenadine (TELFAST BD) viên nén 60 mg	viên
###	Pepsane , 3g+4mg	gói
###	Ginkgo Biloba Extract (TANAKAN) viên nén 40mg	viên
###	Joint Flex, 500mg	viên
###	Ibuprofen (IBUMED) viên nén 400mg	viên
###	Dezor , 15g	tuýp
###	Lactobacillus acidophylus (LACTEOL) gói 340mg	gói

###	Lactulose (DUPHALAC) gói 10g	gói
###	Levocetirizine (XYZAL) viên nén 5mg	viên
###	Serenoa repens (PERMIXON) viên nang 160mg	viên na
###	Loperamide (IMODIUM) viên nang 2mg	viên na
###	Loratadine (CLARITYNE) viên nén 10mg	viên
###	Lorastad , 1mg/ml 60ml	chai
###	Macrogol 4000 (FORLAX) gói 10g	gói
###	(Mono + Di basic) sodium phosphate (FLEET ENEMA) chai 133mL	chai
###	Fleet Phospho Soda, 45ml	chai
###	Nutroplex Syrup, 120ml	chai
###	Pharmaton Kiddi, 100ml	chai
###	Multivitamine + Minerals (OBIMIN) viên nén	viên na
###	Acetylcysteine (EXOMUC) gói 200mg	gói
###	NaCl (EFTICOL) 0.9% nhỏ mắt/mũi chai 10mL	chai
###	Nacl - Natri clorid rửa ngoài , 0.9% 500ml	chai
###	Vitamin PP (Pepevit), 50mg	viên
###	Ketoacid + Acid Amin (KETOSTERIL) viên nén	viên
###	Nystatin (NYST) 25.000 units/1g gói 1g	gói
###	Toplexil , 90ml	chai
###	Toplexil	viên na
###	Paracetamol (EFFERALGAN) viên nén sủi bọt 500mg	viên sủ
###	Paracetamol (EFFERALGAN) gói 250mg	gói
###	Paracetamol (EFFERALGAN) gói 150mg	gói
###	Panadol Caplet, 500mg	viên
###	Paracetamol (EFFERALGAN) viên đặt hậu môn 150mg	viên đặ
###	Paracetamol (EFFERALGAN) viên đặt hậu môn 80mg	viên đặ
###	Paracetamol (EFFERALGAN) viên đặt hậu môn 300mg	viên đặ
###	Paracetamol + Caffeine (PANADOL EXTRA) viên nén 500mg/65mg	viên
###	Essentiale Forte, 300mg	viên na
###	Povidone Iodine (BETADINE) 10% dung dịch sát trùng âm đạo chai 125mL	chai
###	Povidone Iodine (POVIDINE) 10% dung dịch dùng ngoài chai 90mL	chai
###	Povidone Iodine (POVIDINE) 10% dung dịch dùng ngoài chai 20mL	chai
###	Povidone Iodine (BETADINE) 1% thuốc súc họng và súc miệng chai 125mL	chai
###	INAC Povidine 10% 500ml, 10% 500ml	chai
###	Vitamin B6 (VITAMIN B6) viên nén 250mg	viên
###	Tardyferon B9, 50mg+0.35mg	viên
###	Legalon Protect, 70mg	viên na
###	Liverton, 70mg	viên na
###	Simethicone (AIR-X) 40mg/0.6mL siro chai 15mL	chai
###	Simethicone (AIR-X) viên 80mg	viên
###	SITagliptin (JANUVIA) viên nén 100mg	viên
###	Na.Alginate + NaHCO3 + Ca.carbonate (GAVISCON) gói 10mL	gói
###	Refresh Plus , 0.4ml	chai
###	Rehydration salts (HYDRITE) gói 4.1g	gói

###	Dakin Cooper, 0.5g/100ml 250ml	chai
###	Sucralfate (SUCRATE) gói 1g/5mL	gói
###	Sulfadiazine Silver (SILVIRIN) 1% cream tube 20g	tuýp
###	Húng chanh + Núc nác + Cineol (HOASTEX) 45g+11.25g+83.7mg/90mL chai 90mL	chai
###	VASELINE PURE ointment tube 10g - Pure petroleum jelly	tuýp
###	Xylometazoline (OTRIVIN) 0.05% xịt mũi chai 10mL	chai
###	Xylometazoline (OTRIVIN) 0.1% xịt mũi chai 10mL	chai
###	Aminoacids + Multivitamins (MORIAMINE FORTE) viên nang	viên na
###	Ketoconazole (NIZORAL) 2% cream tube 10g	tuýp
###	Miconazole (DAKTARIN GEL) 2% gel tube 10g	tuýp
###	Cetirizine (ZYRTEC) 1mg/mL sirô chai 60mL	chai
###	NEOPEPTINE (20mg+10mg)/mL oral drop 15mL - Alpha Amylase + Papain	chai
###	Kamistad ,20mg/10g,Tube	tuýp
###	Clotrimazole (CANESTEN) cream 1% tube 20g	tuýp
###	Yasmin , 3mg+0,03mg	viên
###	Folic acid (FOLACID) viên nén 5mg	viên
###	Vitamin C (Ascorbic Acid) (UPSA C) viên nén sủi bọt 1g	viên
###	Povidone Iodine (BETADINE) 10% dung dịch sát khuẩn chai 125mL	chai
###	Phenergan cream 200mg/ 10g	tuýp
###	Sorbitol (SORBITOL) gói 5g	gói
###	Paracetamol (HAPACOL) bột sủi bọt gói 80mg	gói
###	Paracetamol (HAPACOL) bột sủi bọt gói 150mg	gói
###	Paracetamol (HAPACOL) bột sủi bọt gói 250mg	gói
###	Ca.Glucoheptonate + Vit C + Vit PP (CALCIUM CORBIERE) ống 10mL	ống
###	Ca.Glucoheptonate + Vit C + Vit PP (CALCIUM CORBIERE KIDS) ống 5mL	ống
###	L-Cystine (L-CYSTINE) viên nang 500mg	viên na
###	Vitamin C + Zinc gluconate (GROWSEL) viên nang 500mg/35mg	viên na
###	Adapalene (DIFFERIN) 0.1% kem bôi da tube 30g	tuýp
###	Naphazolin (RHINEX) 0.05% nhỏ mũi chai 15mL	chai
###	Boric acid + Ethanol (CỒN BORIC) 3% nhỏ tai chai 10mL	chai
###	Glycerin (RECTIOFAR) rectal liquid vial 3mL	items
###	Glycerin (RECTIOFAR) dung dịch bơm trực tràng ống bơm 5mL	items
###	Indocollyre 0.1% 5mL	chai
###	Carbomer (LIPOSIC EYE GEL) 0.2% tube 10g	tuýp
###	Prospan 100ml	chai
###	Acyclovir (ACYCLOVIR STELLA) 5% cream tube 5g	tuýp
###	BEPANTHEN BALM ointment tube 30g- Panthenol	chai
###	Paracetamol (TYLENOL) 32mg/mL chai 60mL	chai
###	Betasiphon 5ml	ống
###	Cineol + Mentol (MELYPTOL) 0.25mL + 0.05mL/5mL xông mũi - họng chai 5mL	lọ
###	STERIMAR BABY nasal spray 50mL - Isotonic seawater	chai
###	DẦU MÙ U chai 15mL - Dầu mù u + Mỡ trăn + Vitamin E + Dầu parafin	chai
###	Ibuprofen (GOFEN) viên nang 400mg	viên na
###	Acetylcysteine (ACEMUC KIDS) gói 200mg	gói

###	Sterima copper 50ml	chai
###	Vitamin C (Ascorbic acid) (VITAMIN C MEKOPHAR) viên nén 500mg	viên
###	NaCl (NATRI CLORID) 0.9% nhỏ mắt/mũi chai 10mL	lọ
###	Vitamin B1 (Thiamine) (VITAMIN B1) viên nén 50mg	viên
###	Sodium Bicarbonate (NABIFAR) gói 5g	gói
###	DERMATIX ULTRA gel tube 15g - Silicone polymer + Vitamin C	tuýp
###	Liverton 140mg	viên na
###	Rehydration salts (ORESOL 245) gói 4.1g	gói
###	Maalox	viên
###	Drotaverine (NO-SPA) viên nén 40mg	viên
###	Methyl Salicylate + Menthol (SALONPAS JET SPRAY) 10% + 3% chai 118mL	chai
###	Zinc (FARZINCOL) 2mg/mL chai 90mL	chai
###	Lactobacillus acidophilus (PROBIO IMP) 1 tỷ/gram gói 1g	gói
###	Bobotic oral drops 30ml	chai
###	Nizoral cool cream 5g	tuýp
###	Propoli EVSP nasale spray 30ml	hộp
###	Propoli EVSP spray gola 20ml	hộp
###	DimenhyDRINATE (DIMENHYDRINAT) viên nén 50mg	viên
###	Ferrous gluconate combinations (SANGOBION)viên nang	viên
###	Ferricure 100mg/5ml	chai
###	Vitamin A (Retinol) (VITAMIN A) viên nang 100.000 units	viên na
###	diphenhydrAMINE (NEO-ALLERFAR) viên nang 25mg	viên na
###	Lactacyd FH 250ml	chai
###	Paracetamol + Caffeine (PANADOL EXTRA OPTIZORB) viên nén 500mg/65mg	viên
###	BERBERIN 100mg Domesco,Chai 100 viên,viên nang	chai
###	Povidone Iodine (BETADINE) 10% thuốc mỡ bôi da tube 10g	tuýp
###	Povidone Iodine (BETADINE) 10% thuốc mỡ thoa da tube 40g	tuýp
###	Saccharomyces Boulardii (BIOFLORA) gói 100mg	gói
###	Ferrola 37.8mg	viên
###	Flurbiprofen (AMGIFER) viên nén 100mg	viên
###	Silymarin (SILYGAMMA) viên nén 150mg	viên
###	Paracetamol (PARACETAMOL CHOAY) viên nén 500mg	viên
###	Paracetamol (TATANOL) viên nén 500mg	viên
###	Povidone Iodine (BETADINE) 10% dung dịch sát khuẩn chai 500mL	chai
###	Povidone Iodine (BETADINE) 0.45% thuốc xịt họng chai 50ml	chai
###	Calcium + Phosphorus + Vit D3 + Vit K1 (NEXTG CAL) viên nang 120mg/55mg/2mcg/8mcg	viên
###	Prospan 75ml, Engelhard-Đức, Chai	chai
###	Bromhexin (BROMHEXIN ACTAVIS) viên nén 8mg	viên
###	Varogel 10ml, Hộp 20 gói,Shinpoong,Gói	gói
###	Dextromethorphan (DEXIPHARM) viên nén 15mg	viên
###	NOCICEPTOL GEL ANTI-DOULEUR tube 120mL - Tinh dầu + Chiết xuất thực vật	tuýp
###	Desloratadine (RINOFIL) 2.5mg/5mL chai 15mL	chai
###	Okuscar 15ml, Hộp 1 tuýp,Benostan-Hy lạp, Tuýp	tuýp
###	Fexofenadin (FEXOSTAD 60) viên nén 60mg	viên

###	Bromhexin (AGI-BROMHEXINE) 0.8mg/mL siro chai 60mL	chai
###	Loratadine (LORASTAD) viên nén 10mg	viên
###	Bromhexin (BROMHEXIN) viên nén 8mg	viên
###	Simethicone (SIMETHICONE STELLA) 66.6mg/mL chai 15mL	chai
###	Bromhexin (HEXINVON) viên nén 8mg	viên
###	STERIMAR BLOCKED NOSE BABY nasal spray 50mL - Hypertonic seawater	chai
###	Clotrimazole (CANESTEN) cream 1% tube 10g	tuýp
###	Bismuth subsalicylate (AMEBISMO) gói 525mg/15mL	gói
###	Bismuth subsalicylate (AMEBISMO) viên nén nhai 262mg	viên
###	Xylometazoline (OTILIN) 0.05% nhỏ mũi chai 8mL	chai
###	Povidone Iodine (BETADINE) 10% dung dịch sát trùng âm đạo (kèm chai vắt và dụng cụ đặt âm đạo) cha	chai
###	Paracetamol + Caffeine (HAPACOL EXTRA) viên nén 500mg/65mg	viên
###	Chiết xuất lá thường xuân (PROSPAN) chai 85mL	chai
###	Paracetamol (PARACETAMOL STADA) viên nén 500mg	viên
###	Multivitamins (HYDROSOL) dung dịch uống dạng giọt chai 20ml	chai
###	Iron (III) + Folic Acid (SAFERON) viên nén nhai 100mg + 500mcg	viên
###	Flurbiprofen (STREPSILS MAXPRO) viên ngậm 8.75mg (Hộp/16)	hộp
###	Clotrimazole (CANDID-V6) viên đặt âm đạo 100mg (Hộp/6)	hộp
###	Clotrimazole (CANDID-V1) viên đặt âm đạo 500mg (Hộp/1)	viên
###	Omega-3+ Multivitamines + Minerals (PM PROCARE DIAMOND) viên nang (Hộp/30)	hộp
###	Magnesium gluconate + Calcium glycerophosphate (ELNITINE) 0.426g+0.456g ống 10mL	ống
###	Ambroxol (AMBIXOL) 15mg/5mL chai 100mL	chai
###	Xylometazoline (MUCOME BABY SPRAY) 0.05% xịt mũi chai 10mL	chai
###	Bacillus clausii (ENTEROGERMINA) 4 tỷ bào tử/5mL ống 5mL	ống
###	Na.Alginate + NaHCO3 + Ca.carbonate (GAVISCON DUAL ACTION) gói 10mL	gói
###	Levonorgestrel (NEWZ AVALO) viên nén 0.03mg (Hộp/28)	hộp
###	Iron fumarate + Folic acid + Vitamin B12 (FERROVIT) viên nang 53.25mg/0.75mg/7.5mcg	viên na
###	Ketoconazole (NIZORAL) 2% kem bôi da tuýp 15g	tuýp
###	Sucralfate (SUCRAHASAN) 1g gói 5mL	gói
###	Sắt (III) hydroxide polymaltose (SANTAFER) siro 50mg/5mL chai 150mL	chai
###	Simethicone (AIR-X 120) viên nén nhai 120mg	viên
###	Ethanol (ALCOOL) 70% dung dịch dùng ngoài chai 1L	chai
###	Ethanol (ALCOOL) 70% dung dịch dùng ngoài chai 60mL	chai
###	Ethanol (ALCOOL) 90% dung dịch dùng ngoài chai 1L	chai
###	Povidone Iodine (POVIDINE) 4% dung dịch dùng ngoài chai 500mL	chai
###	Povidone Iodine (POVIDINE) 10% dung dịch dùng ngoài chai 500mL	chai
###	Albendazole (AZOLTEL 400) viên nén nhai 400mg	viên
###	Albendazole (AKITYKITY-NEW) gói 200mg (Hộp/2)	hộp
###	diazePAM (DIAZEPAM VIDIPHA) 10mg/2mL IM/IV ống 2mL (HIGH ALERT)	ống
###	diazePAM (DIAZEPAM) viên nén 5mg (HIGH ALERT)	viên
###	diazePAM (SEDUXEN) viên nén 5mg (HIGH ALERT)	viên
###	Ketamine (KETAMINE) 500mg/10mL IM/IV lọ 10mL (HIGH ALERT)	lọ
###	<INACTIVE> Midazolam (MIDAZOLAM HAMELN) 5mg/mL IM/IV/Rectal ống 1mL	ống
###	Midazolam (Rotex), 5mg/1ml	ống

###	Midazolam (PACIFLAM HAMELN) 5mg/mL IM/IV/Rectal ống 1mL (HIGH ALERT)	ống
###	Stilnox, 10 mg	viên
###	ePHEDrine (EPHEDRINE AGUETTANT) 30mg/mL IV ống 1mL (HIGH ALERT)	lọ
###	diazePAM (DIAZEPAM HAMELN) 10mg/2mL IM/IV ống 2mL (HIGH ALERT)	ống
###	Phenobarbital (PHENOBARBITAL) viên nén 100mg (HIGH ALERT)	viên
###	Phenobarbital (DANOTAN) 100mg/1mL SC/IM/IV ống 1mL (HIGH ALERT)	ống
###	ePHEDrine (EPHEDRINE AGUETTANT) 30mg/10mL IV ống 10mL (HIGH ALERT)	ống
###	Phenobarbital (BARBIT) 200mg/1mL IM/IV ống 1mL (HIGH ALERT)	ống
###	diazePAM (DIAZEPAM BP) 10mg/2mL IM/IV ống 2mL (HIGH ALERT)	ống
###	D.P.T+Polio+H.I.B+Hepatitis B vaccine (INFANRIX HEXA) 0.5mL IM lọ 0.5mL (GSK-BELGIUM)(QLVX-989	lọ
###	Hepatitis A + Hepatitis B vaccine (TWINRIX) IM xy lanh 1mL (GSK-BELGIUM)(QLSP-1078-18)	lọ
###	Hepatitis A vaccine (AVAXIM PEDIATRIC) 80UI/0.5mL IM xy lanh 0.5mL (SANOFI PASTEUR-FRANCE)(QL	xy lanh
###	Engerix 0.5ml, 10mcg	lọ
###	Engerix 1ml, 20mcg	lọ
###	Human Papillomavirus Quadrivalent Types 6,11,16,18 (GARDASIL) IM xy lanh 0.5mL (MSD-USA)(QLVX-	lọ
###	Cervarix , 0.5ml	lọ
###	Influvac , 0.5ml	lọ
###	Vaxigrip , 0.25ml	xy lanh
###	Vaxigrip , 0.5ml	xy lanh
###	Jevax , 1ml	lọ
###	Varicella virus vaccine live (VARIVAX) SC lọ 0.5mL (MSD-USA)(QLVX-909-15)	lọ
###	Measles + Mumps + Rubella Virus vaccine (M.M.R.II) SC lọ 0.5mL (MSD-USA)(QLVX-878-15)	lọ
###	Meningo A + C, 0.5ml	chai
###	Rabies Vaccine (VERORAB) IM xy lanh 0.5mL (SANOFI PASTEUR-FRANCE)(QLVX-986-16)	lọ
###	Live Rotavirus vaccine (ROTARIX) lọ 1.5mL (GSK BIOLOGICALS-BELGIUM)(QLVX-1049-17)	lọ
###	Pneumococcal polysaccharide conjugate vaccine, 10 valent adsorbed (SYNFLORIX) IM xy lanh 0.5mL (	xy lanh
###	Typhoid vaccine (TYPHIM) 25mcg/0.5mL IM/SC xy lanh 0.5mL (SANOFI PASTEUR-FRANCE)(QLVX-964-	hộp
###	Tetanus vaccine (VAT) IM ống 0.5mL (IVAC-VN)(QLVX-881-15)	ống
###	Live Rotavirus vaccine (ROTATEQ) lọ 2mL (MSD-USA)(QLVX-990-17)	lọ
###	Diphtheria+Tetanus+Pertussis vaccine (ADACEL) 0.5mL IM lọ 0.5mL (Tdap) (SANOFI PASTEUR-CANAD	hộp
###	D.P.T+Polio+H.I.B+Hepatitis B vaccine (HEXAXIM) 0.5mL IM xy lanh 0.5mL (SANOFI PASTEUR-FRANCE)	lọ
###	Tuberculosis vaccine (BCG) ID 0.5mg/ống (IVAC-VN)(QLVX-996-17)	ống
###	Globulin kháng độc tố uốn ván (SAT) ống 1500 units (IVAC-VN)(QLSP-1037-17)	ống
###	Kháng thể kháng virus dại (IVACRIG) 1000 units IM lọ 5mL (IVAC-VN)(QLSP-0778-14)	lọ
###	Abhayrab 0.5ml	lọ
###	Japanese Encephalitis vaccine (IMOJEV) SC lọ 0.5mL (SANOFI PASTEUR-THAILAND)(QLVX-1108-18)	lọ
###	Measles vaccine (MVVAC) SC vial 5mL (0.5mL/dose x 10 doses) (POLYVAC-VN)(QLVX-880-15)	lọ
###	Meningococcal A,C,Y,W-135 vaccine (MENACTRA) IM xy lanh 0.5mL (SANOFI PASTEUR-FRANCE)(QLVX	lọ
###	Pneumococcal polysaccharide serotype vaccine, 13 serotypes (PREVENAR 13) IM xy lanh 0.5mL (PFIZE	xy lanh
###	Diphtheria+Tetanus+Pertussis vaccine (BOOSTRIX) 0.5mL IM lọ 0.5mL (Tdap) (GSK-BELGIUM)(QLVX-H	xy lanh
###	Quadrivalent inactivated influenza vaccine (VAXIGRIP TETRA) IM/SC xy lanh 0.5mL (SANOFI PASTEUR-F	ống
###	Quadrivalent inactivated influenza vaccine (INFLUVAC TETRA) IM/SC xy lanh 0.5mL (ABBOTT- NETHERL	ống
###	D.P.T.+ Polio vaccine (TETRAXIM) IM xy lanh 0.5mL (SANOFI PASTEUR-FRANCE)(QLVX-826-14)	xy lanh
###	Human Papillomavirus 9-valent Types 6,11,16,18,31,33,45,52,58 (GARDASIL 9) IM xy lanh 0.5mL (MSD	xy lanh

###	Heberbiovac HB 10mcg/0.5ml, hộp 25 lọ,C.I.G.B–Cuba,Lọ	lọ
###	Hepatitis B vaccine (HEBERBIOVAC HB) 20mcg/1mL IM lọ 1mL (CIGB - CUBA) (QLVX-0624-13)	lọ
###	Hepatitis B vaccine (GENE - HBVAX) 10mcg/0.5mL IM lọ 0.5mL (VABIOTECH - VN) (QLVX-1043-17)	lọ
###	Hepatitis B vaccine (GENE - HBVAX) 20mcg/1mL IM lọ 1mL (VABIOTECH - VN) (QLVX-1044-17)	lọ
###	Measles + Mumps + Rubella Virus vaccine (PRIORIX) SC lọ 0.5mL (FIDIA-ITALIA)(VX-1225-21)	lọ
###	Multicomponent Meningococcal group B vaccine (BEXSERO) IM xy lanh 0.5mL (GSK-ITALY) (800310090	lọ
###	Dengue tetravalent vaccine (QDENGA) SC lọ 0.5mL (TAKEDA-GERMANY) (400310303924)	lọ
###	Zoster vaccine recombinant (SHINGRIX) IM lọ 0.5mL (GSK-BELGIUM) (540310303224)	lọ
###	Pneumococcal polysaccharide serotype vaccine, 23 serotypes (PNEUMOVAX 23) 25mcg/0.5mL IM/SC	xy lanh
###	Mucocet, 300mg/3ml	ống
###	Krenosin, 6mg/2ml	lọ
###	Human albumin (HUMAN ALBUMIN) 25% IV chai 50mL	lọ
###	Amiodarone (CORDARONE) 150mg/3mL IV ống 3mL (Pha trong Glucose 5%) (HIGH ALERT)	ống
###	Atropin Sulfat , 0.1%/10mg/10ml	ống
###	Atropine sulphate (ATROPIN SULFAT) 0.25mg/mL SC/IM/IV ống 1mL	ống
###	Atropine , 0.5mg/ml	ống
###	Calcitonin (MIACALCIC) 50 units/mL SC/IM/IV ống 1mL	ống
###	Caspofungin (CANCIDAS) IV lọ 50mg	lọ
###	Caspofungin (CANCIDAS) IV lọ 70mg	lọ
###	Digoxin (DIGOXIN) 0.5mg/2mL IV ống 2mL (HIGH ALERT)	ống
###	DOBUTamine (DOBUTAMINE HAMELN) 250mg/20mL IV ống 20mL (HIGH ALERT)	ống
###	DOPamine (DOPAMINE) 40mg/mL IV ống 5mL (HIGH ALERT)	ống
###	Esomeprazole (NexIUM) 40mg IV lọ 5mL	lọ
###	Glucose 30% (GLUCOSE 30% B.BRAUN) IV chai 500mL	chai
###	Hepatitis B Immune Globulin (IMMUNOHBs) 180 units/mL IM lọ 1mL (KEDRION-ITALY)(QLSP-0754-13)	lọ
###	Rhophylac, 200mcg/2ml	ống
###	Insulin fast acting human (ACTRAPID) 100 units/mL SC/IV lọ 10mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Kali chloride, 10% 10ml Kabi	ống
###	Magnesium sulphate (MAGNESIUM SULPHATE) 15% IV ống 10mL (HIGH ALERT)	ống
###	Methylprednisolone acetate (DEPO-Medrol) 40mg/mL IM/tiêm nội khớp/tiêm mô lọ 1mL	lọ
###	Methylprednisolone (SOLU-Medrol) IM/IV lọ 40mg	lọ
###	Methylprednisolone (SOLU-Medrol) IM/IV lọ 125mg	lọ
###	Methylprednisolone (SOLU-Medrol) IM/IV lọ 500mg	lọ
###	Sodium Bicarbonate, 1,4% 250ml	chai
###	Sodium Bicarbonate (SODIUM BICARBONATE 4.2% B.BRAUN) IV chai 250mL	chai
###	Levonor , 1mg/ml	ống
###	Progesterone (PROGESTERONE) IM 25mg/mL ống 1mL	ống
###	Promethazine (PIPOLPHEN) 50mg/2mL IM/IV ống 2mL (HIGH ALERT)	ống
###	Protamin Choay, 10000UAH/10ml	lọ
###	Rocuronium (ROCURONIUM KABI) 10mg/mL IV lọ 5mL	lọ
###	Rocuronium - 10mg/ml	lọ
###	Salbutamol , 0.5mg/1ml	ống
###	Fractionated porcine lung phospholipid (CUROSURF) 120mg/1.5mL Intratracheal lọ 1.5mL	lọ
###	EPINEPHrine (ADRENALINE) 1mg/mL IM/SC/IV ống 1mL (HIGH ALERT)	ống

###	Furosemide , 20mg/2ml	ống
###	Glyceryl trinitrate (NITROMINT) 8mg/g (0.4mg/spray) xịt dưới lưỡi chai 10g	lọ
###	Lidocain (LIDOCAIN) 40mg/2mL (2%) SC/IM/IV ống 2mL (HIGH ALERT)	ống
###	Anexate, 0,5mg/5ml, ampoule , (Roche , France)	ống
###	PAMA (Pralidoxim), 500mg INJ	lọ
###	Neostigmine (NEOSTIGMIN) 0.5mg/mL SC/IM/IV ống 1mL	ống
###	Adenosine (ADENOCOR) 6mg/2mL IV ống 2mL	ống
###	Labetalol IV , 5mg/ml	ống
###	Betamethasone (BETENE) 4mg/mL IV/IM ống 1mL	ống
###	Atosiban (TRACTOCILE) 7.5mg/mL IV ống 5mL	lọ
###	Human Anti-D human Immunoglobulin (IMMUNORHO 300 mcg) (~1500 I.U.) IM lọ	lọ
###	Vasopressin 20 IUs/ml	ống
###	Nitroglicerin INJ	ống
###	Cafein citrate (CITRATE DE CAFEINE COOPER) 50mg/2mL amp 2mL	ống
###	Hepabig 100IU/0.5ml	lọ
###	phenytoin INJ 100mg/2ml	ống
###	Soyabean oil + Medium chain trigycerides (LIPOFUNDIN 10% BBRAUN) truyền IV chai 250mL	chai
###	Dextro 30% 500ml,bottle,(Mekophar , VietNam)	chai
###	Heparine Sodium (HEPARINE SODIQUE PANPHARMA) 5000 units/mL SC/IV lọ 5mL (HIGH ALERT)	ống
###	Phenylephrine (PHENYLEPHRINE AGUETTANT) 50mcg/mL IV xy lanh 10mL (HIGH ALERT)	xy lanh
###	Hydroxyethyl starch 130/0.4 (VOLUVEN 6%) IV chai 500mL	chai
###	Tetraspan 6%/500ml	chai
###	Tetraspan 10%/500ml	chai
###	Suxamethonium 100mg/2ml	ống
###	Octreotide (SANDOSTATIN) 0.1mg/mL SC/IV ống 1mL	ống
###	Glypressine	ống
###	Henalip (heparin) 25000IU/5ml	lọ
###	Sodium Bicarbonate, 1.4% 500ml	chai
###	Succinylated gelatine (GELOFUSINE 4%) IV chai 500mL	chai
###	DOBUTamine (DOBUTAMIN) 5mg/mL IV lọ 50mL (HIGH ALERT)	lọ
###	Lipiodol Ultra Fluid 10ml	lọ
###	Soyabean oil + Medium chain trigycerides (SMOFLIPID 20%) truyền IV chai 100mL	chai
###	Human albumin (ALBUTEIN 25%) 12.5g/50mL IV chai 50mL	chai
###	Soyabean oil + Medium chain trigycerides (LIPOFUNDIN 20% BBRAUN) truyền IV chai 100mL	lọ
###	Kedrigamma (Human normal immunoglobulin 2,5g/ 50ml) 01 lọ/ hộp Kedrion SPA Italy	lọ
###	Noradrenaline (BFS-NORADRENALINE) 1mg/1mL IV ống 1mL (HIGH ALERT)	ống
###	Soybean oil + Olive oil (CLINOLEIC 20% BAXTER) IV nhũ dịch lipid túi 100mL	bịch
###	Digoxin (DIGOXIN-BFS) 0.25mg/mL IV ống 1mL (HIGH ALERT)	ống
###	Suxamethonium (SUXAMETHONIUM CHLORID VUAB) IV lọ 100mg (HIGH ALERT)	lọ
###	Cafein citrate (BFS-CAFEIN) 60mg/3mL IV/PO ống 3mL (~ cafein 30mg)	ống
###	Magnesium sulphate (MAGNESI-BFS 15%) 750mg/5mL ống 5mL	ống
###	Human albumin (ALBUNORM 25%) 25g/100mL IV chai 100mL	chai
###	Adenosin (BFS-ADENOSIN) 6mg/2mL IV lọ 2mL	lọ
###	Amiodarone (BFS-AMIRON) 150mg/3mL IV ống 3mL (HIGH ALERT)	lọ

###	Pedea 10mg/2ml (Ibuprofen),Pháp, Hộp /4 ống 2ml, Ống	ống
###	Acyclovir (AZEIN) IV lọ 250mg	lọ
###	Rocuronium (ROCURONIUM-BFS) 10mg/mL IV ống 5mL (HIGH ALERT)	ống
###	Glucagen® Hypokit® 1mg/1ml ,Novo Nordisk, Hộp 1 lọ, Hộp	lọ
###	Human immunoglobulin (PENTAGLOBIN) 50mg/mL IV chai 50mL	chai
###	Sodium Bicarbonate (SODIUM BICARBONATE RENAUDIN) 8.4% IV ống 10mL	ống
###	MENISON 40mg PMP, Hộp 1 lọ+1 ống DM 1ml,Lọ	lọ
###	Methylprednisolone (CREAO) IM/IV lọ 40mg	lọ
###	Human albumin (ALBUTEIN 20%) 10g/50mL IV chai 50mL	chai
###	Glucose 30% (GLUCOSE 30% FRESENIUS KABI) IV chai 250mL	chai
###	Human albumin (ALBUNORM 20%) 10g/50mL IV chai 50mL	chai
###	Human albumin (FLEXBUMIN 20%) 10g/50mL IV túi 50mL	bịch
###	Human normal immunoglobulin (KIOVIG) 100mg/mL IV chai 25mL	chai
###	Neostigmine (BFS-NEOSTIGMINE) 0.25mg/mL SC/IM/IV ống 1mL	ống
###	Lidocain (LIDOCAIN KABI) 40mg/2mL (2%) SC/IM/IV ống 2mL (HIGH ALERT)	ống
###	Anidulafungin (ERAXIS) IV lọ 100mg	lọ
###	Voriconazole (VORIOLE-IV) IV lọ 200mg	lọ

Current
1,305,000.00
189,000.00
67,500.00
29,000.00
150,000.00
314,000.00
1,237,000.00
2,807,500.00
5,000.00
286,500.00
2,000.00
202,000.00
77,000.00
7,000.00
488,000.00
428,000.00
1,757,000.00
645,000.00
140,500.00
164,000.00
309,500.00
186,000.00
77,000.00
2,231,000.00
613,500.00
1,068,500.00
44,000.00
69,000.00
437,500.00
750,000.00
838,000.00
250,000.00
553,000.00
2,160,000.00
822,000.00
95,500.00
2,690,000.00
631,000.00
1,136,000.00
471,000.00
60,000.00
436,000.00
750,000.00

116,000.00
81,000.00
38,500.00
40,000.00
29,500.00
798,000.00
518,000.00
260,000.00
1,240,000.00
37,000.00
501,000.00
41,500.00
11,000.00
8,500.00
8,500.00
7,000.00
16,500.00
27,000.00
15,500.00
34,000.00
30,000.00
24,000.00
10,000.00
29,000.00
437,000.00
53,500.00
154,000.00
27,000.00
16,000.00
64,000.00
32,000.00
13,500.00
23,500.00
167,000.00
6,000.00
6,500.00
26,000.00
30,500.00
30,000.00
33,000.00
43,000.00
17,000.00
22,000.00
21,000.00

22,000.00
28,000.00
21,000.00
21,000.00
39,000.00
37,000.00
1,000.00
1,000.00
1,000.00
1,000.00
1,000.00
1,071,000.00
857,000.00
433,000.00
3,000.00
25,000.00
25,000.00
14,500.00
14,500.00
32,000.00
32,000.00
32,000.00
2,057,000.00
340,000.00
94,500.00
32,000.00
108,000.00
94,500.00
6,500.00
25,500.00
25,500.00
24,000.00
24,000.00
1,000.00
38,000.00
14,000.00
12,000.00
55,500.00
41,000.00
33,000.00
33,000.00
41,000.00
33,000.00
33,000.00

33,000.00
33,000.00
68,000.00
39,500.00
295,500.00
356,500.00
4,025,000.00
92,000.00
21,000.00
1,680,000.00
452,000.00
814,000.00
45,000.00
45,000.00
45,000.00
231,000.00
1,395,000.00
2,057,000.00
2,057,000.00
106,000.00
109,000.00
109,000.00
41,000.00
95,000.00
95,000.00
81,000.00
81,000.00
94,500.00
94,500.00
218,500.00
152,500.00
104,000.00
108,000.00
857,000.00
20,000.00
108,000.00
24,000.00
42,000.00
69,000.00
272,000.00
355,000.00
437,000.00
546,000.00
29,000.00

7,000.00
3,000.00
186,000.00
198,000.00
176,000.00
176,000.00
28,000.00
332,000.00
23,000.00
14,000.00
12,000.00
429,000.00
62,000.00
18,000.00
3,000.00
21,000.00
2,000.00
3,000.00
1,829,000.00
3,000.00
8,000.00
81,000.00
5,000.00
35,000.00
36,000.00
2,000.00
17,500.00
32,000.00
309,500.00
22,000.00
20,000.00
15,500.00
19,000.00
25,000.00
30,000.00
8,000.00
7,000.00
8,500.00
16,000.00
1,000.00
126,500.00
12,000.00
4,500.00
38,000.00

41,500.00
46,500.00
182,000.00
182,000.00
116,000.00
210,500.00
210,500.00
49,000.00
103,000.00
241,000.00
26,500.00
16,000.00
21,500.00
273,000.00
69,000.00
1,000.00
1,000.00
19,500.00
17,000.00
49,000.00
5,000.00
10,500.00
4,000.00
3,500.00
3,000.00
310,000.00
254,000.00
49,000.00
45,000.00
223,000.00
1,500.00
2,000.00
177,000.00
855,000.00
532,500.00
56,000.00
182,500.00
42,500.00
104,000.00
27,000.00
58,000.00
27,500.00
43,000.00
22,500.00

154,000.00
101,000.00
129,000.00
266,000.00
20,000.00
250,000.00
162,500.00
101,000.00
35,000.00
158,000.00
59,000.00
178,000.00
27,000.00
813,000.00
714,000.00
416,000.00
45,000.00
81,000.00
34,000.00
43,500.00
70,000.00
128,000.00
49,000.00
5,500.00
10,000.00
38,500.00
34,000.00
26,500.00
10,000.00
2,500.00
15,500.00
122,000.00
14,000.00
881,000.00
36,500.00
56,000.00
682,000.00
636,500.00
248,500.00
214,500.00
85,000.00
164,000.00
31,000.00
1,000.00

1,500.00
95,000.00
546,000.00
293,000.00
756,000.00
9,000.00
9,000.00
81,000.00
34,000.00
51,000.00
36,000.00
190,000.00
142,000.00
6,000.00
11,000.00
11,000.00
4,260,000.00
563,000.00
161,000.00
74,000.00
46,000.00
923,000.00
470,000.00
970,000.00
23,000.00
173,000.00
215,000.00
22,000.00
22,000.00
2,388,000.00
34,000.00
40,000.00
6,262,000.00
59,800,000.00
15,000,000.00
15,750,000.00
74,500.00
900,000.00
1,050,000.00
840,000.00
4,130,000.00
750,000.00
102,000.00
450,000.00

113,000.00
102,000.00
675,000.00
735,000.00
2,590,000.00
58,000,000.00
720,000.00
750,000.00
5,805,000.00
127,500.00
6,760,000.00
675,000.00
525,000.00
720,000.00
3,500,000.00
750,000.00
17,857,000.00
4,320,000.00
765,000.00
132,000.00
186,000.00
1,260,000.00
2,240,000.00
109,250,000.00
10,920,000.00
10,920,000.00
705,000.00
578,000.00
720,000.00
7,800,000.00
8,450,000.00
3,500,000.00
8,450,000.00
19,375,000.00
4,200,000.00
105,225,000.00
70,725,000.00
8,450,000.00
360,000.00
345,000,000.00
6,750,000.00
840,000.00
10,270,000.00
86,250,000.00

1,680,000.00
1,425,000.00
10,010,000.00
870,000.00
450,000.00
58,650,000.00
132,250,000.00
150,000.00
11,180,000.00
9,685,000.00
600,000.00
13,000,000.00
7,735,000.00
14,350,000.00
9,100,000.00
9,360,000.00
600,000.00
18,750,000.00
30,000,000.00
8,450,000.00
3,500,000.00
16,250,000.00
11,700,000.00
3,500.00
1,000.00
5,500.00
1,000.00
15,500.00
3,000.00
3,000.00
1,000.00
3,500.00
1,000.00
8,500.00
17,000.00
8,500.00
34,500.00
4,000.00
500.00
1,000.00
143,000.00
143,000.00
143,000.00
203,500.00

4,000.00
32,000.00
1,000.00
223,000.00
186,000.00
8,000.00
3,000.00
1,000.00
1,000.00
2,000.00
3,000.00
3,000.00
3,000.00
3,000.00
73,000.00
8,000.00
7,000.00
7,000.00
11,000.00
10,000.00
9,000.00
11,000.00
73,000.00
18,500.00
49,000.00
287,500.00
73,000.00
37,500.00
2,000.00
1,000.00
40,000.00
112,000.00
28,000.00
5,000.00
1,500.00
6,500.00
6,500.00
1,000.00
5,500.00
6,000.00
8,000.00
4,000.00
13,500.00
30,000.00

51,500.00
51,500.00
148,000.00
4,000.00
6,500.00
98,000.00
2,000.00
13,500.00
5,500.00
37,500.00
2,500.00
25,000.00
106,000.00
5,000.00
5,000.00
5,000.00
5,000.00
5,000.00
35,000.00
75,000.00
3,000.00
4,000.00
15,000.00
2,000.00
2,000.00
2,000.00
2,000.00
2,000.00
2,000.00
5,000.00
25,000.00
92,000.00
2,000.00
10,500.00
14,000.00
85,000.00
8,000.00
17,000.00
17,000.00
7,000.00
1,000.00
4,000.00
13,000.00
8,000.00

20,000.00
3,000.00
9,000.00
9,000.00
9,000.00
23,000.00
21,000.00
13,000.00
15,000.00
167,000.00
40,000.00
13,000.00
4,000.00
347,000.00
542,000.00
1,487,000.00
113,000.00
113,000.00
113,000.00
2,738,000.00
713,000.00
182,000.00
2,040,000.00
136,000.00
169,000.00
136,000.00
229,000.00
229,000.00
234,000.00
118,500.00
118,500.00
90,000.00
56,000.00
56,000.00
7,119,000.00
1,577,000.00
4,929,000.00
136,000.00
136,000.00
136,000.00
136,000.00
340,500.00
260,000.00
260,000.00

50,500.00
50,500.00
50,500.00
1,075,000.00
1,075,000.00
247,000.00
108,000.00
351,000.00
377,000.00
3,286,000.00
69,000.00
4,485,000.00
150,000.00
5,890,000.00
67,000.00
1,440,000.00
2,000.00
12,000.00
22,425,000.00
26,500.00
111,000.00
1,558,000.00
988,000.00
6,576,000.00
1,352,000.00
28,000.00
29,000.00
5,000.00
29,500.00
3,000.00
5,000.00
4,000.00
9,500.00
4,000.00
637,000.00
812,500.00
26,500.00
430,000.00
430,000.00
286,000.00
53,000.00
650,000.00
800,000.00
4,000.00

18,000.00
1,872,000.00
3,000.00
2,000.00
76,500.00
15,500.00
69,500.00
69,500.00
14,500.00
15,500.00
719,000.00
25,500.00
104,500.00
23,500.00
64,500.00
433,500.00
21,000.00
4,500.00
4,500.00
4,500.00
4,500.00
4,500.00
19,500.00
4,000.00
4,000.00
4,000.00
520,000.00
520,000.00
600,000.00
18,000.00
22,000.00
122,000.00
2,500.00
1,500.00
3,500.00
3,500.00
1,500.00
3,000.00
384,000.00
572,000.00
70,000.00
18,420,500.00
3,037,000.00
389,000.00

6,232,000.00
1,849,000.00
10,183,500.00
234,000.00
308,000.00
3,165,500.00
22,179,000.00
22,179,000.00
156,000.00
223,000.00
442,000.00
857,500.00
6,140,500.00
249,500.00
448,500.00
902,500.00
520,000.00
15,000.00
215,000.00
221,000.00
14,000.00
234,000.00
260,000.00
260,000.00
429,000.00
95,000.00
95,000.00
429,000.00
429,000.00
31,000.00
16,000.00
16,000.00
135,000.00
135,000.00
135,000.00
135,000.00
135,000.00
1,235,000.00
1,644,500.00
1,644,000.00
70,000.00
495,500.00
1,800,000.00
135,000.00

135,000.00
1,188,000.00
1,181,500.00
2,932,500.00
1,216,000.00
195,500.00
572,000.00
135,000.00
56,000.00
13,000.00
36,000.00
340,500.00
340,500.00
340,500.00
4,197,500.00
89,000.00
11,844,500.00
9,200,000.00
103,000.00
36,500.00
169,000.00
89,000.00
1,800,000.00
1,800,000.00
3,450,000.00
13,225,000.00
7,475,000.00
10,350,000.00
10,000.00
1,040,000.00
1,000,000.00
1,075,000.00
2,340,000.00
1,371,500.00
247,000.00
3,000.00
637,000.00
1,660,000.00
585,000.00
15,000.00
101,000.00
557,000.00
631,000.00
774,000.00

988,000.00
1,220,000.00
1,349,000.00
700,000.00
700,000.00
700,000.00
279,500.00
293,000.00
18,000.00
684,500.00
353,000.00
161,000.00
950,000.00
124,000.00
1,224,000.00
1,224,000.00
122,000.00
15,000.00
88,000.00
800,000.00
6,352,000.00
12,048,000.00
433,000.00
433,000.00
433,000.00
1,806,000.00
1,806,000.00
1,806,000.00
1,806,000.00
1,806,000.00
1,806,000.00
862,500.00
862,500.00
1,062,500.00
1,062,500.00
1,062,500.00
1,062,500.00
900,000.00
900,000.00
900,000.00
433,000.00
253,500.00
272,000.00
1,718,000.00

687,500.00
351,000.00
131,500.00
81,000.00
81,000.00
2,956,000.00
10,850,000.00
10,850,000.00
2,298,500.00
7,825,500.00
6,086,000.00
8,037,000.00
8,037,000.00
7,419,000.00
4,695,000.00
4,695,000.00
4,695,000.00
3,651,500.00
1,740,000.00
4,772,500.00
4,000.00
7,000.00
81,000.00
314,000.00
341,500.00
564,000.00
564,000.00
564,000.00
564,000.00
443,500.00
443,500.00
1,180,000.00
106,500.00
1,207,500.00
325,000.00
437,000.00
69,500.00
3,500.00
1,297,000.00
1,944,000.00
124,000.00
221,500.00
51,000.00
71,000.00

519,000.00
111,500.00
111,500.00
74,500.00
7,500.00
509,000.00
69,000.00
69,000.00
69,000.00
69,000.00
69,500.00
498,000.00
498,000.00
498,000.00
371,000.00
127,500.00
1,181,500.00
136,500.00
89,000.00
409,500.00
2,085,500.00
187,000.00
51,500.00
5,750,000.00
1,920,000.00
813,000.00
195,000.00
288,000.00
288,000.00
1,063,000.00
1,063,000.00
1,090,000.00
288,000.00
306,500.00
234,500.00
306,500.00
234,500.00
306,500.00
1,205,500.00
123,000.00
1,205,500.00
123,000.00
306,500.00
303,000.00

4,917,500.00
70,000.00
900,000.00
893,000.00
396,000.00
652,500.00
221,000.00
221,000.00
221,000.00
643,000.00
1,260,000.00
2,400,000.00
6,325,000.00
176,000.00
195,000.00
195,000.00
1,132,000.00
260,000.00
17,000.00
1,806,000.00
48,000.00
273,000.00
750,000.00
169,000.00
214,500.00
266,500.00
1,568,000.00
966,000.00
87,500.00
1,000,000.00
976,000.00
402,000.00
479,000.00
386,000.00
84,000.00
937,000.00
825,500.00
22,000.00
658,500.00
4,819,000.00
4,819,000.00
5,476,000.00
4,819,000.00
1,179,000.00

930,000.00
1,075,000.00
416,000.00
882,000.00
483,000.00
143,000.00
143,000.00
2,340,000.00
1,010,000.00
552,500.00
135,000.00
135,000.00
972,500.00
10,788,000.00
1,250,000.00
1,250,000.00
24,126,000.00
3,278,000.00
3,614,000.00
1,010,000.00
409,000.00
7,590,000.00
455,000.00
585,000.00
585,000.00
2,052,000.00
3,702,000.00
4,140,000.00
6,790,000.00
5,888,000.00
3,976,000.00
23,750,000.00
23,750,000.00
23,750,000.00
1,371,000.00
780,000.00
4,140,000.00
3,702,000.00
3,702,000.00
2,052,000.00
2,052,000.00
2,052,000.00
2,052,000.00
5,980,000.00

14,720,000.00
455,000.00
4,000.00
5,586,000.00
5,244,000.00
3,000.00
266,000.00
1,386,000.00
3,702,000.00
135,000.00
135,000.00
1,386,000.00
526,000.00
260,000.00
4,600,000.00
11,500,000.00
1,125,000.00
6,900,000.00
7,187,000.00
3,176,000.00
6,845,000.00
6,462,000.00
2,336,000.00
2,381,000.00
2,158,000.00
875,000.00
128,000.00
1,486,000.00
1,947,000.00
195,000.00
86,000.00
129,000.00
2,410,000.00
2,383,000.00
14,690,000.00
3,000.00
10,733,000.00
8,000.00
20,000.00
182,000.00
5,237,000.00
1,214,000.00
2,913,000.00
5,723,000.00

2,533,000.00
18,661,000.00
2,400,000.00
3,764,000.00
1,714,000.00
409,000.00
3,614,000.00
5,405,000.00
619,000.00
2,902,000.00
2,400,000.00
56,000.00
56,000.00
56,000.00
56,000.00
56,000.00
56,000.00
975,000.00
6,845,000.00
2,000,000.00
6,900,000.00
6,845,000.00
6,845,000.00
7,667,000.00
3,505,000.00
136,000.00
51,000.00
619,000.00
1,269,000.00
3,833,000.00
619,000.00
619,000.00
1,440,000.00
700,000.00
1,071,000.00
10,405,000.00
182,000.00
18,573,000.00
832,000.00
1,012,000.00
169,000.00
1,943,000.00
13,143,000.00
248,000.00

235,000.00
235,000.00
1,215,000.00
3,067,000.00
3,067,000.00
2,057,000.00
3,000.00
3,000.00
624,000.00
81,000.00
619,000.00
176,000.00
529,000.00
540,000.00
3,100,000.00
7,119,000.00
2,286,000.00
8,625,000.00
650,000.00
325,000.00
39,000.00
11,000.00
390,000.00
125,000.00
654,000.00
95,000.00
3,500,000.00
870,000.00
750,000.00
310,000.00
29,000.00
108,000.00
592,000.00
351,000.00
20,000.00
8,532,000.00
1,915,000.00
1,915,000.00
1,915,000.00
1,915,000.00
1,915,000.00
1,915,000.00
1,915,000.00
1,915,000.00

2,410,000.00
2,410,000.00
2,410,000.00
347,000.00
1,560,000.00
4,025,000.00
3,450,000.00
1,225,000.00
2,400,000.00
88,000.00
105,000.00
503,000.00
650,000.00
532,000.00
5,511,000.00
27,381,000.00
6,243,000.00
42,000.00
433,000.00
1,701,000.00
1,480,000.00
938,000.00
195,000.00
2,000.00
81,000.00
1,361,000.00
470,000.00
247,000.00
205,000.00
161,000.00
415,000.00
690,000.00
798,000.00
312,000.00
1,936,000.00
7,230,000.00
2,171,000.00
47,000.00
27,000.00
27,000.00
520,000.00
520,000.00
38,000.00
182,000.00

190,000.00
1,656,000.00
14,000.00
1,469,000.00
1,698,000.00
883,000.00
883,000.00
883,000.00
883,000.00
2,379,000.00
2,817,000.00
883,000.00
883,000.00
630,000.00
1,792,000.00
1,023,000.00
893,000.00
26,136,000.00
46,000.00
1,660,000.00
5,150,000.00
7,670,000.00
334,000.00
101,000.00
94,500.00
103,000.00
33,000.00
22,000.00
2,057,000.00
31,500.00
55,000.00
61,000.00
176,500.00
350,000.00
33,000.00
30,000.00
42,000.00
11,000.00
55,000.00
52,000.00
3,000.00
5,000.00
60,000.00
49,500.00

32,500.00
21,000.00
67,000.00
44,000.00
43,500.00
45,000.00
31,500.00
24,000.00
206,500.00
17,500.00
17,000.00
24,500.00
23,000.00
50,000.00
136,000.00
174,500.00
138,000.00
169,000.00
153,500.00
108,500.00
106,000.00
115,000.00
86,000.00
184,000.00
133,000.00
116,000.00
121,500.00
1,500.00
31,500.00
17,000.00
17,000.00
17,000.00
17,000.00
17,000.00
22,000.00
25,000.00
8,000.00
4,000.00
2,500.00
204,000.00
135,000.00
618,000.00
618,000.00
452,000.00

474,500.00
1,172,500.00
1,231,500.00
650,000.00
442,000.00
3,000.00
60,000.00
1,250,000.00
37,000.00
49,000.00
36,000.00
1,250,000.00
1,440,000.00
1,440,000.00
1,440,000.00
131,000.00
131,000.00
137,000.00
43,000.00
42,000.00
36,500.00
234,000.00
189,000.00
189,000.00
92,000.00
17,500.00
17,500.00
17,500.00
17,500.00
17,500.00
17,500.00
17,500.00
17,000.00
97,500.00
97,500.00
97,500.00
97,500.00
97,500.00
62,000.00
62,000.00
42,000.00
28,000.00
42,000.00
42,000.00

38,000.00
97,500.00
122,000.00
122,000.00
234,000.00
520,000.00
51,500.00
101,000.00
569,500.00
569,500.00
569,500.00
17,500.00
17,500.00
17,500.00
17,500.00
17,500.00
17,500.00
17,500.00
15,000.00
17,500.00
17,500.00
17,000.00
111,500.00
21,497,000.00
13,175,500.00
18,943,000.00
31,000.00
60,500.00
74,500.00
43,500.00
28,000.00
28,000.00
23,500.00
7,000.00
23,500.00
3,000.00
10,000.00
4,000.00
17,250,000.00
3,000.00
9,750,000.00
130,000.00
163,000.00
45,000.00

3,000.00
281,000.00
69,500.00
50,000.00
187,500.00
21,500.00
4,183,000.00
46,500.00
46,500.00
2,400,000.00
1,143,000.00
1,193,000.00
135,000.00
2,738,000.00
2,738,000.00
2,738,000.00
7,700.00
2,400,000.00
1,250,000.00
56,000.00
7,500.00
7,500.00
6,900,000.00
825,000.00
245,000.00
101,000.00
175,000.00
511,000.00
207,000.00
56,000.00
632,000.00
825,000.00
124,000.00
208,000.00
177,500.00
311,000.00
97,000.00
4,281,000.00
984,000.00
260,000.00
13,000.00
618,000.00
419,000.00
14,000.00

8,625,000.00
95,000.00
149,000.00
42,000.00
529,000.00
813,000.00
800,000.00
611,000.00
520,000.00
416,000.00
559,000.00
713,000.00
788,000.00
145,000.00
95,000.00
290,000.00
8,000.00
1,829,000.00
2,286,000.00
50,000.00
169,000.00
442,000.00
95,000.00
50,000.00
38,000.00
81,000.00
81,000.00
81,000.00
81,000.00
81,000.00
81,000.00
22,000.00
64,000.00
64,000.00
67,000.00
28,000.00
442,000.00
14,000.00
15,000.00
129,000.00
21,000.00
24,000.00
618,000.00
25,000.00

116,000.00
22,000.00
825,000.00
33,000.00
3,000.00
116,000.00
136,000.00
244,000.00
280,000.00
179,000.00
374,000.00
1,971,000.00
1,971,000.00
236,000.00
137,000.00
110,500.00
1,320,000.00
1,320,000.00
370,500.00
114,500.00
312,500.00
106,000.00
90,000.00
2,716,000.00
129,000.00
66,000.00
381,000.00
4,229,000.00
200,000.00
214,000.00
1,473,000.00
382,000.00
301,000.00
710,000.00
713,000.00
621,000.00
227,000.00
290,000.00
187,000.00
195,000.00
20,000.00
660,000.00
1,470,000.00
150,000.00

263,000.00
11,500.00
72,000.00
425,000.00
277,500.00
42,000.00
203,000.00
12,000.00
25,500.00
82,500.00
585,500.00
308,000.00
425,000.00
105,500.00
7,000.00
332,000.00
5,500.00
2,500.00
625,000.00
438,000.00
136,000.00
159,000.00
64,000.00
100,000.00
71,500.00
5,000.00
7,000.00
76,000.00
175,000.00
200,000.00
95,000.00
91,000.00
5,500.00
95,000.00
143,000.00
175,000.00
348,000.00
17,000.00
895,500.00
12,000.00
17,500.00
550,000.00
395,000.00
9,000.00

685,000.00
391,500.00
338,000.00
545,000.00
306,000.00
23,500.00
81,000.00
12,000.00
261,000.00
440,000.00
495,000.00
71,000.00
70,000.00
231,500.00
248,000.00
16,000.00
25,000.00
244,000.00
241,000.00
339,000.00
5,487,000.00
80,000.00
47,000.00
15,000.00
14,000.00
694,000.00
38,000.00
200,000.00
15,000.00
12,000.00
375,000.00
62,000.00
22,000.00
324,000.00
116,000.00
116,000.00
399,000.00
392,000.00
92,000.00
82,000.00
54,000.00
45,000.00
82,000.00
9,000.00

363,000.00
248,000.00
129,000.00
294,000.00
294,000.00
294,000.00
294,000.00
375,000.00
16,000.00
10,000.00
335,000.00
69,000.00
21,000.00
332,000.00
219,000.00
219,000.00
210,000.00
550,000.00
439,000.00
656,000.00
48,000.00
89,000.00
382,000.00
409,000.00
34,000.00
36,000.00
50,000.00
44,000.00
18,000.00
16,000.00
438,000.00
30,000.00
211,000.00
177,000.00
293,000.00
15,000.00
110,000.00
13,000.00
128,000.00
121,000.00
136,500.00
239,500.00
57,500.00
138,000.00

72,000.00
276,000.00
261,000.00
150,000.00
154,000.00
289,000.00
41,000.00
12,000.00
5,143,000.00
375,000.00
272,000.00
17,000.00
80,000.00
383,000.00
750,000.00
5,214,000.00
1,274,000.00
19,000.00
19,000.00
7,886,000.00
9,143,000.00
190,000.00
7,000.00
21,500.00
1,000.00
25,000.00
7,500.00
1,000,000.00
133,000.00
197,000.00
88,000.00
146,500.00
236,000.00
146,000.00
20,000.00
952,000.00
136,000.00
22,000.00
5,000.00
21,000.00
2,500.00
41,000.00
48,000.00
43,000.00

10,000.00
1,000.00
12,000.00
25,500.00
19,500.00
3,500.00
40,500.00
16,000.00
24,500.00
18,500.00
29,000.00
6,500.00
19,000.00
19,000.00
60,000.00
145,000.00
117,000.00
10,000.00
20,000.00
7,000.00
6,000.00
8,000.00
750,000.00
21,000.00
304,000.00
580,000.00
21,000.00
263,000.00
8,000.00
9,500.00
2,000.00
7,500.00
7,000.00
126,500.00
21,000.00
29,000.00
8,000.00
85,500.00
22,000.00
15,000.00
54,500.00
227,000.00
61,000.00
22,000.00

152,000.00
20,000.00
32,000.00
18,000.00
250,000.00
21,000.00
1,800,000.00
9,000.00
9,500.00
128,000.00
49,500.00
131,000.00
7,727,000.00
1,000.00
3,000.00
24,000.00
5,000.00
5,000.00
29,000.00
109,000.00
250,000.00
17,000.00
154,000.00
28,000.00
3,000.00
117,000.00
8,000.00
4,539,000.00
3,435,000.00
2,249,000.00
220,000.00
7,920,000.00
127,500.00
829,000.00
35,000.00
168,000.00
47,000.00
5,880,000.00
53,000.00
902,000.00
480,000.00
3,000.00
19,000.00
3,000.00

5,472,000.00
519,000.00
12,000.00
3,000.00
117,000.00
18,000.00
36,000.00
48,000.00
1,000.00
27,000.00
8,000.00
12,000.00
8,000.00
15,000.00
8,800,000.00
4,000.00
31,500.00
8,000.00
21,000.00
4,000.00
3,000.00
341,000.00
9,000.00
11,000.00
5,000.00
39,000.00
3,000.00
2,500.00
7,000.00
988,000.00
1,222,000.00
743,000.00
9,000.00
5,000.00
29,000.00
12,000.00
2,000.00
34,000.00
131,000.00
50,000.00
18,000.00
1,024,000.00
25,000.00
28,000.00

52,000.00
194,000.00
30,000.00
6,000.00
21,000.00
15,000.00
4,000.00
24,000.00
195,000.00
45,000.00
19,000.00
517,000.00
2,000.00
21,000.00
5,000.00
74,000.00
512,000.00
14,000.00
27,000.00
490,000.00
10,000.00
37,000.00
12,000.00
738,000.00
3,000.00
29,000.00
31,500.00
4,000.00
33,000.00
29,000.00
73,000.00
12,000.00
139,000.00
9,000.00
101,000.00
494,000.00
43,000.00
75,500.00
55,000.00
64,000.00
3,000.00
81,000.00
4,000.00
6,000.00

190,000.00
2,070,000.00
60,000.00
110,000.00
120,000.00
2,000.00
34,000.00
2,500.00
1,000.00
27,000.00
2,000.00
7,000.00
9,000.00
3,000.00
4,500.00
6,500.00
3,000.00
12,500.00
75,000.00
26,000.00
15,000.00
1,500.00
1,000.00
641,000.00
132,000.00
141,500.00
7,000.00
315,000.00
3,500.00
781,500.00
28,000.00
28,000.00
28,000.00
150,000.00
2,276,500.00
28,000.00
21,500.00
17,000.00
1,058,500.00
16,000.00
509,500.00
28,000.00
129,000.00
1,000.00

98,000.00
122,000.00
17,500.00
8,000.00
6,000.00
16,000.00
16,000.00
19,000.00
28,000.00
1,000.00
52,000.00
9,000.00
31,500.00
24,000.00
152,000.00
2,000.00
12,000.00
71,500.00
463,000.00
161,500.00
161,500.00
384,000.00
248,000.00
204,000.00
333,500.00
525,000.00
12,500.00
19,000.00
12,500.00
17,500.00
16,000.00
1,138,500.00
1,000.00
9,500.00
8,000.00
15,000.00
16,500.00
63,000.00
4,500.00
29,000.00
24,500.00
150,000.00
18,000.00
66,000.00

298,500.00
3,209,000.00
44,500.00
3,000.00
199,000.00
55,000.00
6,000.00
25,000.00
10,000.00
9,000.00
13,456,000.00
2,000.00
45,000.00
5,000.00
4,000.00
29,000.00
292,000.00
7,000.00
6,000.00
24,500.00
3,500.00
725,000.00
854,000.00
17,000.00
7,500.00
3,000.00
7,000.00
29,500.00
16,000.00
21,500.00
7,000.00
2,000.00
4,500.00
4,000.00
7,500.00
9,000.00
3,000.00
22,500.00
25,000.00
532,000.00
8,000.00
117,000.00
138,500.00
459,500.00

85,000.00
4,000.00
10,000.00
57,000.00
2,990,000.00
19,500.00
17,000.00
20,500.00
13,000.00
14,000.00
19,000.00
20,500.00
19,000.00
44,500.00
6,000.00
3,000.00
95,000.00
156,500.00
370,000.00
15,000.00
31,000.00
25,000.00
6,000.00
16,000.00
26,000.00
3,000.00
14,500.00
96,500.00
3,500.00
22,000.00
87,000.00
10,500.00
64,000.00
45,000.00
8,000.00
18,000.00
19,500.00
62,000.00
9,000.00
1,474,000.00
8,500.00
15,000.00
10,000.00
80,000.00

27,000.00
115,000.00
295,000.00
36,000.00
36,000.00
8,000.00
12,000.00
82,000.00
6,500.00
10,000.00
16,000.00
8,500.00
1,500.00
26,500.00
14,500.00
201,000.00
11,000.00
21,000.00
8,500.00
148,000.00
15,000.00
4,500.00
2,000.00
29,000.00
9,000.00
10,000.00
1,000.00
4,000.00
36,000.00
26,500.00
20,000.00
30,000.00
16,500.00
72,000.00
72,000.00
84,000.00
19,500.00
13,500.00
30,000.00
1,500.00
339,000.00
95,000.00
9,000.00
12,000.00

24,000.00
250,000.00
382,500.00
251,000.00
42,000.00
200,000.00
21,000.00
4,423,000.00
146,000.00
9,000.00
30,000.00
15,000.00
20,000.00
22,000.00
27,000.00
15,500.00
4,000.00
6,000.00
8,000.00
2,500.00
2,419,000.00
3,000.00
2,500.00
22,000.00
104,000.00
560,000.00
22,000.00
592,500.00
15,000.00
23,500.00
15,000.00
3,402,000.00
12,000.00
21,000.00
2,000.00
5,000.00
4,000.00
24,000.00
914,000.00
26,500.00
3,000.00
21,000.00
51,000.00
276,000.00

59,000.00
68,000.00
8,000.00
29,000.00
37,500.00
204,000.00
286,000.00
6,000.00
6,000.00
123,000.00
1,500.00
35,500.00
5,000.00
32,000.00
11,000.00
22,000.00
15,000.00
23,000.00
17,000.00
54,500.00
130,000.00
82,000.00
291,000.00
9,000.00
1,000.00
10,500.00
4,000.00
7,500.00
3,000.00
72,500.00
23,000.00
40,000.00
137,500.00
21,777,000.00
7,000.00
1,000.00
16,000.00
1,000.00
32,500.00
8,000.00
1,000.00
32,500.00
35,000.00
3,000.00

4,000.00
32,000.00
12,000.00
129,000.00
4,000.00
2,000.00
27,000.00
27,000.00
18,000.00
36,000.00
4,000.00
179,000.00
13,500.00
4,000.00
39,000.00
5,000.00
467,000.00
54,500.00
1,500.00
172,500.00
2,000.00
29,500.00
20,500.00
262,500.00
650,000.00
773,000.00
36,500.00
18,000.00
15,500.00
8,000.00
32,000.00
31,500.00
5,000.00
23,500.00
15,000.00
99,000.00
18,000.00
17,000.00
201,000.00
11,000.00
32,000.00
245,000.00
3,000.00
18,500.00

180,000.00
9,500.00
37,000.00
6,500.00
3,000.00
6,000.00
40,000.00
12,000.00
3,000.00
159,000.00
33,000.00
49,000.00
5,000.00
12,000.00
10,500.00
24,000.00
8,000.00
299,000.00
1,104,000.00
13,500.00
38,500.00
2,000.00
179,000.00
182,500.00
10,000.00
2,500.00
26,500.00
17,500.00
94,000.00
27,000.00
7,000.00
27,000.00
126,500.00
3,082,000.00
25,500.00
240,000.00
562,000.00
91,500.00
9,000.00
20,500.00
158,000.00
1,500.00
19,000.00
497,500.00

22,000.00
54,000.00
437,000.00
2,000.00
196,000.00
690,500.00
5,000.00
64,000.00
83,000.00
16,000.00
8,500.00
30,500.00
9,000.00
375,000.00
18,000.00
158,000.00
9,000.00
9,000.00
3,000.00
2,000.00
16,500.00
4,500.00
2,000.00
3,000.00
24,500.00
35,000.00
14,000.00
114,500.00
14,000.00
71,500.00
65,000.00
13,000.00
8,500.00
274,500.00
205,000.00
52,500.00
117,000.00
6,000.00
10,000.00
99,500.00
384,000.00
7,000.00
9,500.00
9,000.00

12,000.00
28,500.00
293,500.00
102,000.00
71,500.00
40,000.00
48,000.00
77,000.00
92,500.00
40,000.00
146,000.00
131,000.00
450,000.00
362,500.00
21,000.00
26,500.00
20,500.00
2,000.00
1,500.00
6,035,000.00
9,500.00
5,443,500.00
117,500.00
131,000.00
4,000.00
4,500.00
11,500.00
10,000.00
69,000.00
6,000.00
3,000.00
9,500.00
6,000.00
29,000.00
15,500.00
8,500.00
18,000.00
6,000.00
6,500.00
6,000.00
4,539,000.00
4,525,000.00
639,500.00
34,000.00

36,000.00
470,000.00
302,000.00
118,500.00
2,000.00
32,500.00
2,000.00
13,500.00
3,000.00
3,500.00
8,500.00
155,000.00
88,000.00
3,000.00
15,000.00
18,000.00
65,000.00
27,000.00
105,500.00
147,500.00
24,000.00
18,000.00
8,000.00
3,000.00
1,139,500.00
33,000.00
48,000.00
130,000.00
9,000.00
116,500.00
1,113,000.00
42,500.00
12,500.00
6,500.00
5,500.00
8,000.00
6,000.00
48,000.00
30,000.00
6,000.00
19,500.00
234,500.00
3,000.00
1,905,000.00

5,703,000.00
14,399,000.00
2,000.00
176,000.00
6,000.00
52,000.00
3,500.00
9,000.00
9,000.00
117,000.00
33,000.00
44,500.00
27,500.00
21,000.00
2,000.00
54,500.00
1,260,000.00
18,000.00
10,000.00
37,000.00
61,500.00
38,500.00
4,000.00
64,000.00
8,000.00
12,000.00
10,000.00
27,000.00
49,500.00
49,500.00
31,000.00
14,000.00
12,500.00
1,211,000.00
33,500.00
3,000.00
2,970,000.00
9,500.00
36,000.00
38,000.00
7,759,000.00
300,000.00
22,000.00
9,000.00

130,000.00
9,000.00
2,500.00
3,000.00
83,000.00
328,500.00
12,000.00
9,000.00
33,000.00
3,000.00
23,500.00
2,500.00
117,000.00
18,000.00
20,000.00
22,500.00
20,000.00
158,000.00
51,000.00
21,677.00
5,000.00
42,000.00
7,000.00
7,000.00
25,000.00
17,500.00
331,000.00
356,000.00
24,000.00
20,000.00
16,000.00
1,220,000.00
29,000.00
686,000.00
744,000.00
24,000.00
27,000.00
30,000.00
32,224,000.00
10,025,000.00
20,000.00
22,000.00
104,000.00
12,000.00

194,000.00
376,000.00
9,000.00
58,000.00
4,000.00
65,000.00
28,000.00
3,000.00
45,000.00
4,000.00
2,000.00
34,000.00
130,000.00
6,000.00
45,000.00
20,000.00
6,000.00
1,416,000.00
2,000.00
3,000.00
1,000.00
16,000.00
63,000.00
7,000.00
4,000.00
3,000.00
124,000.00
11,000.00
79,000.00
9,000.00
84,000.00
34,000.00
31,000.00
42,000.00
722,400.00
8,000.00
7,000.00
12,000.00
3,000.00
7,000.00
11,000.00
1,000.00
9,000.00
72,000.00

149,000.00
17,000.00
3,000.00
131,000.00
18,200.00
2,910,000.00
6,000.00
3,000.00
6,000.00
111,000.00
2,910,000.00
30,000.00
2,000.00
5,000.00
27,000.00
31,000.00
28,000.00
52,000.00
52,000.00
42,000.00
232,000.00
85,000.00
23,000.00
3,000.00
114,000.00
3,000.00
2,000.00
110,000.00
20,000.00
18,000.00
3,168,000.00
9,000.00
9,000.00
14,000.00
9,000.00
108,000.00
19,000.00
10,000.00
21,000.00
8,000.00
154,000.00
2,000.00
4,000.00
55,000.00

176,000.00
357,000.00
7,320,000.00
22,000.00
16,000.00
4,000.00
7,000.00
4,000.00
36,000.00
72,000.00
2,922,000.00
28,000.00
13,000.00
6,000.00
15,000.00
15,000.00
413,000.00
42,000.00
37,000.00
3,000.00
3,000.00
54,000.00
130,000.00
3,000.00
3,000.00
23,000.00
4,000.00
145,000.00
17,000.00
400,000.00
600,000.00
45,000.00
200,000.00
69,000.00
40,000.00
62,000.00
200,000.00
53,000.00
64,000.00
107,000.00
113,000.00
67,000.00
130,000.00
48,000.00

7,000.00
11,000.00
8,000.00
4,000.00
7,442,000.00
27,182,000.00
125,000.00
77,000.00
368,000.00
299,000.00
108,000.00
253,000.00
3,070,000.00
9,898,000.00
133,000.00
473,000.00
2,490,000.00
926,000.00
121,000.00
1,030,000.00
378,000.00
10,027,000.00
5,117,000.00
2,815,000.00
3,650,000.00
867,000.00
7,254,000.00
30,945,000.00
21,593,000.00
922,000.00
1,025,000.00
1,035,000.00
116,000.00
1,640,000.00
52,436,000.00
17,032,000.00
65,045,000.00
732,000.00
1,035,000.00
437,000.00
502,000.00
1,725,000.00
863,000.00
483,000.00

4,000.00
4,231,000.00
1,692,000.00
67,510,000.00
48,000.00
493,000.00
159,000.00
307,000.00
427,000.00
2,723,000.00
230,000.00
1,234,000.00
8,000.00
2,583,000.00
193,000.00
5,107,000.00
85,000.00
41,855,000.00
82,000.00
14,465,000.00
3,484,000.00
357,000.00
122,000.00
83,000.00
416,000.00
1,314,000.00
396,000.00
4,162,000.00
1,283,000.00
1,283,000.00
7,000.00
312,000.00
589,000.00
37,000.00
648,000.00
16,560,000.00
11,132,000.00
77,000.00
15,871,000.00
362,000.00
285,000.00
63,000.00
470,000.00
9,500.00

28,500.00
70,000.00
9,000.00
19,000.00
10,000.00
4,000.00
4,000.00
8,000.00
41,000.00
3,500.00
6,000.00
10,000.00
9,500.00
11,500.00
8,000.00
113,000.00
113,000.00
1,000.00
3,000.00
50,000.00
15,000.00
88,500.00
28,000.00
28,000.00
98,000.00
14,500.00
5,500.00
1,000.00
85,000.00
8,000.00
7,000.00
34,500.00
4,000.00
20,500.00
70,500.00
27,000.00
11,000.00
7,000.00
57,000.00
9,000.00
27,000.00
3,000.00
26,500.00
16,000.00

8,000.00
11,500.00
11,000.00
5,000.00
10,000.00
13,500.00
10,000.00
80,000.00
78,000.00
71,500.00
129,500.00
5,000.00
9,000.00
4,000.00
16,000.00
3,500.00
21,000.00
3,000.00
22,000.00
90,000.00
5,500.00
6,000.00
5,000.00
2,500.00
5,000.00
4,500.00
5,000.00
2,000.00
95,500.00
70,000.00
22,000.00
9,000.00
89,000.00
78,000.00
2,000.00
7,000.00
21,000.00
3,500.00
27,000.00
3,000.00
26,000.00
10,000.00
30,500.00
5,500.00

121,000.00
10,000.00
27,300.00
44,000.00
25,000.00
59,000.00
58,000.00
7,000.00
35,000.00
54,000.00
72,500.00
60,000.00
47,000.00
66,500.00
291,000.00
1,000.00
6,500.00
65,000.00
15,750.00
4,500.00
2,000.00
4,000.00
4,000.00
10,000.00
9,000.00
3,000.00
7,000.00
238,000.00
10,000.00
9,000.00
4,000.00
4,000.00
86,000.00
80,000.00
85,000.00
24,000.00
58,500.00
35,000.00
6,500.00
10,500.00
123,000.00
10,000.00
5,000.00
5,000.00

117,000.00
1,000.00
5,500.00
1,000.00
3,000.00
347,000.00
3,500.00
3,000.00
3,000.00
3,000.00
238,000.00
32,000.00
4,000.00
106,500.00
28,000.00
275,000.00
302,500.00
1,500.00
5,000.00
420,000.00
500.00
1,000.00
82,000.00
3,000.00
72,000.00
71,500.00
71,500.00
9,000.00
8,000.00
14,000.00
9,000.00
3,000.00
2,000.00
229,000.00
128,000.00
8,000.00
80,000.00
2,000.00
5,000.00
2,000.00
352,000.00
33,000.00
457,000.00
2,000.00

27,000.00
3,000.00
2,000.00
28,000.00
2,000.00
111,000.00
39,000.00
23,000.00
8,000.00
10,000.00
204,000.00
3,000.00
84,000.00
2,000.00
154,000.00
8,000.00
47,000.00
37,000.00
57,000.00
411,000.00
7,000.00
117,000.00
43,000.00
18,000.00
11,000.00
28,000.00
3,000.00
98,000.00
6,000.00
232,000.00
2,000.00
41,000.00
5,000.00
45,000.00
55,000.00
81,000.00
10,000.00
19,000.00
26,000.00
20,000.00
10,000.00
187,000.00
44,000.00
95,000.00

78,000.00
204,000.00
195,000.00
37,000.00
2,000.00
46,000.00
236,000.00
54,000.00
51,000.00
1,070,000.00
658,000.00
582,000.00
135,000.00
174,000.00
1,869,000.00
159,000.00
287,000.00
243,000.00
288,000.00
114,000.00
1,080,000.00
330,000.00
70,000.00
356,000.00
950,000.00
1,027,000.00
237,000.00
70,000.00
750,000.00
700,000.00
1,300,000.00
160,000.00
83,000.00
570,000.00
235,000.00
782,000.00
471,000.00
1,364,000.00
1,600,000.00
740,000.00
352,381.00
352,381.00
558,000.00
3,185,000.00

131,000.00
127,000.00
132,000.00
163,000.00
353,000.00
1,894,000.00
1,189,000.00
4,200,000.00
1,020,000.00
84,000.00
30,000.00
1,360,000.00
86,000.00
62,000.00
4,000.00
13,000.00
176,000.00
8,086,000.00
10,262,000.00
4,000.00
117,000.00
69,000.00
219,000.00
57,000.00
2,167,000.00
43,000.00
171,000.00
19,000.00
14,000.00
99,000.00
132,000.00
151,000.00
311,000.00
32,000.00
181,000.00
100,000.00
47,000.00
43,000.00
99,000.00
73,000.00
166,000.00
22,000.00
17,321,000.00
14,000.00

23,000.00
214,000.00
4,000.00
518,000.00
126,000.00
34,000.00
657,000.00
1,023,000.00
63,000.00
2,680,000.00
4,653,000.00
22,000.00
15,000.00
114,000.00
537,000.00
276,000.00
204,000.00
50,000.00
307,000.00
278,000.00
180,000.00
120,000.00
50,000.00
47,000.00
362,000.00
1,043,000.00
180,000.00
126,000.00
165,000.00
217,000.00
7,676,000.00
185,000.00
1,231,000.00
204,000.00
4,890,000.00
80,000.00
243,000.00
46,000.00
103,000.00
120,000.00
19,000.00
2,925,000.00
1,120,000.00
72,000.00

6,864,000.00
495,000.00
134,000.00
768,000.00
7,475,000.00
64,000.00
84,000.00
86,000.00
1,201,000.00
39,000.00
1,270,000.00
1,311,000.00
5,484,000.00
21,000.00
5,000.00
4,742,000.00
1,260,000.00